

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net



LỜI NGỎ

Thưa quý vị cùng các bạn!

Xuân Bính Thân - 2016 đang gõ cửa từng nhà làm cho nhịp sống của những ngày cận Tết trở nên rộn rã, vui tươi, báo hiệu một năm mới với bao hứa hẹn tốt đẹp. Trong không khí ấy, tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này là món quà nhỏ mà BBT trân trọng gửi đến quý vị và các bạn kèm theo lời chúc năm mới tốt đẹp nhất.

Năm 2015, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Bản tin - Thông tin nghiên cứu Bảo tồn di sản của chúng ta đang cố gắng có sự đổi mới về nội dung lẫn hình thức, kịp thời thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu và nghiên cứu của nhiều độc giả về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy Di sản Hội An. Đạt được kết quả đó chính là nhờ vào sự tham gia của nhiều cây bút và sự cổ vũ nhiệt tình của quý vị và bạn đọc. BBT tin tưởng rằng sẽ nhận được ngày càng nhiều sự cộng tác và trao đổi của quý vị cùng các bạn để tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản của chúng ta hữu ích và hấp dẫn hơn nữa.

Trước thềm năm mới Bính Thân - 2016, BBT kính chúc quý vị, các bạn cùng gia quyến một năm mới An Khang, Thịnh Vượng, Vạn Sự Như ý.

BAN BIÊN TẬP

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Chí Trung

Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo
tồn Di sản Văn hóa Hội An

Chịu trách nhiệm nội dung

Trần Văn An

Phó giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Biên tập

Trần Văn An

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm,
tại Công ty cổ phần In – Phát
hành sách và Thiết bị trường học
Quảng Nam. 260 Hùng Vương -
TP. Tam Kỳ. ĐT: 05103.859367
Email: Chebaninqnam@gmail.com
GPXB số: /GP-STTTT do Sở
Thông tin và Truyền thông Quảng
Nam cấp ngày /.... /2016. In
xong và nộp lưu chiểu
tháng.... /2016

Số 01 (33) - 2016

❁ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Tết Nguyên đán ở Hội An.....
- Chuyện khi ở Cù Lao Chàm.....
- Năm con khỉ với một số sự kiện liên quan đến di tích cổ ở Hội An.....
- Tục dựng nêu qua những tư liệu lịch sử.....
- Trận đánh sau tết Mậu Thân.....
- Một cái tết khó quên.....
- Trang trí bàn thờ gia tiên trong ngày Tết ở Hội An.....
- Lễ lễ, lễ hội ngày xuân liên quan đến nghề truyền thống ở Hội An.....
- Dãi điều về trò chơi ngày Tết ở Hội An.....
- Bánh in bột nếp truyền thống vùng thôn quê ở Hội An.....
- Quạt cảnh ở Hội An.....
- Dưa ghe ở Hội An.....
- Hội An - Trung tâm giao thương khu vực và quốc tế.....
- Nghệ thuật tranh gạo ở Hội An.....
- Vật liệu truyền thống tu bổ tam qua chùa Bà Mụ.....

❁ Thông tin tư liệu mới

- Một số tư liệu Kán Nam liên quan đến nghề mộc nề ở Hội An phát hiện tại Cẩm Kim.....
- Vài thông tin về chính quyền đô thị ở Hội An trong tác phẩm Đại Nam Thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên.....

❁ Tin tức - Sự kiện

❁ Văn bản pháp quy

❁ Di sản đó đây

TẾT NGUYÊN ĐÁN Ở HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Lễ tết Nguyên Đán là lễ hội truyền thống đặc sắc của dân tộc Việt Nam nói chung và người dân Hội An nói riêng. Nó mang tính thống nhất cộng đồng xã hội, tính nhân văn thẩm mỹ cao. Tết là điểm xuất phát thiêng liêng của ngày mới, tháng mới, năm mới, là dịp con người hướng tới mỹ tục: lịch sự, cao thượng, nhân ái với những lời cầu chúc tốt đẹp nhất.

Tết Nguyên Đán là thời điểm kết thúc một năm cũ, mở đầu một năm mới theo âm lịch, là ngày hội lớn của một chu kỳ vận hành vũ trụ, phản ánh tinh thần hòa điệu giữa con người với thiên nhiên (*Đất - Trời - Sinh vật*) mang một giá trị nhân văn sâu sắc. Tết là từ “*tiết*” trong “*thời tiết*” nói trại ra. Chữ Nguyên có nghĩa là bắt đầu, chữ Đán có nghĩa là

buổi mai, là khởi điểm của năm mới. Đồng thời, Tết cũng là dịp gia đình, họ hàng, làng xóm, người thân xa gần sum họp, đoàn tụ, thăm hỏi, cầu chúc nhau và tưởng nhớ, tri ân ông bà, tổ tiên.

Tết còn là thời khắc chứa đựng niềm vui bao la của con người, mỗi khi qua năm mới là họ quên hết mọi nhọc nhằn, khó khăn phải chịu đựng trong năm qua, sẵn sàng làm lại cuộc đời trong hy vọng và niềm vui. Theo quan niệm vũ trụ luận xưa kia của cư dân nông nghiệp, mùa Đông qua, mùa Xuân bắt đầu là một giai đoạn hồi sinh của vạn vật. Con người cảm thông với thiên nhiên trong niềm vui của sự hồi sinh đó. Trong những ngày lễ tết, người ta như được đổi mới hoàn toàn, rũ bỏ con người cũ, khoác lên mình một tâm hồn mới, gạt bỏ

những ý nghĩ buồn chán, suy nghĩ đến những điều may mắn vui vẻ.

Về ý nghĩa nhân sinh, Tết trước hết là của mọi gia đình, mọi nhà, cho nên mọi người dù làm bất cứ nghề gì, ở bất cứ đâu, kể cả những người xa xứ cách hàng ngàn cây



số vẫn mong trở về sum họp dưới mái ấm gia đình trong ba ngày tết, được khấn vái trước bàn thờ tổ tiên, nhìn lại ngôi nhà thờ, giếng nước, mảnh sân nhà, nơi mà gót chân một thời bé dại đã tung tăng và được sống lại với bao kỷ niệm đầy áp yêu thương ở nơi mình cất tiếng chào đời. Về quê ăn tết, đó không phải là một khái niệm thông thường đi hay về mà là một cuộc hành hương về cội nguồn, mảnh đất chôn rau cắt rốn. Tết còn là ngày hội đoàn viên, mối quan hệ họ hàng, làng xóm được mở rộng, ràng buộc lẫn nhau thành đạo lý chung cho cả xã hội; Tình gia đình, tình thầy trò, bạn bè, xóm làng... là dịp tổng kết mọi hoạt động của một năm qua, liên hoan, vui mừng chào đón một năm mới hy vọng tốt lành cho cá nhân và cộng đồng.

Khởi sự cho tết là ngày “*đưa Ông Táo*”, 23 tháng chạp, tức là ngày ông Táo về trình “*tấu sớ*”, báo cáo với Ngọc Hoàng những ghi chép về diễn biến suốt năm qua trong gia đình thân chủ và nhờ thiên triều phù hộ cuộc sống của họ thêm tươi vui, bớt ưu phiền. Lễ cúng đưa ông Táo về trời gồm có: một con gà, miếng thịt heo, đĩa xôi, ít chén chè, đĩa trầu cau, trà rượu, nhang đèn, vàng mã... Những người buôn bán, làm nghề thì mua con cá chép còn sống về cúng rồi sau khi lễ tất mang thả sông, hồ làm phép phóng sinh, mong sao bao xúi quẩy, những tai ương theo đó mà đi, nhường chỗ cho những điều may mắn trong năm tới.

Trong những ngày gần Tết, tất cả mọi vật, mọi việc đều phải sáng tươi, vui vẻ. Bởi vậy, từ trong năm, người ta phải

chuẩn bị tính sao cho kịp Tết để có thức ngon, vật tươi chung cúng, thiết đãi họ hàng, bạn bè. Ngoài những câu chuyện vui, những quần áo mới mặc trong ngày Tết thì thức ăn được trữ sẵn: heo, gà, rau sống, trái cây, bánh mứt... Tiền tài, hồng bao lì xì cũng sẵn sàng, chu đáo. Sau khi tổng vệ sinh trong nhà, ngoài sân, cổng ngõ sạch sẽ, ngăn nắp là việc trưng bày cảnh trí sao cho căn nhà sáng sủa, vui mắt. Những tranh dân gian, liễn đối... với đề tài chúc tụng cát tường được treo, dán ở các vị trí rất trân trọng từ trong nhà ra trước cửa, cổng ngõ. Việc lau chùi, quét dọn, trang trí bàn thờ tổ tiên, ông bà là quan trọng nhất. Cỗ bông - đĩa quả phải trưng bày những trái cây có ý nghĩa như: Mận, Điều, Táo là mong lúa gạo đầy bờ; Lựu (*nhieu hạt*) là con đàn, cháu đông, sung túc; Đào - con cháu học đầu đỗ, thăng quan tiến chức; Bưởi - người già khỏe mạnh, sống lâu; Thơm - gia đình quyền quý, cao sang, danh giá, vang tiếng thơm muôn đời; Quýt - mang ý nghĩa tài lộc, phát hưng; Quả Dưa Hấu (*xanh vỏ - đỏ lòng*) - thể hiện con người khỏe mạnh, tràn đầy sức sống trẻ, với dòng máu nóng hăng hái... Tuy nhiên, phổ biến nhất là các nhà đều trưng mâm ngũ quả gồm các loại với ý nghĩa rất dân dã, đời thường, cũng là ước mong muôn thuở của con người đó là trái mãng cầu, dưa trái, đu đủ, xoài hoặc hạt tiêu hay có thể thêm trái sung. Nghĩa là “*Cầu dừa đủ xài/tiêu*” hoặc “*cầu dừa đủ sài/tiêu sung túc*”. Đặc biệt trên bàn thờ không thể thiếu các loại bánh, nhất là bánh tét, bánh tỗ.

Tiếp theo vào ngày 30 tháng Chạp (*tháng thiếu là ngày 29*), mọi nhà đều trồng cây nêu. Cây nêu làm bằng một



cây tre hoặc cành tre. Trồng cây nêu ở ngay cổng ra vào. Theo quan niệm xưa, việc dựng cây nêu nhằm xua đuổi tà ma, ác quỷ khẳng định chủ quyền về nhà cửa, vườn tược của mọi nhà, đồng thời hướng đạo để tổ tiên, những người đã khuất về ăn tết với gia đình, với những người thân. Trên đầu cây nêu buộc một bó vàng, tờ giấy đỏ, 3 cành lá thơm, một bộ khánh hoặc chuông gió (*làm bằng đồng hoặc đất nung*), gió thổi, tiếng khánh chạm vào nhau kêu leng keng như khúc nhạc vui nhộn. Người dân Hội An rất chuộng mai, một loại hoa báo hiệu một mùa xuân tươi đẹp. Chúng nở rực rỡ vào những ngày đầu xuân, hoa bung cánh mỏng, nở khoe nhụy vàng - tượng trưng cho sự hài hòa giữa cương và nhu - “*Thanh mai trúc mã*”.

Rồi đến ngày 30 Tết mọi nhà đều làm mâm cơm cúng gọi là cúng Tất Niên - rước ông bà về ăn Tết. Trong tâm thức mọi người đây là cuộc họp mặt đông đủ của người sống và người chết (*ông bà, tổ tiên người thân*) sau một năm. Hết tuần hương, mâm cỗ được hạ xuống, cả nhà quây quần xung

quanh cỗ bàn ăn uống, hàn huyên vui vẻ trong không khí thân tình, ấm cúng. Đúng nửa đêm, giờ phút giao thừa giữa hai năm đã điếm. Đây là giờ khắc thiêng liêng “*khi đất trời giao cảm, cái chết, cái bất động tạm thời muôn vật ngưng đọng lại trong phút giây rồi bùng ra một sức sống*

mới, sự tái sinh, sự đổi mới”. Lúc này, mâm cỗ cúng giao thừa được bày ra, gồm các lễ vật: con gà trống tơ, lộc chín, xếp chéo cánh, chè, bánh, mứt, rượu, trà,... Bên ngoài người ta kê cái bàn ở giữa sân để cúng thổ thần, đất đai và ông Táo sắp từ trời trở về. Lễ vật dâng cúng có bánh, chè, hạt nổ, muối gạo, bát cháo trắng, trà, rượu, hương, nến... Chủ nhà quỳ lạy trước bàn thờ đồng thời lạy bốn phương nhằm cầu xin tổ tiên và thổ thần đất đai phù hộ cho con cháu sang năm mới làm ăn phát đạt.

Trong không khí linh thiêng và đầm ấm, mọi người cảm thấy mình trở nên thanh thản, thoải mái và quên đi mọi lo toan của cuộc sống đời thường. Kể từ giờ phút này, tết Nguyên Đán bắt đầu. Trong suốt những ngày Tết, người ta chỉ nói với nhau những lời hay, ý đẹp, gặp nhau chúc mừng, hy vọng. Bao điều không vui, không bằng lòng gạt sang một bên. Người ta kiêng quét nhà sợ của cải, thần tài theo rác mà đi, kiêng đánh đập con cái, làm vỡ chén bát, la lộn với nhau sợ xui xẻo cả năm,

kiêng mặc đồ xám, đồ đen, kiêng mượn đồ hoặc cho mượn đồ... Nhất là, mọi người rất kiêng cho lửa và xin lửa trong ba ngày tết, vì sợ cái đỏ, cái hên chuyển sang tay người khác. Đặc biệt, phải chờ tục xông đất đầu năm vào sáng ngày mừng một xong, mọi người mới đi thăm nhà nhau để chúc tết, mừng tuổi cho người lớn, lì xì cho trẻ con theo một trình tự “*mùng một thì ở nhà cha, mùng hai nhà mẹ, mùng ba nhà thầy*”, điều đó đủ nhắc nhở mọi người sống phải trọn vẹn tình nghĩa với tổ tiên, ông bà, nội ngoại, cha mẹ, luôn luôn biết ơn thầy, những ân nhân của mình. Sau đó mới đến xóm giềng, bạn bè thân hữu... Kết hợp với thăm chúc tết, mọi người đều không thể bỏ qua việc tham gia vào các hoạt động, sinh hoạt văn hóa, thể thao diễn ra rất sôi nổi, nhộn nhịp ở khắp làng trên - xóm dưới trong suốt ngày tết.

Cuộc vui xuân đến chiều ngày

mùng 3 thì nhà nào cũng làm mâm cơm để tiễn đưa ông bà, tổ tiên những người thân khuất mặt sau khi về ăn Tết với gia đình. Và đến ngày mùng 7 - Tết Khai hạ thì làm lễ hạ nêu - nghĩa là thời gian Tết cũng chấm dứt. Tuy nhiên, dư âm của Tết còn được kéo dài cho đến ngày mùng mười - nên trong dân gian truyền tụng câu “*Ba ngày Tết, bảy ngày xuân*” và thậm chí đến ngày tết Nguyên Tiêu - 15 tháng Giêng âm lịch.

Cùng với những lễ nghi ngày Tết là nhiều trò diễn mang đặc trưng vui chơi văn hóa như hát sắc bùa, hát bài chòi, chọi gà, cờ người... Điều đó làm cho lễ Tết thêm thiêng liêng và vui nhộn, ấm cúng, rộn ràng trong mọi gia đình dòng họ, ngõ xóm từ làng quê đến phố phường. Nó trở thành phong tục, nếp sinh hoạt văn hóa đặc sắc mang đậm tính nhân văn cần được bảo tồn, phát huy trong đời sống của cư dân Hội An♥



CHUYỆN KHỈ Ở CÙ LAO CHÀM

Trần Văn An

Cù Lao Chàm là một cụm đảo gồm 8 hòn lớn nhỏ nằm cách đất liền Hội An khoảng 15 hải lý, trong đó hòn Lao là nơi có cư dân sinh sống từ lâu đời và cũng là nơi có đỉnh hòn Biền cao hơn hẳn các cụm đảo khác của nước ta (571m). Ngay từ thế kỷ 7 - 8, Cù Lao Chàm đã trở thành là điểm tiền tiêu, địa chỉ nổi tiếng trên tuyến giao thương đường biển nối liền từ Trung Cận Đông, đến Đông Nam Á, Đông Á. Ngoài ra, do vị trí đặc biệt về địa - sinh thái gắn với biển đảo nên nơi đây còn là xứ sở của nhiều loài động, thực vật quý trong đó có loài khỉ đuôi dài Cù Lao Chàm. Chim yến và giống khỉ đuôi dài là 2 loại động vật đặc hữu của khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An được ghi vào sách đỏ động vật cần bảo vệ nghiêm ngặt.

Không biết từ bao giờ Cù Lao Chàm đã là nơi sinh sống của nhiều bầy đàn khỉ. Các vạt rừng sum suê với nhiều loại cây trái có thể ăn được như trâm, ươi, mù trư, dâu, nhãn, sim, ổi, chuối, mít,... là môi trường lý tưởng để loài khỉ sinh sôi, phát triển. Người dân Cù Lao Chàm cho biết trước đây khỉ đông vô kể, cứ chiều chiều, sáng sáng từng đàn khỉ mẹ, khỉ con lại kéo nhau ra ngồi phơi nắng ở các ghềnh đá hoặc leo trèo, nhảy nhót ở các vạt rừng sát khu dân cư. Một bài vịnh

về Cù Lao Chàm ra đời khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 có đoạn mô tả:

*“... Lăn theo chốn thiên nhai hải giặc
Kìa khỉ hú trên non nghe chạt chạt
Nọ thẳng ngư hồ hát chốn giang đầu
Kìa bầy dê ông Võ bỏ đi đâu
Điền Đơn lại vanh râu ngồi hút thuốc
Thứ chi lạ nằm trong khe coi đuộc đuộc
Kẻ nói lộc sùng, người nói lột dã long
Họ hàng bàn tán chưa xong
Yêu sùng bồng khi không biến hóa
Một bầy khỉ trên non cười rả rả
Cổng con ngồi hòn đá thấp cao
Hỏi Ngộ Không ông ở nơi nào
Để lũ chúng triêu tam, mộ tứ...”*

Thậm chí nhiều chú khỉ còn dạn dĩ mò vào tận nhà dân để lục lợi nồi niêu com cá, trèo lên các trang thờ để trộm hoa quả. Đến mùa thu hoạch khỉ còn kéo từng đàn đến các nà ruộng ven núi bẻ phá lúa bắp, hoa quả gây tổn thất cho nhà nông, vì vậy việc làm chòi giữ khỉ cũng là một nét riêng trong sinh hoạt nghề nông ở Cù Lao Chàm:

*“... Lúa này mới chín vàng mơ
Thân đi giữ khỉ bơ vơ một mình*

Buồn tình cha chả buồn tình

Khi thời lên xuống khi mình ngồi lo

Lo cho bầy khi tò mò

Khỉ nhỏ khỉ lớn khỉ to cả bầy...”

Từ thực tế này tại Cù Lao Chàm hiện còn lưu truyền nhiều mẩu chuyện liên quan đến loài khỉ, từ chuyện khỉ vào nhà bông con nít đến chuyện khỉ ghẹo phụ nữ, từ chuyện có thực đến những chuyện mang màu sắc quái dị, hoang đường.

Về chuyện quái dị, nhiều người dân ở Cù Lao Chàm hiện vẫn truyền miệng câu chuyện về con khỉ 3 chân ở truông Bãi Xếp. Tương truyền con khỉ này là ông tướng Cốt Đột thời nhà Tần biến hóa thành, chạy rất nhanh chuyên đón bắt phụ nữ, trẻ con khi họ đi ngang qua truông Bãi Xếp, nhất là lúc trời mưa

hoặc khi chiều về:

“Trời mưa không dám về Làng

Sợ truông Bãi Xếp, sợ đàng ông Thê”

Truông Bãi Xếp, đàng ông Thê là tên gọi 2 địa điểm nằm trên con đường nhỏ băng qua các vạt rừng, ghềnh đá nối bãi Làng với bãi Hương. Ngày xưa đây là con đường độc đáo khó đi lại, nhiều rắn rít, trăn khỉ, vì vậy là nỗi ám ảnh đối với khách bộ hành khi đi ngang qua nơi này.

Khỉ ở Cù Lao Chàm cũng biết báo ơn, báo oán. Chuyện kể rằng lúc trước có một người lính thường bắn khỉ để nấu cao. Một hôm có một khỉ mẹ công con mon men đến gần nhà dân để kiếm ăn thì bị phát hiện. Người lính giương súng bắn làm chết khỉ con và xác khỉ rơi xuống đất. Khỉ mẹ thấy vậy nhào theo ôm xác con kêu la thảm thiết rồi cũng bị bắn



chết. Đến tối đó, tự dưng người lính kêu hú như tiếng khi mẹ khóc con rồi chạy vào rừng mất hút. Ngày hôm sau người ta tìm thấy xác người lính nằm vắt vẻo trên một ghềnh đá, thân thể co quắp như xác khi. Dân gian cho rằng đó là do hồn khi nhập xác báo thù. Qua các câu chuyện không khó khăn lắm để nhìn ra dưới lớp màu sắc quái dị là yếu tố thực tế về việc cảnh báo không nên đi lại một mình ở những con đường hẻo lánh, nguy hiểm và thái độ phản đối của người dân đối với việc săn bắn khi ở Cù Lao Chàm.

Việc bắt khi, đuổi khi cũng để lại nhiều mẫu chuyện vui lúc trà dư tửu hậu. Người dân ở đây có nhiều cách đặt bẫy, giăng bẫy bắt khi trong đó cách đơn giản là dựa vào bản tính bắt chước của loài khi để lừa bắt. Trước đây khi xuống ven các bãi biển rất đông, nhất là bãi Ông, bãi Bắc. Trên các bãi này mọc đầy rau muống biển, một loại cây thân dây bò lan dài tên mặt đất, hoa màu tím khá đẹp mắt. Và đây là mẹo bắt khi: khi thấy đông khi thập thò ở các vạt rừng ven biển thì một số người giả vờ chạy nhảy vui đùa, rồi bứt các dây rau muống quấn quanh người để lũ khi chú ý theo dõi, sau đó lẳng lặng rút lui nhường bãi biển lại cho lũ khi. Thế là các chú khi tinh nghịch từ các bụi cây nhảy ra, bắt chước bứt dây rau muống quấn quanh mình để vui đùa chí chöhe. Đợi đến khi các dây rau muống quấn đầy mình các chú khi thì a - lê - hấp, những người mai phục từ các bụi cây, mô đá nhảy xổ ra bắt khi. Do vị vướng bởi dây rau muống rất dai,

khó bứt đứt nên một số chú khi đành bó tay bó chân làm tù binh của con người.

Nhiều người cao tuổi ở Cù Lao Chàm vẫn còn nhớ những lần bắt khi bằng lưới ở bãi Ông. Để chuẩn bị, dân làng cử một người lên bãi Ông giả đi câu để thám thính. Nếu thấy khi tập trung đông thì về báo lại để gọi người đi bắt. Đoàn bắt khi khoảng 15, 16 người với dụng cụ gồm lưới, cây nạng, đèn gió trong đó 10 người giữ việc cầm nạng, 2 người bung thúng lưới, 2 người cầm đèn gió, 2 người canh chừng. Trời gần sáng đoàn người bí mật áp sát địa điểm nơi khi tập trung. Khi đến gần vị trí thì tuyệt đối giữ im lặng, không gây tiếng động để tránh bị phát hiện. Vào vị trí, mỗi người cần 1 cây nạng (*cây gậy trên đầu có chạc chia ra để giữ lưới*) áp sát các ghềnh đá, hai người bung thúng lưới rải quanh khu vực có khi. Rãi xong thì mắc các biên lưới vào đầu nạng sẵn sàng cho việc giăng lưới. Hai người canh chừng thì theo dõi xem động tĩnh của bầy khi. Nếu bầy khi không phát hiện thì chờ đến sáng sẽ bắt được nhiều hơn, nếu bị phát hiện thì một người la lớn: “*lộ rồi*”. Lập tức đèn gió được thắp sáng và 10 người cầm nạng nhanh chóng trùm lưới lên khu vực có khi để đón bắt. Đang mơ màng thì bị đánh động, đàn khi nhón nháo nhảy trốn thì bị vướng lưới. Mỗi lần như vậy phục bắt được 30 đến 40 chú khi.

Ngoài việc làm chài canh giữ khi, dùng các vật phát ra tiếng động để xua đuổi khi, người dân Cù Lao Chàm còn có cách đuổi khi khá độc đáo. Người dân



bắt một chú khỉ, mặc cho chú 1 bộ đồ ngắn màu đỏ, khâu kín lại không cho chú gỡ ra rồi thả về đàn. Lũ khỉ đang hăng hái bẻ phá lúa bắp thì tự dưng ở đâu một con khỉ lạ đỏ chót nhảy xổ ra nên hốt hoảng nhảy tránh. Cứ như vậy, khỉ đỏ càng cố nhập bầy thì đàn khỉ lại càng nhảy tránh vào núi và việc bảo vệ hoa màu “bất chiến tự nhiên thành”.

Do không được bảo vệ nên có thời gian đàn khỉ ở Cù Lao Chàm giảm đi rõ rệt về số lượng cá thể. Những mẩu chuyện săn khỉ, đuổi khỉ, nuôi khỉ, khỉ ghẹo phá người, khỉ thành tinh... dần dần trở thành ký ức về một thời kỳ đáng nhớ. Kể từ khi Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận là Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới vào ngày 26/5/2009 việc săn bắn, bẫy bắt khỉ ở Cù Lao Chàm đã bị nghiêm cấm. Có lẽ nhờ chủ trương này và sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng

nên đàn khỉ ở Cù Lao Chàm dần dần phát triển đông đúc trở lại.

Hôm nay đến với Cù Lao Chàm du khách có thể tận mắt chứng kiến cảnh từng đàn khỉ kéo nhau nhảy nhót vui đùa ở các ghềnh đá ven biển, đu chuyền, treo mình trên những cành cây sum suê cạnh nhà dân ven đường tạo nên một cảnh tượng rất ngoạn mục, tự nhiên khác hẳn cảnh những đàn khỉ nuôi nhốt trong các khu du lịch.

Sự đông đúc trở lại của đàn khỉ là tín hiệu đáng mừng chứng tỏ hệ sinh thái động - thực vật ở Cù Lao Chàm đang được phục hồi hiệu quả. Cảnh chạy nhảy, leo trèo của các đàn khỉ cũng sẽ là nét điểm xuyến sinh động cho phong cảnh thiên nhiên Cù Lao Chàm vốn đã rất nên thơ với màu đỏ rực rỡ của hoa ngô đồng, màu xanh trong trẻo của bầu trời và nước biển. Xuân Bính Thân đang đến cùng với sự trở về của đàn khỉ như một điềm triệu cát tường, tốt đẹp, “*Thân Dậu niên lai kiến thái bình*”, phát triển không chỉ ở vùng biển đảo Cù Lao Chàm mà còn ở khắp mọi miền của đất nước ta♥



NĂM CON KHÍ VỚI MỘT SỐ SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH CỔ Ở HỘI AN

Võ Hồng Việt

Khi là con vật đứng ở vị trí thứ 9 trong số 12 con giáp tương ứng với 12 địa chi (*Thập nhị địa chi*: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi) theo quan niệm văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trong âm lịch, tháng cầm tinh con khi (*tháng 7*) được gọi là tháng Thân và năm cầm tinh con khi được gọi là năm Thân với các tháng/năm can chi: Giáp Thân, Bính Thân, Mậu Thân, Canh Thân và Nhâm Thân. Chu kỳ của mỗi năm can chi là 60 năm. Năm Bính Thân - 2016 bắt đầu từ ngày 08/02/2016 đến 27/01/2017, có tổng cộng 30 ngày cầm tinh con khi. Trong đó, tháng cầm tinh con khi (*tháng Bính Thân - tháng 7*) có 3 ngày cầm tinh con khi là Canh Thân (04/7), Nhâm Thân (16/7), Giáp Thân (28/7).

Trong lịch sử, ở Hội An có nhiều sự kiện diễn ra trong năm Thân như việc đổi xã hiệu các xã thuộc khu hành chính Cẩm Phô vào năm Bính Thân - 1956¹, sự kiện Kháng Thuế năm Mậu Thân - 1908, sự kiện lập địa bộ các làng như làng Kim

Bồng vào năm Nhâm Thân - 1812 (*năm Gia Long thứ 11*)²...

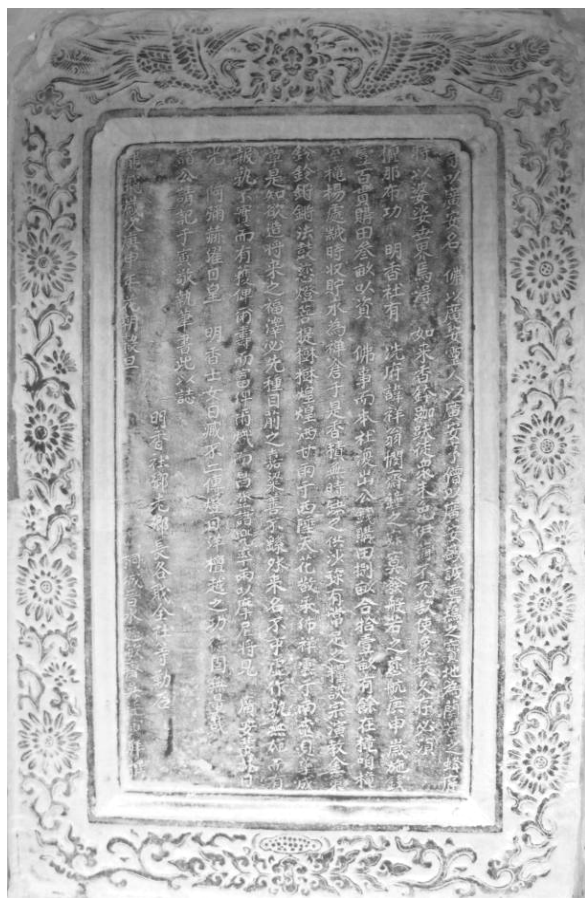
Tại các di tích ở Hội An, hình ảnh con khi không chỉ được thể hiện độc đáo dưới dạng tác phẩm điêu khắc như tượng khi ở chùa Cầu, phù điêu khi trên cánh cửa ở hội quán Triều Châu mà nhiều sự kiện diễn ra trong năm con khi liên quan đến các di tích như việc xây dựng hay tu bổ di tích, việc phụng cúng đồ vật, tự khí,... Trong khuôn khổ của bài viết xin giới thiệu một số sự kiện diễn ra trong năm con khi liên quan đến một số di tích ở Hội An theo dạng biên niên.

Năm 1740 - Năm Canh Thân:

Lập bia chùa Quảng An. Trong lịch sử, chùa Quảng An là công trình kiến trúc Phật giáo có quy mô lớn ở Hội An. Ngôi chùa này đã bị sụp đổ hoàn toàn trong thời kháng kỳ chiến chống Pháp, sau đó được cư dân địa phương dựng trên nền

¹ Tháng 7/1956, chính quyền Sài Gòn đổi xã hiệu của các xã, chữ đầu tên gọi của các xã là Cẩm (lấy chữ Cẩm của làng Cẩm Phô): Cẩm Hải, Cẩm Hà, Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Kim, Hội An, Xuyên Long thuộc Khu hành chính Cẩm Phô.

² Theo địa bộ này, châu Kim Bồng giáp với các làng/xã: - Đông giáp xã phụ lũy Cẩm Phô, xã Thanh Hà (thuộc tổng Phú Chiêm Hạ, huyện Diên Khánh), châu Hà Da, châu Trà Nhiêu và sông. - Tây giáp xã An Phúc (tổng An Lạc Hạ), xã Phú Chiêm (tổng An Nhơn Trung, huyện Diên Khánh). - Nam giáp xã phụ lũy Cẩm Phố (tổng Phú Chiêm Hạ) và sông. - Bắc giáp xã Thanh Hà, lấy bờ ruộng làm giới. (Nguyễn Đình Đầu (2010), Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn dinh Quảng Nam, tập 2, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr.127-128)



chùa ngôi miếu nhỏ với kiến trúc kiến trúc 3 gian, mái lợp ngói âm dương để thờ Thổ Thần, Thổ Địa. Ngôi miếu này cũng bị hư hại hoàn toàn, hiện không còn dấu vết. Theo hồi cố của một số cụ cao niên sống gần ngôi miếu cho biết, vị trí tọa lạc trước đây của ngôi miếu là số nhà 38 đường Phan Châu Trinh hiện nay.

Bia chùa Quảng An lập năm Canh Thân - 1740 hiện được đặt ở phía sau Quan Công miếu, trên bệ cao 68cm so với mặt nền hiện trạng. Bia đặt trên đế sa thạch cách điệu chân quỳ, cao 14cm, rộng 98cm. Bia sa thạch màu xám, hình chữ nhật (*kích thước: cao 101cm, rộng 64cm*), mặt bia phẳng. Diềm bia rộng 13cm, trang trí hoa cúc dây. Trán bia trang trí hình hai chim phụng ở hai bên và bông hoa ở giữa. Văn bia do Mẫn Trai

Ngô Đình Dân soạn. Nội dung văn bia có đề cập đến sự kiện một người làng Minh Hương, họ Tẩy, hiệu Mẫn Trai, tỏ lòng từ tâm cúng tiền 100 quan để mua 3 mẫu ruộng sung vào việc Phật. Xã Minh Hương cũng xuất tiền mua thêm 8 mẫu nữa.

Năm 1824 - Năm Giáp Thân: Bia đá ở Nam Diêu đề cập đến sự kiện mở đường từ Vĩnh Điện hà khẩu đến Đại Chiêm hải khẩu vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824) để phục vụ hành trình Nam tuần của nhà vua Minh Mệnh vào năm 1825. Lần Nam tuần này, vua Minh Mạng có đến phố Hội An được Quốc sử quán triều Nguyễn nhắc đến trong sách Đại Nam Nhất thống chí: “Đền Quan Công ở phố Hội An huyện Diên Phước do người làng Minh Hương xây dựng, thờ Quan Thánh đế quân, quy chế lộng lẫy. Năm Minh Mệnh thứ 6 Thánh tổ Nhơn hoàng đế tuần du phương Nam, xa giá đi qua đền, ban cho 300 lạng bạc”¹.

Bia sa thạch, hình trụ chữ nhật, cao 70cm, mặt bia rộng 27cm, được dựng ở vị trí cách khu miếu Nam Diêu chừng 10m về phía đông nam.

Năm 1836 - Năm Bính Thân: Xây dựng miếu Thái Giám trong khu miếu tổ Nam Diêu. Khu miếu Nam Diêu có 04 miếu, gồm: Miếu tổ nghề gồm Nam Diêu, miếu Thái Giám, miếu Âm Linh và miếu Sơn Tinh Nhị Vị. Theo tư liệu hiện còn tại di tích cho biết miếu tổ nghề

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam Nhất thống chí, tập 2, do Phạm Trọng Diễm dịch, NXB Thuận Hóa xuất bản, trang 385).

gồm Nam Diêu xây dựng vào năm 1868, trong khi đó miếu Thái Giám được xây dựng vào năm 1836 - năm Bính Thân. Miếu Thái Giám được tu bổ vào các năm 1893, 1993, 2003. Hiện tại, miếu Thái Giám nằm bên phải miếu tổ nghề gồm Nam Diêu, kiến trúc gồm tiền đường và hậu tẩm, tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương. Trên mái trang trí hình các con vật trọng bộ tứ linh: long, lân, quy, phụng; các đề tài hoa cúc dây, đào lựu,... bằng thủ pháp đắp cấn mảnh sành sứ. Miếu không có cửa ngăn cách nội thất với bên ngoài nhưng có cửa ngăn giữa tiền đường và hậu tẩm. Cửa làm bằng gỗ, kiểu thượng song hạ bản. Mặt trước của trụ hiên của miếu đắp nổi 2 cặp câu đối, hai bên lối vào hậu tẩm cũng đắp một cặp câu đối. Trong miếu có 3 bàn thờ gồm bàn thờ Thần, bàn thờ Quang Tiên và bàn thờ Dụ Hậu. Các bàn thờ được trang trí rực rỡ, trang nghiêm. Hiện tại, trên tường đông miếu Thái Giám có gắn 2 tấm bia đá, gồm 1 tấm lớn và 01 tấm nhỏ, ghi việc trùng tu khu miếu Nam Diêu.

Năm 1848 - Năm

Mậu Thân: Lập bia tu bổ di tích miếu Tổ nghề yến ở Bãi Hương - Cù Lao Chàm, miếu Ông Tiên ở thôn Thanh Đông - Cẩm Thanh, xây dựng lại chùa Hải Tạng ở Cù Lao Chàm.

*** Miếu tổ nghề yến ở Bãi Hương - Cù Lao Chàm:** Nội dung

của bia đá gắn tường đông ngôi miếu lập vào năm Tự Đức nguyên niên - 1848 cho biết miếu tổ nghề yến ở Cù Lao Chàm được Phó Quản cơ nhưng lãnh yến hộ Hồ Văn Hòa cùng Yến hộ hộ trưởng Lê Văn Biểu, dịch mục và các hộ (yến hộ) trong xã tu bổ, tôn tạo khang trang với quy mô như hiện nay.

Miếu Tổ nghề yến là công trình kiến trúc tín ngưỡng độc đáo và quy mô ở Cù Lao Chàm. Miếu tọa lạc trên gò cát bên cạnh khe Cây Cừa, thuộc Bãi Hương. Miếu nhìn ra biển, phía trước là tam quan lớn đề tên miếu và các cặp câu đối Hán Nôm. Sát tam quan là cây nánh và cây kén cổ thụ được công nhận là cây di sản Việt Nam. Sân miếu lát gạch lục giác với chính giữa là bình phong hình cuốn thư trang trí hình long mã và phong cảnh biển đảo. Công trình chính gồm hai nếp liên tiếp, hệ khung bằng gỗ với các chi tiết trang trí chạm trổ và bào soi chỉ mềm mại, mái lợp ngói âm dương với bờ nóc và bờ chảy trang trí giao lá, đề tài “*lưỡng long tranh châu*”. Không gian



nội thất thiết trí bàn thờ những bậc tiền nhân khai sáng nghề khai thác yến sào và chư thần liên quan đến sông biển. Các khám thờ được chạm lộng, chạm nổi nhiều đề tài, đồ án, câu đối chữ Hán sơn thếp vàng rực rỡ. Hiện tại ngôi miếu còn lưu giữ tấm bia đá và nhiều bức hoành, bài vị có giá trị.

Ngôi miếu được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào ngày 13/12/2006.

*** Miếu Ông Tiên ở thôn Thanh Đông - Cẩm Thanh:** Nội dung của bia đá gắn ở tường tây ngôi miếu lập vào năm Tự Đức nguyên niên - 1848 cho biết miếu Ông Tiên cũng được Phó Quản cơ nhưng lãnh yến hộ Hồ Văn Hòa cùng Yến hộ hộ trưởng Lê Văn Biểu, dịch mục và các hộ (yến hộ) trong xã tu bổ, tôn tạo khang trang với quy mô lớn. Trải qua chiến tranh, ngôi miếu bị sụp đổ và được Tu bổ lại với quy mô như hiện nay vào năm 2007.

Ngôi miếu tọa lạc trong không gian lý tưởng với xung quanh là đồng lúa, xa xa là lũy tre và những rặng dừa nước. Mặt tiền ngôi miếu xoay hướng nam, tường rào xung quanh xây bằng gạch. Sát cổng là hai trụ biểu cao vút có đỉnh trang trí đài sen, mặt trước và sau trụ biểu cẩn câu đối Hán tự. Tiếp đến là bình phong kiểu cuốn thư được đắp và cẩn lộng lấy đề tài “*long mã phụ hà đồ*” với dáng vẻ uy nghi, trang trọng. Chính điện và hậu tẩm có bộ khung chịu lực bằng gỗ, hệ vì kèo có sự liên kết độc đáo giữa kiểu vì kẻ chuyền và vì vỏ cua. Toàn bộ hệ mái được lợp ngói âm dương với đầu

mỗi vòng ngói ở mặt tiền trang trí một đĩa tráng men xanh. Đặc biệt, sự kết hợp hài hòa giữa kiểu dáng của bờ chảy, bờ nóc và đầu hồi với những chi tiết, đề tài trang trí “*Lưỡng long triều dương*”, giao lá, chùm đào - lựu, hình dơi,... theo hình thức đắp, cẩn mảnh sành sứ càng làm tăng tính hấp dẫn và giá trị nghệ thuật của ngôi miếu. Nội thất chính điện bố trí bốn bàn thờ gồm bàn thờ Tiên Vãng (前往), Hậu Vãng (後往), Phước (福), Thọ (壽). Mỗi bàn thờ đều đắp câu đối Hán tự và được trang trí rực rỡ. Nội thất hậu tẩm bố trí 3 bàn thờ. Bàn thờ chính có đề chữ “*如神在*” (*Như Thần Tại*), hai bên là bàn thờ Tả ban (左班) và Hữu ban (右班). Trên khám ở bàn thờ chính có câu đối Hán tự: *功高作祖千年在, 德顯為神萬代留* (*Công cao tác tổ thiên niên tại; Đức hiển vi thần vạn đại lưu*). Ngôi miếu được xếp hạng cấp tỉnh vào năm 2011.

*** Chùa Hải Tạng - Cù Lao Chàm:** Nội dung bia đá gắn ở tường đông chính điện ngôi chùa được lập vào ngày 11 tháng 3 năm Tự Đức nguyên niên - 1848 cho biết chùa Hải Tạng được cư dân phường Tân Hiệp xây vào năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758). Về sau, do bão làm hư hại nên được xây dựng lại quy mô ở vị trí hiện nay vào năm 1848. Kiến trúc của ngôi chùa được bảo tồn nguyên vẹn đến bây giờ.

Ngôi chùa có mặt tiền xoay hướng tây nam, trong không gian hữu tình với

lưng tựa vào núi cao, mặt nhìn ra khu ruộng bậc thang phía trước.

Tam quan được xây bằng gạch, vữa vôi theo kiểu cuốn vòm, có 03 lối đi. Bên trên các lối đi đều có mái che lợp ngói âm dương. Mái che của lối đi hai bên có kiến trúc kiểu cổ diêm. Riêng phần mái che lối đi ở giữa được xây dựng theo kiểu cổ lầu có gác. Bên trong lầu gác có vẽ bức tranh màu với hình địa tạng vương bồ tát, tiêu diện đại sĩ, hộ pháp. Mặt trước của tam quan đắp bức hoành đề chữ “*Hải Tạng tự môn*” và các câu đối “*Bách bái môn nghinh tam thế Phật, nhất phong triều phụng cứu trùng thiên*” và “*Bách tính vãng hồi quy nhất thống, vạn sinh nguyên thử hướng tam thanh*”. Mặt trong của tam quan đắp bức hoành đề chữ “*Bát nhã sơn môn*” và các câu đối “*Vạn cổ từ bi quán tự tại, nhất tâm thanh tịnh kiến Như Lai*” và “*Phiến thạch thái vân trình sắc tướng, thanh sơn thâm thủy chiếu quang tâm*”.

Chính điện là tòa kiến trúc đồ sộ với hai bên là lầu chuông, lầu trống vưon cao. Tường xây bằng gạch dày hơn 80cm. Mái lợp ngói âm dương với bờ nóc, bờ chảy được trang trí nhiều đề tài, chi tiết đẹp. Hệ khung chịu lực được làm hoàn toàn bằng gỗ với cột gỗ tròn có đường kính từ 40-45cm, bộ vì kiểu “trính chồng trụ đội” rất đặc trưng trong các công trình kiến trúc tín ngưỡng ở Hội An. Nhìn từ mặt tiền, ấn tượng đầu tiên là 4 bông trính được trang trí ở đuôi trính mái hiên tạo thành các bẩy hiên. Hai đầu bông trính chạm hình cánh hoa sen, phần giữa chạm nổi đề tài hoa dây. Ngăn cách

hiên với không gian nội thất là hệ thống cửa mặt đi kiểu “*thượng song hạ bản*”.

Nội thất ngôi chùa bài trí hệ thống tượng thờ rất có giá trị, đồng thời được trang hoàng bởi hệ thống hoành phi. Trong hệ thống tượng thờ tại ngôi chùa, đáng chú ý nhất là những pho tượng gỗ như tượng Hộ Pháp, Ngọc Hoàng, Địa Tạng, Quan Bình, Châu Thương, Quan Công, Tồ Sư. Những pho tượng này được tạo dáng hết sức uy nghiêm. Ngoài hệ thống tượng thờ gỗ, hiện vật có giá trị hiện còn tại chùa phải kể đến là đại hồng chung và các bát hương bằng sứ.

Chùa Hải Tạng được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào năm 2006.

Năm 1908 - Năm Mậu Thân: Lập bia Tuy tiên đường Minh Hương. Dựa vào tư liệu thư tịch, văn bia cho biết cư dân làng Minh Hương xây dựng Tuy Tiên đường vào năm Minh Mạng nguyên niên (1820) tại vị trí Văn Thanh miếu Minh Hương hiện nay, đến năm Thành Thái thứ 17 (1905) được chuyển đến vị trí hiện nay là số 14 Trần Phú. Di tích có mặt tiền xoay về hướng Nam, bố cục hình chữ Quốc. Dẫn từ bên ngoài vào trong sân là tam quan, trên có gắn bức hoành đắp nổi 4 Hán tự Minh Hương Tuy Tiên đường, hai bên tả hữu của khuôn viên có hai cột cờ. Tiếp đến là tiền sảnh, nhà đông, nhà tây và chính điện. Toàn bộ công trình được đỡ bằng hệ khung bằng gỗ. Hệ mái lợp ngói âm dương, trên bờ nóc và bờ chảy trang trí con giống. Ở chính điện, gian giữa thờ bài vị "Minh Hương xã lịch đại hương

hiền". Bài vị ghi Thập Đại Lão là những di thần nhà Minh, đến Hội An năm 1644 (gồm: Nhan lão gia, Dư lão gia, Từ lão gia, Chu lão gia, Hoàng lão gia, Trương lão gia, Trần lão gia, Thái lão gia, Lưu lão gia), Lục Tánh (gồm sáu họ: Hứa, Ngụy, Ngô, Ngũ, Trang, Thiệu), Tam gia (Trương Hoành Cơ, Ngô Đình Khoan, Tả Quốc Tường), Liệt vị hương quan, hương lão, hương trưởng, bài vị thờ sư Huệ Hồng, Ban tam Bảo vụ, Bài vị còn lại thờ Chư tộc phái Minh - Thanh.

Tại di tích có 5 bia đá, trong đó bia ghi sự kiện di dời và xây dựng di tích ở vị trí hiện nay lập vào năm Duy Tân thứ 2 (Mậu Thân - 1908), gắn ở hiên phía đông của chính điện. Bia cẩm thạch màu trắng, hình chữ nhật có vát góc đỉnh (kích thước: cao 154cm, rộng: 94cm, vát góc đỉnh 10cm), mặt phẳng. Bia không có hoa văn trang trí, chữ kiểu Khái thư, khắc sâu, nét đều và dày. Nội dung văn bia đề cập đến nguồn gốc lịch sử làng Minh Hương ở Hội An, việc xây dựng, tu bổ và sự kiện di dời Tụ tiên đường Minh Hương đến vị trí hiện nay vào năm Thành Thái thứ 17.

Năm Giáp Thân - 1944: Chùa Kim Bửu là một trong những di tích có giá trị tiêu biểu về nghệ thuật kiến trúc ở Kim Bồng - Cẩm Kim, đã được xếp hạng



di tích cấp tỉnh vào năm 2011. Nơi đây, vào tháng 4/1944, Tỉnh ủy Quảng Nam đã mở Hội nghị tái lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Trần Văn Quế làm Bí thư, một trong hai cơ quan của Tỉnh ủy được đặt ở Kim Bồng. Trong hội nghị này, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ xây dựng lại tổ chức Đảng, đoàn thể, đẩy mạnh công tác tuyên truyền¹.

Năm Mậu Thân - 1968: Tại di tích chùa Bà (hội quán Ngũ Bang), số 64 đường Trần Phú hiện nay, vào đêm ngày 4 rạng sáng ngày 5/5/1968, hai đồng chí Tổng Văn Sương và Đỗ Trọng Hường đã chỉ huy lực lượng tấn công sở chỉ huy của bọn lính bình định khét tiếng tại đây, tiêu diệt 60 tên ác ôn. Hai đồng chí cũng anh dũng hy sinh trong trận này ♥.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cẩm Kim (2010), Lịch sử Đảng bộ xã Cẩm Kim (1930-1975), NXB Đà Nẵng năm 2010, trang 53.

TỤC DỰNG NÊU QUA NHỮNG TƯ LIỆU LỊCH SỬ

Phạm Phước Tịnh

Hàng năm, cứ mỗi dịp Tết đến xuân về, người Việt có tục dựng nêu ngay trước nhà. Cây nêu được xem là biểu tượng thiêng liêng tránh những xui xẻo và đem lại may mắn cho mọi người trong năm mới. Hình ảnh cây nêu được nhắc đến trong các nguồn sử liệu trong và ngoài nước.

Trong Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam của Nguyễn Đồng Chi trong phần Sự tích cây nêu ngày tết ghi rằng: *“Ngày ấy, không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẫy ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng, chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là “ăn ngọn cho gốc”. Người không chịu. Chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng xương bọc da thể thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý, Người cơ hồ muốn chết rũ...*

Sang mùa khác, Quỷ thay thể

lệ mới là “ăn gốc cho ngọn”. Phật bảo Người chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên hô “ăn cả gốc lẫn ngọn”. Lần này Quỷ nghĩ: “Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao”. Nhưng Phật đã bàn và Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi



chỗ. Về phần Quỷ lại bị một vỏ cay chua, tức uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: “Thà không được gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình”.

Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hễ bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đấy. Ban đầu Quỷ không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: “Ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu”. Chúng nó nghĩ thế. Hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng che là đất của Quỷ, trong bóng che là của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế; mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất chúng, chúng phải dất nhau lùi mãi, lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiếu nảo. Chúng rạp đầu sát đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước. Phật thấy chúng khóc văng cả lên mới thương hại, hứa cho...”

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày tết Nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất

liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có khánh đất, mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mở hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ.

Tại Đàng Trong, trong cuốn Gia Định Thành thông chí của Trịnh Hoài Đức đã mô tả tục dựng cây nêu của người Việt như sau: “Ngày trừ tịch (30 tết), mọi nhà đều trồng nêu tre ở trước cửa lớn, trên buộc cái sọt bằng tre, trong để trầu cau và vôi, bên cạnh treo giấy vàng bạc, gọi là trồng nêu. Sự tích tường tận từ trước thế nào, không thể khảo cứu được mà cái thuyết ba giới chia trị, là thuyết hoang đường... Ngày mùng 7 hạ xuống, gọi là hạ nêu. Phàm công nợ vay mượn còn thiếu lại, nội trong ngày tết không được đòi hỏi, phải đợi hạ nêu rồi mới được đòi hỏi”.

Hay những kiềng ky về cây nêu ở Đàng Trong được tác giả Jean Koffler người gốc Tiệp Khắc nhắc đến: “Ngày Mùng một là ngày lễ trọng thể nhất mà các bậc tổ tiên đặt ra, được tổ chức trên khắp vương quốc, trong không khí tràn ngập vui mừng đến với mọi người... Trước phủ Chúa và các nhà dân đều dựng các cây nêu lớn, trên ngọn buộc một chùm lá cây, một lẵng nhỏ đựng mấy đồng tiền. Dựng nêu phải chọn ngày tốt. Người ta dựng những cây sào cao vút trước cổng ra vào của Hoàng cung và tất cả mọi nhà. Từ trên ngọn sào đó

có những cành xanh tươi buộc thành bó hoặc là những đoạn của thứ tre gai. Người ta chỉ để lại ở đằng đầu một vài chùm lá kiểu như các cây tháng Năm, người dân còn thêm vào đấy những tờ giấy vàng, giấy bạc, một ít rơm và một ít tiền lẻ để mua lại của trời đất hạnh phúc mà họ cầu mong. Họ phải dựng nêu và hạ nêu vào những giờ nhất định, làm như vậy họ đoán trước được những điều may rủi đến với mình trong năm. Nếu tình cờ cây nêu bị gió làm đổ hoặc bị đổ vì một lý do nào khác, thì họ tin chắc rằng năm đó sẽ là năm hạn cho một người nào đó trong nhà”.

Tại Đàng Ngoài, Alexandre de Rhodes trong cuốn Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài đã mô tả tục dựng cây nêu ngày tết như sau: “Vào cuối năm họ có thói dựng gần nhà một cột dài vượt quá mái nhà (tục dựng cây nêu), trên ngọn treo một cái giỏ hay một túi đựng thúng nhiều lỗ và đựng đầy thứ tiền bằng giấy vàng, giấy bạc. Họ diễn đại tướng tượng là cha mẹ họ mất, vào cuối năm có thể bị túng thiếu và cần đến vàng hay bạc để trả nợ”.

Dưới thời vua Minh Mạng, trong tác phẩm *Ngự chế thi*, đã nhắc lại tục cổ: ngày 25 tháng chạp là ngày niêm ấn (không tiếp nhận văn thư), đó cũng là ngày dựng nêu; ngày 7 Tết là ngày khai ấn (tiếp nhận văn thư đầu năm mới, đóng dấu ấn), cũng là ngày hạ nêu. Có thể hiểu thời gian cây nêu ở giữa trời là thời gian nghỉ Tết; tuy nhiên triều đình không quy định như thế vì việc triều đình không ngưng nghỉ và chương số thì lúc nào cũng có; dầu vậy, vua Minh Mạng đã cho phép các Nha chọn ngày niêm ấn và khai ấn theo tục dân gian nói

trên, và chỉ chọn một số ấn không cần thiết cho vào giỏ tre treo lên cây nêu, có tính cách tượng trưng để mừng xuân.

Vào đời vua Thiệu Trị thứ 5 (1845), trong Đại Nam Thực lục chính biên, tập sáu có dụ rằng: “Hằng năm, tháng chạp làm lễ tuế trừ, tháng đủ, vào ngày 30, tháng thiếu vào ngày 29... đến ngày làm lễ, trống canh năm, sau khi bắn súng, hữu ty bày đặt cỗ bàn, vàng bạc, hương đèn, các hạng lễ phẩm ở các miếu đều đủ cả, biên binh thì bày hàng lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc ở hai bên tả hữu trước sân miếu, hoàng tử, hoàng thân đều mặc áo thêu con mãng xà, chia đến các miếu đứng chờ làm lễ “tuế trừ” (tế một tuần rượu, không có văn khấn); lễ xong, hữu ty chiếu lệ, dựng nêu, hoàng tử, hoàng thân và lỗ bộ, nghi trượng, nhã nhạc, đều lui ra, đến chiều hôm ấy, vẫn theo lệ làm lễ “trừ tịch” (tế một tuần rượu, không có văn khấn); lễ xong, hữu ty chiếu lệ, dựng nêu...”

Đến đời vua Tự Đức lại có đổi thay, năm Tự Đức thứ 29 (1876), có sớ tâu xin dựng nêu vào giờ Thân (15h-17h) ngày 30 tết, và hạ nêu vào giờ Thìn (7h-9h) ngày mùng 7 Tết. Sau đó có sắc chỉ lấy giờ Thìn ngày 30 và mùng 7 để cho dựng nêu và hạ nêu, lấy đó làm lệ không thay đổi nữa.

Đầu thế kỷ XX, tục dựng nêu có khác qua sự miêu tả của nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyền như sau: “Cây tre tước hết cành, nhưng còn để trên ngọn những cụm lá hoặc buộc vào đó một túm lông gà trống, một mớ lá đa hay vạn niên thanh. Gần đình treo một cái võng tre, có buộc những con cá nhỏ, những chiếc chuông con và khánh bằng đất

nung phát ra âm thanh nhẹ và êm khi gió thổi. Dưới vồng này buộc một cái mũ thần, những miếng trầu, lá dứa và gai xương rồng. Ở đỉnh còn treo một cái đèn để thắp vào ban đêm. Cây nêu được làm như vậy để chỉ đúng đường cho tổ tiên trở về ăn tết trong gia đình với những người đang sống. Ánh sáng, gai các cành cây mà nó mang, bằng âm thanh của các vụn vật làm bằng đất nung phát ra lúc gió thổi, cây nêu làm ma quỷ sợ hãi, chúng tưởng đang đứng trước một vị thần hay đức Phật. Để chống lại các cô hồn vất vưởng đáng sợ đó, người ta còn buộc vào cây nêu một tấm phiên gồm 4 nan dọc và 5 nan ngang – thứ bùa nổi tiếng của thầy phù thủy”.

Có thể nói, qua các tư liệu lịch sử, tục dựng nêu có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt vào mỗi dịp Tết đến, vì vậy, cần duy trì và

bảo tồn hoạt động mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam này♥

*** Tài liệu tham khảo và trích dẫn:**

- 1/ Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb Ủy ban Đoàn kết Tôn giáo.
- 2/ Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập 1 và 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- 3/ Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia Định Thành thông chí*, Nxb Giáo Dục.
- 4/ Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
- 5/ Trung tâm QLBT Di tích Hội An (2008), *Kỷ yếu Hội nghị khoa học về Khu phố cổ Hội An*.
- 6/ Hải Trung (2015), câu nêu ngày tết, trang web Trung tâm Bảo tồn Di tích cổ đô Huế.
- 7/ Ủy ban Quốc gia hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (1991), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



TRẬN ĐÁNH SAU TẾT MẬU THÂN

Ánh Liên

Trong tập sách Hội An – Thị xã Anh hùng tập 1 có đăng bài của tác giả Ánh Liên với tiêu đề “Trận đánh sau tết Mậu Thân”. Nhân dịp tết Bình Thân – 2016 sắp đến, BBT xin được trích giới thiệu bài viết này để chúng ta cùng tham khảo.

Ánh sáng mờ mờ của chạng vạng cuối cùng cũng nhường chỗ cho màn đêm. Từ bên bờ nam nhìn sang, thành phố đã lên đèn. Hàng chuỗi đèn sáng vàng xanh của những ngọn đèn nê ông bành bồng ẩn hiện theo nhịp từng con sóng xô vào mạn thuyền. Những ngọn đèn dầu leo lắt của các chòi rờ, rọ, nò dọc sông Thu Bồn đã bị bom đạn làm tắt lịm từ lâu. Mặt sông yên ắng chìm dần vào bóng đen. Xa xa, ngọn gió đông từ phía Gành mang theo tiếng động cơ ừng ực của bọn hải thuyền đang tuần tiểu. Pháo từ trung tâm Cẩm Hà, Lai Nghi, Chi Lăng, Cửa Đại và các cở cỏi của những tiền đồn địch bắn cầm canh từng quả một ven hai bờ, đôi khi từng loạt dài giữa dòng sông. Máy chiếc máy bay trinh sát quần đảo bắn từng chuỗi đèn dù lơ lửng sáng rực cả một đoạn sông, thỉnh thoảng phóng xuống những trái rốc két đỏ lù. Lòng sông Thu Bồn quận sôi, căm giận...

Những cô du kích Cẩm Thanh đã quá quen với nhịp chèo, điều khiển từng chiếc thuyền lần lượt xuất bến, chờ theo ba mươi hai chiến sĩ Đại đội 2 tiến về Phố Hội. Đầu thuyền, đại đội trưởng Đinh Văn Minh ngồi trầm tư, đầu óc anh đang căng ra để trải những ý tưởng của tấm bản đồ tác chiến. Đêm nay đơn vị anh

bước vào trận đánh mới đầy khó khăn, táo bạo, không giống như những lần quần nhau với bọn lính đi càn, cũng không giống như những lúc tập kích công đồn ở các vùng ven đô. Lần này là cách đánh hoàn toàn mới: luôn sâu lốt sát, đột kích đánh địch ngay tận hang ổ của chúng. Mục tiêu mà Thị ủy và chỉ huy thị đội giao cho đơn vị của anh trong trận đánh này là tiêu diệt cơ quan cố vấn tình báo Mỹ USOM và bè lũ ác ôn tay sai ngay trong lòng thành phố. Kế hoạch tác chiến đã có rồi nhưng giành thắng lợi cho trận đánh quả thật khó vô cùng. Trong bóng đêm, đại đội trưởng vẫn nhìn thấy rõ gương mặt quen thân của từng chiến sĩ. Mọi người đều im lặng nhưng trong cái im lặng ấy dễ nhận ra sự quyết tâm và niềm tin chiến thắng. Anh lại nghĩ đến Tổng Văn Sương và Đỗ Trọng Hường - hai chiến sĩ an ninh vũ trang cảm tử mà ngày hôm qua trước lúc lên đường đã làm lễ tuyên thệ tiễn biệt đồng đội. Họ sẽ phối hợp với những chiến sĩ Đại đội 2 đêm nay bằng trận đánh cải trang diệt bọn đầu sỏ ác ôn giữa lòng thành phố...

Đúng lúc ấy, Tổng Văn Sương và Đỗ Trọng Hường trong bộ quân phục lính biệt kích ngụy từ một nhà cơ sở cách mạng ở nội ô bắt đầu xuất phát, đi giữa

những đường phố ngột ngạt, lần theo dấu vết của cả một ổ ác ôn luôn cơ động hết ngủ chỗ này lại tập trung ăn nhậu, đánh bạc nơi khác. Bọn chúng toàn là những tên bình định ác ôn khét tiếng, uống máu người không biết tanh, mắt lúc nào cũng đỏ ngầu, miệng khi mô cũng hô hào chống Cộng diệt Cộng, “*chuyên nhìn đồng bào qua lỗ chiếu môn khẩu súng*”. Gần khuya, chúng chuyển xuống khu vực trường Lễ Nghĩa - Chùa Bà, trước khi ngủ còn phải nghe tên phó chỉ huy “*phòng vệ dân sự*” thuyết bài nghĩa vụ công dân, về kế hoạch đánh phá tiêu diệt cho hết Việt Cộng trong nay mai... Sương và Hương tạt vào quán bia bên cạnh trường như những tên lính nhậu nhẹt khác, nhưng chỉ khác một điều là hai anh đang trong tư thế sẵn sàng hành động chứ không như bọn lính đang say bí tỉ la hét, gật gù ở những bàn nhậu bên. Hai anh nâng ly mắt nhìn nhau không nói một lời mà lòng hiểu nhau hơn bao giờ hết. Các anh cảm nhận được hơi ấm bàn tay của những chị bán rau, các mẹ bán cá ngoài chợ, của các em đi ở tở, của những chị thợ dệt, những anh đạp xích lô, của những bác bán hàng rong ngoài đường phố, của những người lính “*com Mỹ, áo Mỹ, súng Mỹ, lòng ta*”, của những chiến sĩ biệt động thành... tỏa ra từ bốn chục trái lựu đạn mà cơ sở đưa cho ban chiều. Thắng lợi đêm nay đâu chỉ riêng của các anh mà đó là chiến công của biết bao người mà các anh chưa hề biết mặt. Đó là thắng lợi của đồng bào, của đồng chí anh em.

Đêm chìm dần về khuya nhưng vào giữa mùa hè nên trời vẫn oi bức. Cái oi bức đêm nay dường như báo trước một cơn sấm vang chợ giật... Thị xã ngủ trong im lặng... Các ngọn đèn cao áp của sân bay ở phía Bắc nội ô sáng đến chói

mắt, những ngọn đèn pha sáng choang của bọn lính đi tuần cứ quét qua quét lại. Giữa từng biên độ của các vệt sáng, bóng các chiến sĩ quân giải phóng lao vút qua, nhẹ nhàng không một tiếng động nhỏ. Ba mươi hai người đã qua sân bay, men dần theo nương nước, áp sát những dãy rào ba lớp bùng nhùng cuộn cuộn. Ba dãy nhà lầu lúc nhúc bọn Mỹ, ngay các lô cốt bê tông, công sự bố phòng của khu vực USOM đã hiện rõ mòn một. Đại đội trưởng Đinh Văn Minh ra hiệu cho Trần Văn Nam đưa mũi thứ yếu vòng lên hướng đông bắc với mục tiêu đánh vào trung đội cảnh sát dã chiến, tiêu diệt lô cốt số 2. Còn anh dẫn mũi chủ yếu luôn sang phía đông đánh vào mạn sườn bên trái của địch

Kim giây của chiếc đồng hồ nhích dần từng li. Từng chiến sĩ với động tác thật gọn trườn lên, trườn lên nằm lót ở vị trí cuối cùng chờ lệnh. Từng ý, từng câu của chính trị viên Huỳnh Phước Cư trong buổi lên sa bàn lại hiện về trong trí nhớ.

Đêm khuya u tịch, tiếng côn trùng miệt mài rả rích, từng nhịp tim của đại đội trưởng Đinh Văn Minh bắt nhịp theo chiếc kim đồng hồ. Nhích dần, nhích dần 24 giờ - giờ G đã đến! Giọng anh đánh gọn “*tấn công!*”. Ánh chớp phát hỏa của quả đạn B40 mang theo một khối lửa xuyên vào lô cốt cố thủ của địch hất tung nó lên từng mảnh. Những quả đạn chính xác tiếp theo từ hai mũi tiến quân làm cho ba cụm hỏa điểm của địch câm họng ngay từ đầu, Bộ đội ta xông lên dùng thủ pháo và tiểu liên diệt gọn từng toán địch đang láo nháo, kinh hoàng.

Quả đạn B40 thứ hai của Nguyễn Song làm cho ngôi nhà ba tầng sụp đổ.

Anh lắp quả đạn thứ ba, quả đạn cuối của mình để sau đó giao lại súng cho đồng đội thay thế. Đây rồi! Bọn Mỹ đang lúc nhúc ở trong tòa nhà mái bằng kia. Anh nâng súng, nghiêng răng, bóp cò, một đường lửa xuyên sâu vào tòa nhà, một “trái núi” ào ào đổ xuống trước mắt anh. Song quay lại mỉm cười với đồng đội. Thoảng đang mang giỏ đạn B40 bò lên thay anh. Bất thần hai chiếc xe tăng nhô ra, phóng liên tiếp mấy quả đạn ĐK và xả từng tràng đại liên. Song thấy rõ bóng Thoảng ngã xuống sau lưng mình, bọn địch nấp đằng sau hai chiếc xe tăng bắn điên loạn. Được rồi! sẽ cho chúng mày biết tay! Song trườn xuống lấy giỏ đạn của Thoảng rồi bò sát đến chiếc xe tăng, từng động tác nhanh gọn... quả B40 phụt ra sau một vòi lửa rồi lao vút theo đường thẳng tắp nối đầu súng với thân xe. Song ngã xuống, bất tỉnh. Phút chốc, anh cố mở mắt, từng tràng đại liên đồ lờ lao vun vút qua ánh mắt mà sao không nghe tiếng nổ. Song đút ngón tay út ngoáy lỗ tai bên phải một cục máu đặc quánh, bên trái cũng rỉ ra dòng máu như vậy. Tai đã điếc đặc mất rồi, cổ rát bỏng, ngực tức muốn tắt thở. Nhưng vẫn còn một chiếc xe nữa chưa bị tiêu diệt, phải gắng thôi! Song dồn sức ngồi dậy, kê khẩu súng lên vai. Lại một đường lửa lao đi, những tràng đại liên im bất. Song ngã xuống nhưng vẫn còn kịp nghe tiếng hô: “Xung pho..ong!” của đồng đội trước lúc hôn mê...

Nghe tiếng B40 hiệu lệnh nổ tại khu vực USOM, Tống Văn Sương và Đỗ Trọng Hùng bật dậy, chỉ kịp nắm chặt tay nhau trong tí chốc rồi lao nhanh về phía căn phòng bọn địch đang ngủ, chặn ngang hai cửa ra vào. Những cánh tay vung ra vun vút, lựu đạn bay vào tới tấp

giữa sáu chục tên ác ôn mắt trợn tròn kinh ngạc. Lựu đạn nổ inh tai. Cả ngôi chùa rung lên như trận động đất. Tiếng la hét, kêu cứu của bọn sống sót bị cắt đứt bởi những loạt đạn AR15 đánh gọn. Cả một hang ổ bọn tay sai gian ác đã đền tội không một tên thoát chết. Bọn địch từ các nơi kéo đến vây ráp khu Chùa Bà, Sương và Hùng đã anh dũng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Phó Hội thân yêu ôm các anh vào lòng, ru giấc ngủ nghìn thu...

Liên theo bốn mươi tiếng nổ dữ dội ở Chùa Bà, cả thị xã rền vang. Súng lớn dội lửa xuống trận địa pháo Cẩm Hà, Lai Nghi. Tiếng xung phong ở An Hội, đình Cẩm Phô, miếu Ông Cọp, xóm Mới, trại biệt kích Tây Hồ, các khu tập trung Cẩm Hà, Cẩm Nam, Ngọc Thành, Phước Trạch... Tiếng lựu đạn của biệt động thành nổ giòn ở các vị trí của địch trong thành phố... Mười ba điểm bị quân và dân ta tấn công, 321 tên địch bị tiêu diệt, trong đó có nhiều tên ác ôn như: tỉnh phó, chi khu trưởng, chi khu phó quận Hiếu Nhơn; một đại đội bảo an, một trung đội Mỹ, một trung đội cảnh sát dã chiến và hai đoàn binh định bị xóa sổ; hơn một nghìn đồng bào từ các trại tập trung trở về vùng giải phóng.

Sấm chớp của cơn giông đêm 4 rạng ngày 5.5.1968 chuẩn bị cho một cơn lốc lớn. Dòng sông Thu Bồn đưa nhanh những chiếc thuyền chở đoàn quân thân yêu trở về hậu cứ sau một chiến tích lẫy lừng. Rồi sẽ có một ngày dòng sông quê hương đón những đứa con thân yêu trở về Phó Hội quét sạch quân thù♥

MỘT CÁI TẾT KHÓ QUÊN

Nguyễn Cường

(Ghi theo lời kể của bà Đinh Thị Dư)

Bà Đinh Thị Dư sinh ngày 10/3/1955, quê ở làng An Mỹ, Cẩm Châu, Hội An, hiện đang cư trú tại khối Bàu Súng, phường Thanh Hà. Năm nay bà đã bước sang tuổi 61 và cũng là chừng ấy cái tết bà đã trải qua. Với bà, lần ăn tết khi bị giam cầm ở nhà lao Hội An sẽ mãi là cái tết không bao giờ quên được.

Hồi tưởng lại cái tết ở nhà lao Hội An, giọng bà trở nên nghèn nghẹn, bồi hồi. Dẫu còn ngất quảng bởi những gì xảy ra cách đây đã gần 43 năm, hơn nữa di chứng để lại sau những trận đòn roi tra tấn tàn bạo của địch theo năm tháng hành hạ bà mãi đến hôm nay và dường như nó vẫn còn sâu đậm lắm.

Trong một lần đi công tác, bà bị địch bắt. Qua các lần khai thác, làm cung ở quận Hiếu Nhơn và ty cảnh sát, địch đưa bà về giam ở nhà lao Hội An. Đó là một ngày trong tháng 3 năm 1972. Ở nhà lao Hội An đến tháng 12/1973, bà bị đưa đi giam tại nhà lao ở tỉnh Ninh Thuận. Sau đó một thời gian, địch đưa bà về lại nhà lao Hội An. Đến tháng 12/1974, địch thả tự do cho bà. Cái tết mà bà trải qua ở nhà lao Hội An là vào lần thứ nhất bà bị giam ở đây. Thời điểm đó bà ở phòng M trong

khu nữ phía bắc nhà lao. Trong phòng có khoảng 30 người gồm nhiều địa phương khác nhau như: Hội An, Điện Bàn, Quế Sơn, Đại Lộc, Duy Xuyên...

Những ngày trước và trong tết, chế độ giam cầm của nhà lao vẫn như mọi ngày với việc bố trí canh trực, kiểm soát gắt gao nhằm ngăn chặn mọi hoạt động đấu tranh của tù nhân. Việc ăn uống trong ngày tết có cải thiện hơn so với ngày thường. Vẫn là cơm ngày hai bữa nhưng thức ăn là thịt mỡ và canh rau muống thay vì cơm trắng với muối, cá ương kho. Mất tự do, lại sống trong cảnh giam cầm ngột ngạt nhưng bà cũng như các chị em trong phòng cũng đã cảm nhận không khí ngày tết không chỉ qua sự thay đổi của đất trời mà còn qua những hoạt động đã được chị em tạo ra.

Vào ngày thăm nuôi cuối năm, người nhà gửi quà, chủ yếu là bánh chưng, bánh tét vào cho. Trong phòng, chị em nào có quà thăm nuôi đều giữ lại đến tết góp lại chia đều cho nhau cùng ăn. Riêng phần bà vì gia đình quá nghèo nên không được thăm nuôi nhưng vẫn được chị em quan tâm san sẻ như một số chị em khác có hoàn cảnh tương tự.

Bà nhớ trước tết độ vài ngày, trong phòng có gửi mua bên ngoài một số đồ vật. Không có tiền, chị em chia nhau cào tóc rụng vuốt lại thành choang gửi ra ngoài bán, chị em nào có tiền thăm nuôi cũng góp thêm vào. Sau đó chị em sửa soạn bày mâm cúng ở trước phòng để cúng tổ tiên ngày tết và cúng cho những anh chị em ta bị địch đánh chết đem xác chôn ở phía sau nhà lao. Mâm cúng đạm bạc chỉ có một số áo đất, nải chuối, bánh và hương. Tất nhiên bọn giám thị không cho phép tù nhân làm việc này nên phải chọn thời điểm vào ban đêm và ngày đó không có các tên giám thị ác ôn trực. Rất may việc này không bị phát hiện. Trong đêm giao thừa, bà đã cùng một số chị em khác tổ chức lễ tưởng niệm các anh hùng chiến sĩ đã chiến đấu hy sinh cho Tổ quốc. Gọi là lễ nhưng thực ra chỉ là ngồi dậy đứng nghiêm và cúi đầu mặc niệm trong giây lát rồi nhanh chóng giải tán để giữ bí mật. Những hoạt động này ngoài bà là người phụ trách công tác thanh niên trong phòng cũng như của cả khu còn có một số chị em khác như chị Dị quê ở Hòa Vang, chị Kháng quê ở Xuyên Thọ,...

Giải khuây trong ngày tết, chị em thường hay thêu thùa hoặc chơi bài. Có những chị em tụ tập kể chuyện, tâm sự tình cảm với nhau về bản thân, về nỗi nhớ quê hương, gia đình. Câu chuyện về hoàn cảnh đáng thương của chị Hương ở Xuyên Thọ làm bà nhớ mãi. Chồng chị mất sớm để lại chị và

3 đứa con nhỏ. Khi chị bị bắt, thằng anh cùng các em đi thoát ly. Chị không rõ chúng nó đã đi đâu, tình hình hiện nay thế nào. Chị nhớ con nên ngày nào cũng khóc. Bà cùng chị em trong phòng thường xuyên an ủi, động viên chị cố gắng vượt qua nhưng nước mắt chị cứ rùng rã mãi.

Hát cũng là một hình thức được chị em sử dụng để truyền tải tâm tư, tình cảm của mình. Không chỉ hát trong lúc thêu thùa, nghỉ ngơi, ... chị em còn tổ chức buổi văn nghệ hát những bài hát về mùa xuân, về Đảng hay về gia đình, quê hương làm cho không khí vui hơn. Thế nhưng vui đấy lại buồn đấy bởi những bài hát về gia đình, quê hương gợi nên nỗi nhớ nhà da diết, như bài “*Nhớ mẹ*” làm cho nhiều chị em không cầm được nước mắt:

*“Mẹ ơi con nhớ mẹ quá chừng
Nhưng mà con nghĩ phận mình trong lao
Nhớ nhưng chẳng biết làm sao
Gửi lời thăm mẹ gia đình yên tâm
Tết này khác hẳn mấy năm
Chúng con ăn tết ở trong lao tù
Mua đường cùng với nhan đèn
Đơn sơ đạm bạc đặt bàn tổ tiên
Chúng con cũng chẳng có tiền
Lượm từng tóc rụng bán làm quà xuân
Báo tin trong tết mẹ mừng
Chúng con cũng được tung bừng hát ca
Riêng phần chính phủ tặng quà
Com ngày hai bữa cũng là mẩm kho
Trong tù xin mẹ đừng lo*

*Thân con cực nhọc đòn đau vô cùng
Trong tù nước uống li bì
Đường đi cách trở vậy thì khó khăn
Đường đi cách trở cách ngăn
Thân con ngàn dặm bán khoán vô cùng
Mẹ ơi xem thấy lạ lòng
Nhìn về thôn xóm vô cùng nhớ thương
Tuy xa cách con không về được
Chắc gia đình mong ước người con
Sợ e nhiệm vụ chưa tròn
Tù đầy đánh đập thân con không ngại gì
Có đánh đập mới hiểu lòng gian khổ
Có tù đầy mới hiểu được tự do”*

Trong buổi văn nghệ này, bà nhớ đã cùng với chị Dị, chị Kháng đóng một vở kịch hát kể về câu chuyện của 3 cha con (bà trong vai Minh, chị Dị trong vai Cần, chị Kháng trong vai người cha). Minh là anh tham gia cách mạng, người em là Cần đi ngược lại con đường của người anh (đi lính chế độ cũ). Nội dung câu chuyện dài lại đã lâu bà không thể nhớ hết nhưng đoạn cao trào bà nhớ rất rõ. Đó là lúc hai anh em tình cờ về nhà thì gặp nhau. Thấy Minh, Cần chĩa súng định bắn thì người cha can ngăn, giải bày: “Khoan khoan đã Cần ơi con đừng vì đô la lương bổng mà con quên đi dòng máu tiên rồng. Thằng Minh với mày 2 anh em ruột thịt, nghĩa tình nào con chia cắt làm hai. Súng kia sao con không đâm bắn vào đầu giặc Mỹ. Giặc Mỹ kia mới là thù là oán. Mẹ của con có tội tình gì chúng đem

ra bờ ao bắn giết. Nghĩa tình này con biết tính làm sao. Công dưỡng dục nay con đã trả, phận cha già mòn mỏi cũng vì con”. Nghe qua lời cha, Cần như nhận ra mọi điều nên quỳ xuống thưa: “Vừa nghe qua mấy lời cha dạy bảo, lòng con đây như bão tố toà bời. Mấy năm qua con lạc bước sai đường. Theo để quốc phản dân hại nước ...”. Sau đó người cha tiếp lời: “Cần, Minh hai con lại đây cha nói cho cặn lời. Giờ đây cha thấy già rồi trẻ ra, con ơi đầm ấm là đây, việc nhà việc nước hội này mới vinh”. Cuối vở kịch, ba cha con đồng thanh hát lớn: “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn, thành núi lại cao”. Vở kịch diễn ra thành công và nhận được lời tán dương của các chị em trong phòng. Không chỉ hay về cách diễn xuất, nội dung vở kịch còn truyền tải đến chị em lòng căm thù giặc sâu sắc, động viên chị em đoàn kết lại để tạo nên sức mạnh đấu tranh cho những ngày khó khăn phía trước.

Một cái tết nữa lại đến. Những ngày này dầu rộn ràng sắm sửa cho ngày xuân nhưng kỷ niệm về cái tết ở nhà lao Hội An năm nào vẫn là lần ăn tết khó quên với bà. Ăn tết trong cảnh giam cầm, không có người thân bên cạnh, không đầy đủ vật chất, mọi thứ đều đạm bạc, giản đơn nhưng trong vòng tay của đồng đội, đồng chí đó là một cái tết thật ấm áp nghĩa tình và đáng ghi nhớ ♥

TRANG TRÍ BÀN THỜ GIA TIÊN TRONG NGÀY TẾT Ở HỘI AN

Lê Thị Tuấn

Trong tâm thức của người Việt, bàn thờ là nơi ngự vị của các bậc tiền nhân trong gia đình vì người đã khuất và người còn sống luôn có một mối quan hệ mật thiết với nhau. Không gian thờ tự là không gian thiêng liêng trong gia đình, là nơi thể hiện mối quan hệ tâm linh giữa những người đã khuất với những người đang sống, là nơi thực hành sự tưởng nhớ, tôn kính của con cháu đối với ông bà tổ tiên. Vậy nên ông bà ta có câu:

“Con người có tổ có tông

Như cây có cội như sông có nguồn”

Thời gian cận Tết, nhất là sau ngày đưa Ông Táo về Trời (23 tháng chạp âm lịch) nhà nhà tất bật lo quét dọn nhà cửa mua sắm trang trí lại bàn thờ để “tổng cự nghinh tân” (chia tay năm cũ và đón năm mới). Việc trang hoàng nhà cửa đón Tết dù đẹp chỗ này chưa đẹp chỗ kia cũng có thể cho qua được nhưng việc trang trí bàn thờ phải tỉ mỉ, chu đáo từ việc lớn cho đến việc nhỏ kể cả chiếc khăn lau bàn thờ, thau nước rửa bình hoa phải sạch sẽ không dùng chung với những việc khác. Nước lau bàn thờ phải là nguồn nước sạch, ngày xưa ông bà ta dùng nước mưa để lau rửa vật dụng trên bàn thờ (nước mưa được cho là loại nước sạch sẽ và

trong khiết). Với khung ảnh phải lau tỉ mỉ không còn chút bụi bám, bộ lư đồng thì đánh bóng nhoáng. Trước đây chưa có mô tơ đánh lư, người ta rửa bằng nước sạch dùng chanh hay khế chà lên, sau đó rửa lại lau khô, bộ lư sẽ bóng sáng. Đặc biệt, phải thay cát trong lư hương, cát cũ đổ ra rửa lư hương sạch sẽ, dùng rượu trắng lau lại, đổ cát mới vào. Cát đổ vào lư hương phải trắng phau. Có người cẩn thận mua cát về chao đãi sạch sẽ, phơi khô mới cho vào lư hương. Những việc làm này đều thể hiện sự giao hòa, gắn kết tôn kính giữa thế giới tâm linh thiêng liêng với cuộc sống hiện tại và tương lai.

Trên bàn thờ, ngoài hương đèn, giắc phải có mâm ngũ quả. Mâm ngũ quả không chỉ tươi đẹp, ẩm cúng. Người ta còn chọn trái cây có màu sắc tượng trưng cho năm màu theo quan niệm ngũ hành của người phương Đông, cũng có nơi chọn các loại quả mang ý nghĩa tốt lành cầu phúc, lộc,... để gửi gắm ước nguyện của mình đến ông bà, tổ tiên. Thường là những loại quả như quả mãng cầu, đu đủ, dứa, thanh long, hồng, dưa hấu, quýt, bưởi, lựu, xoài, chuối. Ngày xưa, hầu như trên bàn thờ nhà nào cũng có nải chuối xanh với hàm ý là bàn tay che chở của Đức Phật cho tất cả mọi người và màu

xanh biếu trưng cho sự sinh sôi, phát triển. Hiện nay, một số nhà kiên không dùng chuối, người ta cho rằng từ chuối nghĩa là làm ăn không phát đạt. Quả dưa hấu, quả bưởi, hồng, quýt,... đều thể hiện cho sự đầy đặn, màu sắc tươi thắm tượng trưng cho sự may mắn, phồn thịnh. Măng cầu, đu đủ, dừa, xoài là những quả có âm tiết mang ý nghĩa cầu no đủ quanh năm nên nhiều nhà thích thờ những quả này. Lọ hoa phải rực rỡ, thường dùng hoa cúc, hoa lay ơn, hoa mai. Ngoài ra, trên bàn thờ phải có hai ly nước trắng để thờ, bình rượu và đĩa trầu cau, thuốc giấy thờ, nước trà khi cúng mới dâng. Những nhà có thờ cha mẹ, ông bà phải thờ mấy bộ đồ mã và bàn thờ phải có hai phần, thờ ngũ tự riêng, bàn thờ ông bà riêng. Ngày Tết trên bàn thờ luôn có bánh tét hay bánh chưng, mứt bày trí cho bàn thờ sum tụ đẹp mắt... Đèn phải

thấp sáng thường xuyên, hương, trầm thấp liên tục để gửi lời cầu nguyện theo vòng khói hương chuyển đến ông bà, để bàn thờ ấm cúng, gắn kết tình cảm, ước nguyện của mọi người trong gia đình. Việc khăn vải do người lớn trong nhà thực hiện, kể cả việc lau dọn do đàn ông làm vì người ta quan niệm đàn ông là trụ cột trong gia đình phải đại diện chăm lo nơi cư ngụ của tổ tiên tổ lòng hiếu kính và là duy trì huyết thống gia đình.

Cuối cùng, những sản vật đẹp mắt, tinh túy nhất được dâng bày xong trong ngày cuối năm với những tình cảm hiếu kính, trang trọng chuẩn bị sẵn sàng cho việc đón ông bà về ăn tết cùng con cháu. Bàn thờ ngày Tết không chỉ là nơi mọi người bày tỏ tình cảm gia đình, huyết thống mà còn là nơi chúng ta gửi lời chúc một năm mới an khang thịnh vượng hơn♥



<https://hoianhe>

LỄ LỆ, LỄ HỘI NGÀY XUÂN LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở HỘI AN

Trương Hoàng Vinh

Tết đến là dịp tất cả các nghề nhân của các nghề truyền thống ở Hội An chuẩn bị cho mọi hoạt động kết thúc một năm sản xuất cũng như bắt đầu một chu kỳ làm ăn trong năm mới. Khung thời gian này có thể nhận là từ giữa tháng tháng Chạp và kết thúc vào cuối tháng giêng, đầu tháng 2 của tân niên. Đây là thời gian quan trọng nhất trong năm đối với những nghề nhân, nó gắn liền với nhiều tập tục, lễ hội mà qua đó thể hiện những ước mơ, hoài bão, thể giới quan linh thiêng, giàu chất văn hóa mà giản dị và nhân sinh quan mộc mạc nhưng đậm tính nhân văn của các nghề nhân.

Từ giữa tháng Chạp đến những ngày giáp Tết tập tục phổ biến nhất là tất niên của các nhà buôn, trại gỗ. Với lễ này, các nhà buôn thường ít đề cao chuyện coi ngày lành/tốt để tiến hành mà chọn những ngày đã bán chạy hết hàng, làm hết việc và đặc biệt là đòi hết nợ để làm lễ tế. Thời gian diễn ra nhiều lễ cúng tất niên nhất là từ 20 tháng Chạp đến ngày 30 Tết. Lễ tất niên là dịp các nhà buôn, chủ tiệm báo cáo trời đất về kết quả buôn bán, làm ăn trong năm, do vậy lễ vật cúng trời đất cũng khá hậu, có cả đầu heo, nhiều đồ mặn, hoa quả và nhiều vàng mã để hậu tạ trời đất, âm linh. Đây là dịp chủ hiệu với người làm và một số bạn hàng thân thiết gặp mặt, hàn huyên, tâm sự. Sau lễ cúng thì các nhà buôn không buôn bán nữa và không bao giờ đi đòi nợ vì quan niệm rằng làm như vậy

sang năm mới sẽ bị bạn hàng thiếu nợ nhiều. Đối với nghề mộc, tất cả các chủ trại thường cúng Tổ, cúng tất niên tại trại gỗ vào ngày 20 tháng Chạp. Cũng trong ngày này, chủ trại sẽ hồi công, đãi thợ, động viên thợ, học trò sau một năm làm việc vất vả. Đặc biệt trong tháng Chạp, ngày 12 các tiệm may làm lễ giỗ Tổ là bà Nguyễn Thị Sen. Có thể coi đây là ngày Tết của giới thợ may, sau lễ cáo trời đất cùng tổ nghề về công chuyện may vá trong năm, sau đó các thợ may cùng tiệm hội tiệc. Hiện nay, ở Hội An có hơn 300 hộ và 1.000 lao động hoạt động trong nghề may tập trung trong Khu phố cổ nên ngày 12 tháng Chạp hàng năm cũng là ngày lễ, hội lớn trong năm của Khu phố cổ Hội An.

Cùng với những ngày vui hội Tết đến dịp xuân về, đây cũng là thời gian tập trung diễn ra các tập quán cầu may, cầu tài lộc của các nhà buôn, các thợ thủ công, nhà nông là vào những ngày đầu xuân. Với thợ rèn, vào ngày Mồng một Tết hàng năm, thợ rèn giữ tục nỏ lửa lò rèn, rèn một cây đinh rồi chọn một cây cột nằm ở hướng phù hợp với tuổi của người chủ lò rèn trong năm để đóng vào. Cũng vào ngày mồng Một Tết, nhiều nhà buôn, chủ tiệm thường đến chùa cúng hương, xin một lộc non ở những cây xanh tốt, nhất là mai, tùng và xem như sẽ có được những may mắn trong năm mới. Một số khác thì họ đến chùa Ông, các hội quán vào ngày lễ trọng đầu năm nhất

là ngày Nguyên Tiêu để cúng hương, vay tiền, xin những tờ xuân liên (*trong đó có ghi những lời chúc tốt đẹp bằng chữ Hán*) hay những hoa quả được thờ ở bàn thờ Quan Công, Thiên hậu Thánh Mẫu... (*đây là những vị thần bảo hộ nghề buôn*). Xuân liên được treo ở những nơi trang trọng nhất của nhà như để lưu lại sự may mắn trong suốt cả năm. Còn trái cây thì người ta ăn để thụ hưởng những lộc tài lộc của thần linh ban phát...

Song hành với những tục lệ cầu may đầu xuân mang tính cá nhân thì thời gian mở đầu năm mới cũng là giai đoạn diễn ra nhiều lễ hội cầu an, cầu may mang tính cộng đồng, có qui mô lớn của mỗi nghề. Tháng Giêng, Mồng 6 âm lịch là ngày giỗ Tổ nghề Mộc Kim Bồng, trong ngày này, các hiệp thợ mộc Kim Bồng tề cáo Cửu Thiên Huyền Nữ, Lỗ Ban, Lỗ Bốc là những vị tổ nghề chung của nghề mộc (*văn tế Tổ nghề mộc Xuân Ất Dậu, 2005*) và các vị tiền hiền của làng được xem là những vị tổ nghề của làng. Mồng Bảy tháng Giêng là lễ Cầu Bông nghề trồng rau Trà Quế. Đây là lễ hội đặc trưng cho những ngành nghề nông nghiệp ở Hội An, mang tính chất cầu được mùa, hoa trái đơm bông, tươi tốt. Lễ vật dâng lên Thần Nông, thần đất là những đặc sản thơm ngon, đầy sắc màu của vùng Trà Quế: rau, tôm, thịt mà

dân vùng Trà Quế gọi là Tam hữu ngoài ra còn có xôi màu. Trong khi đó, lễ giỗ tổ nghề gốm Thanh Hà được tiến hành vào Mồng 10 tháng Giêng tại miếu tổ Nam Diêu, theo như văn tế Tổ (*Văn tế Tổ nghề gốm Xuân Ất Dậu*) và tại án thờ tổ nghề thì có thể biết ngày xưa, thợ gốm tôn xưng Thiên công (*thợ trời, không có danh xưng cụ thể*), nhưng ngày nay trong dân gian lại lưu truyền rằng là bà Phước, bà Tích là Tổ nghề và nhiều thợ gốm khác lại xem các vị tiền hiền là tổ nghề chung của tổ nghề gốm Thanh Hà. Trong lễ tế, thợ gốm vẫn còn giữ tục rước Long Chu từ miếu Tổ ra sông Thu bồn thả trôi, đốt cháy với ước mong Long Chu trừ điều xấu, cầu may, cầu phúc đến cho cả làng gốm. Ngày xưa thì vào những đêm lễ hội, thường diễn ra hát bội, diễn viên chính là những thợ gốm. Cũng là lễ hội nghề nhưng diễn ra nhiều vùng khác nhau ở Hội An là lễ Cầu Ngư, lễ thường được tổ chức vào tháng 2 âm lịch. Làng chài Cẩm An Cầu Ngư vào ngày 16 tháng 2 âm lịch tại lăng ông Cẩm An. Đây là lễ hội mang đậm sắc thái văn hóa tín ngưỡng duyên hải, mở đầu ngày lễ chính là rước kiệu nghinh ông (*Nam Hải Cự tộc Ngọc Lân Tôn Thần, thần bảo hộ của người đi biển*). Sau đó là lễ tế âm linh, cầu an, cuối cùng là bước vào lễ chính cầu ngư, kết thúc lễ là các ngư dân múa hát bả trạo



Nhìn chung, những lễ lệ, lễ hội ở Hội An liên quan đến nghề truyền thống là di sản văn hóa phi vật thể có giá trị, đang được bảo tồn và phát huy tốt. Trong đó, một số lễ hội có quy mô lớn, đặc trưng, thu hút đông đảo người dân nhiều nơi tham gia. Do vậy, có thể lập hồ sơ đề nghị xem xét công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.♥

ĐÔI ĐIỀU VỀ TRÒ CHƠI NGÀY TẾT Ở HỘI AN

Trần Văn An

Cứ mỗi lần tết đến xuân về, trong làn nắng ấm ban mai và hương thơm thoang thoảng của những đóa mai vàng nở sớm báo hiệu mùa xuân đang đến, trong không khí mới mẻ, khác lạ của đất trời, vạn vật, một câu hỏi lại vẫn vương không biết trước đây người Hội An đã vui chơi trong dịp tết bằng những thú vui, trò chơi nào.

Vui chơi trong các dịp lễ tết là sinh hoạt, là nhu cầu thường hằng của con người, của các cộng đồng dân cư trên toàn thế giới chứ không riêng gì ở Hội An. Bởi một lễ thường tình là sau những ngày tháng lao động cật lực để kiếm sống, để làm giàu, để cầu danh lợi con người lại cần có một khoảng thời gian để vui chơi hưởng thụ những thành quả lao động do mình làm ra, để trở về với bản năng hưởng thụ văn hóa vốn có trong máu thịt mỗi người và cũng để xả stress, nói theo ngôn ngữ hiện đại. Biểu hiện đỉnh điểm của bản năng này là các cảnh “tả tơi xem hội” vào các dịp lễ tết. Và trong các lễ tết, lễ hội thì trò chơi là một hoạt động không thể thiếu. Vậy thì, trong dịp tết Nguyên Đán – tết Cả hàng năm, người Hội An chơi những trò gì?

Trong ký ức của tôi, ngày tết Nguyên Đán tại Hội An đọng lại ở một số cảnh vật, thú vui. Rõ nhất là cảnh các bến đò tấp nập người trong những bộ quần áo tết rực rỡ đợi chờ đến lượt qua sông. Vào dịp này, các bến sông đông loạt trút bỏ dáng vẻ ảm đạm, lạnh lẽo của mùa đông để hồi sinh nhộn nhịp với những chuyến

đò sang đò về đông đúc. Tại các bến đò này thường dựng một chiếc rạp chơi bài chòi với những lá cờ đuôi nheo lạ mắt treo trên những cột tre còn tươi màu vỏ, với những tiếng trống điểm thùng, thùng tiếng hô hát hoạt náo của những chú hiệu lôi cuốn mọi người, nhất là bọn trẻ. Ngày ấy bài chòi là một trò chơi dân gian rất phổ biến ở nhiều làng quê, xóm ấp, tuy nhiên đáng nhớ nhất là các rạp bài chòi ở các bến sông.

Một ấn tượng khác khá đậm nét là cảnh đua ghe ngày tết trên các dòng sông. Sông ngày ấy trong veo, trải rộng và vào dịp tết hoặc trong tháng giêng, nhiều làng xóm thường tổ chức đua ghe đầu năm để cầu may, để khuấy nước mở hàng. Đua ghe là một hoạt động rực rỡ sắc màu với hàng ngàn người tập trung 2 bên bờ sông, hàng ngàn chiếc ghe tụ tập dọc đường đua dưới sông để hò hét, cổ vũ, tạt nước, quơ chèo, vẩy nón,... tạo thành một cảnh tượng vô cùng náo nhiệt mà ai từng tham gia chứng kiến sẽ rất khó quên.



Đường làng ngõ phố là nơi diễn ra nhiều trò chơi trong dịp tết. Hình ảnh một số trò chơi vẫn còn sinh động trong trí nhớ của nhiều người là tán tiền, đá kiện, bắn bi, đánh tào cáo dọc các ngã đường. Tại các khu vực công cộng như đình làng, chợ búa thường có các lều rạp bài chòi, hô thai, hát bội hoặc sau này có thêm lô tô, một trò chơi du nhập từ người Pháp.

Hoạt động vui chơi trong các dịp lễ tết ở khu vực Hội An, Đà Nẵng vào năm 1793 được một tác giả người Anh là J. Barrow mô tả khá sinh động, qua đó giúp ta hình dung được cảnh vui chơi nhộn nhịp trước đây:

“... Dời khỏi những chỗ diễn viên đang diễn kịch (có lẽ là hát bội) chúng tôi đi ngang qua một bãi cỏ xanh quanh làng, cũng là nơi họp chợ, ở đó chúng tôi được tiêu khiển với nhiều trò vui chơi thể thao, chạy nhảy khác nhau. Ngày 4 tháng 6 là ngày hội lớn ở vùng này của xứ Nam Hà. Ở một chỗ chúng tôi quan sát thấy hơn chục thanh niên đang chơi đá bóng với một cái bong bóng súc vật; Ở một chỗ khác họ đang trở tài khéo léo nhảy qua một chiếc sào ngang; chỗ này một đám người chơi chơi gà; chỗ kia những cậu thiếu niên đang bắt chước đàn anh lớn của chúng huấn luyện những chú chim cú và những loài chim nhỏ khác, thậm chí cả những con châu chấu (có lẽ là dế) đánh xé nhau. Ở mọi góc đều thấy có nhiều người đang chơi bài hoặc gieo xúc xắc. Trò chơi thu hút sự chú ý của chúng tôi nhất là một đám thanh niên đá cầu, dùng lòng bàn chân của mình tung quả cầu lên không trung...”¹

Chúng ta chưa biết ngày 4/6 là ngày hội lễ gì nhưng chắc chắn sẽ không lớn bằng lễ tết Nguyên Đán và từ mô tả

này chúng ta có thể hình dung về một cảnh tượng vui chơi quy mô, náo nhiệt hơn nhiều vào dịp tết Cả của đất nước tại Hội An.

Kết hợp giữa ký ức với tư liệu thư tịch, tư liệu dân gian có thể thấy rằng trước đây vào dịp tết Nguyên Đán người Hội An có nhiều trò chơi. Chúng bao gồm các nhóm trò chơi về phô diễn, thi tài khéo léo, thể lực; về giải trí, thư giãn; về phô diễn, thi tài văn hóa nghệ thuật. Nhóm thi tài, phô diễn khéo léo, thể lực có các trò như đua ghe, đá kiện, nhảy bao bố, kéo co, bắn bi, tán tiền, đánh tổng, đá gà, đá dế, đánh đu, bịt mắt bắt dê, thi nấu cơm, làm bánh, thi treo đèn kết hoa,... Nhóm giải trí, thư giãn có các trò như đánh tào cáo, bầu cua tôm cá, đánh lú, xóc đĩa, lô tô, bài tới, bài tứ sắc, bài kiệu, xăm hường, mặt chược và một số loại bài phương Tây du nhập sau này. Ngày trước các loại cờ, bài này chủ yếu nhằm giải trí mức độ ăn thua nhỏ chứ không mang tính sát phạt như một số trường hợp gần đây. Nhóm hát hò, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật có các hoạt động như hát bội, hát hò khoan, hô thai, biểu diễn du hò, hát sắc bùa, hát khai trương lợi thi, thả hoa đăng, v.v....

Qua danh mục chưa đầy đủ ở trên có thể thấy được sự phong phú, đa dạng của hoạt động vui chơi vào dịp tết Nguyên Đán ngày xưa tại Hội An. Chính các trò chơi này đã tạo nên không khí lễ tết hào hứng, sôi động, nhộn nhịp một thời và để lại ấn tượng sâu sắc trong nhiều thế hệ dân cư địa phương về những mùa xuân thanh bình, hạnh phúc. Trò chơi ngày tết là kết tinh quá trình sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của cộng đồng cư dân địa phương Hội An, là di sản ký ức, di sản phi vật thể cần được bảo tồn, gìn giữ và chọn lựa phát huy phù hợp ♥

¹ J.Barrow, Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792 - 1793, Nxb Thế Giới 2011, tr 69.

BÁNH IN BỘT NẾP TRUYỀN THỐNG VÙNG THÔN QUÊ Ở HỘI AN

Lê Thị Ngọc Hương

Tết là dịp để tất cả mọi người vui chơi, ăn uống, nhận lì xì, là dịp để những lo toan muộn phiền khép lại khi thời khắc giao thừa điểm và tất nhiên tết không đơn thuần mang những ý nghĩa như thế mà nó còn là dịp để những người con, người cháu thể hiện lòng thành kính nhớ ơn tổ tiên ông bà thông qua những món ăn mang đậm hương vị ngày tết cổ truyền Việt Nam, là dịp để những người bà, người mẹ, người vợ,... dồn hết cái tâm, đóng từng giọt yêu thương để tạo ra những tuyệt phẩm ẩm thực cho người con, người cha, người cháu thưởng thức.

Tết Nguyên đán mang những nét đẹp về văn hóa truyền thống, về phong tục tập quán rất đặc trưng của dân tộc Việt Nam, điều đó thể hiện rõ nét trong văn hóa ẩm thực Việt Nam ngày tết. Từ xa xưa, với người Việt Nam dù ở bất cứ đâu, từ thành thị đến nông thôn, dù giàu hay nghèo người ta vẫn tươm tất trong ba ngày tết như tục ngữ Việt Nam có câu *“có đói cũng 3 ngày tết, có hết cũng 3 ngày mùa”*, trong đó món ăn ngày tết là một trong những phần quan trọng không thể thiếu. Với người Hội An cũng thế, cứ mỗi độ tết đến xuân về các bà, mẹ, các chị lại tất bật chuẩn bị đủ các món ăn trong ngày tết một phần

thờ cúng tổ tiên, phần để đãi khách đến thăm và để ăn trong gia đình. Những món ăn trong ngày tết trước đây ở vùng thôn quê Hội An thường vẫn là những món truyền thống như thịt heo hầm nước mắm, thịt heo luộc, dưa món, bánh chưng, bánh tở, nỏ, khô, các loại mứt,... và một loại bánh không thể thiếu trong ngày tết cổ truyền đó là món bánh in bột nếp.

Theo các vị cao niên kể lại, trước đây vào dịp tết đến, mỗi nhà ở vùng quê đều tự tay chuẩn bị các món ăn trong ngày tết, thường là những nguyên liệu sẵn có, bởi theo họ thời điểm đó, kinh tế còn khó khăn, việc chi tiêu hạn hẹp nên hầu hết các nguyên liệu để chế biến món ăn như đậu, nếp, gạo, dừa, gừng,... được người dân trồng và dự trữ lại cho những ngày tết, ngoài ra còn có các loại gia súc gia cầm được nuôi để chuẩn bị cho tết bán hoặc chia phần cho các gia đình quanh xóm. Tuy khó khăn là thế nhưng ngày tết vẫn có đầy đủ các món ăn truyền thống mang phong vị ngày tết quê hương. Trong các loại món ăn không thể thiếu món bánh in làm từ bột nếp, một loại bánh dân dã đời thường có từ thời xa xưa.

Từ khoảng 24 tháng Chạp mỗi nhà đã bắt đầu chuẩn bị làm các loại

bánh mứt để đón tết. Nếp được mua hoặc nhà nào làm nông thì tự trồng lúa nếp để dành đến tết làm bánh. Bánh in làm từ bột nếp cũng trải qua rất nhiều công đoạn để có miếng bánh giòn ngon. Nếp được vo sạch bằng nước để ráo, cho một ít dầu phộng vào trong nếp trộn đều để khi rang nếp không bị cháy. Bắt chảo lên bếp củi, đổ nếp vào khuấy đều đến khi hạt nếp nở phồng, ngả màu vàng nhạt là được. Nếp sau đó được bỏ vào cối đá giã nhuyễn, dùng rây bằng lưới mịn rây bột rơi xuống, phần hạt nếp chưa mịn còn lại trên rây thì bỏ đi. Sau đó đem bột phơi sương (*phơi vào ban đêm, thông thường thời điểm khuya khoảng 4 tiếng*). Và một phần không thể thiếu trong nguyên liệu làm bánh là đường, đường thường dùng loại đường bát. Dùng dao cạo đường thành bột mịn. Sau khi bột đã được phơi sương, đường cạo xong, trộn 2 hỗn hợp này với nhau theo tỉ lệ 1kg bột + 1 kg đường, trải bột lên mâm, dùng chai thủy tinh cán hỗn hợp đường bột cho đều. Dùng khuôn bánh bằng gỗ có chạm hoa văn đủ kiểu với dạng hình vuông, tròn, trên mặt khuôn khắc hình hoa lá, chữ phúc, lộc, thọ,... Trước khi làm bánh, phủ bột nếp chưa pha đường lên khuôn bánh in để khi lấy bánh ra khỏi khuôn được dễ dàng hơn, dùng tay ép hỗn hợp bột và đường vào khuôn bánh in, sau khi ép chặt khuôn bánh, dùng dao gọt bằng mặt dưới của bánh. Trong giai đoạn làm bánh, phải chuẩn bị sẵn nồi than để sấy bánh. Than đòi hỏi phải đỏ đều, dùng tôn bao xung quanh, đặt miếng tôn cách nồi than khoảng 40 phân, khi ép bánh

vào khuôn xong, đặt khuôn bánh trên miếng tôn có lửa than phía dưới, lật úp khuôn bánh dùng thanh gỗ, gõ nhẹ vào khuôn bánh, từng chiếc bánh được lấy ra theo cách như thế, từng mẻ bánh được sấy trong thời gian khoảng 20 phút, khi sấy lật bánh qua lại cho bánh vàng đều, bánh đạt yêu cầu là bánh có độ vàng giòn, thơm của nếp ngọt thanh của đường. Sau khi sấy xong, bánh để nguội bỏ vào bao để giữ bánh được giòn lâu.

Với cái se lạnh đầu xuân, ngồi bên nhau nhâm nhi những chiếc bánh in ngọt giòn tan và béo ngậy cùng với tách trà nóng là một thú vui giúp xua tan mọi ưu phiền, mệt nhọc sau một năm dài vất vả với cuộc sống mưu sinh.

Tết đến xuân về, bỏ lại sau những lo toan muộn phiền của cuộc sống thường nhật, những người con xa quê trở về sum họp bên gia đình vì vậy tết không chỉ là dịp nghỉ ngơi mà là dịp để đoàn viên. Những đặc trưng của ngày tết thật giản dị và gần gũi với chúng ta biết bao nhiêu. Đó là mùi thơm ngọt ngào của gạo nếp trong chiếc bánh chưng xanh, đó là hương thơm nồng nàn từ các loài hoa đang đua nhau khoe sắc, là những phong bao lì xì chứa chan tình cảm hay những câu đối đỏ thắm. Mọi người cùng thức, đếm từng phút giây đợi khoảnh khắc giao thừa để cùng quây quần bên nhau bên vị ngọt thanh của bánh in thơm ngon, vị cay của mứt gừng,... Còn điều gì thú vị hơn thế khi được tận hưởng những cảm giác ấm áp và cùng nguyện cầu một năm mới an lành♥

QUẠT CẢNH Ở HỘI AN

Nguyễn Cường

Quạt là loại cây trồng đã trở nên quen thuộc với người Hội An từ rất nhiều năm nay . Bên cạnh việc lấy trái làm nước uống hàng ngày, làm mứt, quạt còn là loại cây cảnh mang đến hương sắc mùa xuân ấm cúng , rực rỡ , tươi vui không chỉ ở Hội An mà còn lan tỏa đến nhiều miền quê mỗi dịp tết đến xuân về.

Theo hồi cổ của một số vị cao niên ở Cẩm Hà thì thời điểm phát triển mạnh mẽ của cây quạt cảnh ở Hội An vào khoảng những năm 80 của thế kỷ XX. Do thấy quả quạt chín đẹp, có thể dùng để trang trí ngôi nhà trong dịp tết nên có người mạnh dạn đưa cây quạt vào chậu làm thử. Ban đầu do chưa có kinh nghiệm chăm sóc nên không đạt được kết quả. Qua thời gian theo dõi quy luật sinh trưởng của cây, họ đã thành công . Dần dần quạt cảnh có mặt

trong dịp tết của nhiều ngôi nhà ở Hội An. Nhiều người đã chọn nghề làm quạt cảnh để phát triển kinh tế gia đình bởi hiệu quả mang lại từ nghề này tương đối cao so với các loại hoa cây cảnh khác. Hiện nay, Cẩm Hà là nơi có số hộ làm và số lượng quạt cảnh nhiều nhất ở Hội An. Các địa phương khác ở Thanh Hà, Tân An và Cẩm Châu cũng có số lượng tương đối lớn.

Dẫu vậy, để có được thành quả như mong muốn, người làm quạt cảnh cũng phải trải qua một năm ròng rã cực nhọc và lắm nỗi lo toan. Trước hết là nỗi lo về cây giống. Cây được chọn làm giống thường phải sau khoảng 2 năm được trồng kể từ khi chiết cành. Do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là đất trồng hạn chế nên rất ít gia đình chủ động được cây giống, thay vào đó phải cất công tìm mua cây giống ưng ý cả về giá cả và chất lượng cây.

Việc chọn cây giống là khâu rất quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của quạt cảnh sau này. Chọn cây giống thường lưu ý đến bộ rễ mạnh, tán cây đều, cành to, khỏe, không bị sâu bệnh và có hướng phát triển tốt trước khi đưa vào chậu. Kế đến là nỗi lo nuôi dưỡng, chăm sóc cây, nhất là giai đoạn đầu sau khi vào chậu.



Giai đoạn này, cây quật phải được cắt tỉa, lật hoa, quả thường xuyên để cây đủ sức sống trước khi làm quả. Thường từ giữa tháng 6 ÂL, cây sẽ được làm trái để vừa đủ chín vào đúng dịp tết. Để có được cây quật đẹp, bên cạnh vấn đề kinh nghiệm chăm sóc, các yếu tố dịch bệnh và thời tiết diễn ra vào mùa mưa bão cũng rất quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng của cây. Ngoài ra, rủi ro khi tiêu thụ cũng là nỗi lo thường trực của người làm nghề quật cảnh bởi nhiều gia đình chọn phương thức tiêu thụ thông qua thương lái các nơi. Chỉ sau khi quật rời khỏi vườn thì thành quả một năm vất vả mới thật sự đến với người làm nghề.

Trước đây, cây quật cảnh ở Hội An chủ yếu làm theo dáng cây thông tròn vút nhọn lên trên đỉnh. Độ chục năm trở lại đây bên cạnh loại này còn xuất hiện thêm loại quật thể dạng Bonsai với nhiều kích thước khác nhau, từ loại mini đến loại trung, loại gốc lớn. Hiện nay loại quật thể này là lựa chọn phổ biến của nhiều gia đình làm nghề cũng như sở thích của người tiêu dùng.

So với nhiều địa phương khác trên cả nước, quật cảnh ở Hội An có những nét khác biệt về cách thức trồng, chăm sóc nên được người tiêu dùng ưa thích, nhất là hình thức trồng trực tiếp trong chậu sẽ làm cây trái tươi đẹp lâu dài hơn và chịu được sự thay đổi của thời tiết. Vì vậy không chỉ ở địa phương, quật cảnh Hội An đã khẳng định thương hiệu và có mặt ở nhiều nơi trong tỉnh cũng như các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, trong đó Đà Nẵng và Quảng Ngãi là những nơi tiêu thụ mạnh nhất. Khoảng từ tháng 10 ÂL trở đi, thương lái các nơi đến Hội An tìm

những vườn quật đẹp để mua chuẩn bị chuyển đi các chợ hoa ngày tết.

Việc lựa chọn cây quật đẹp phụ thuộc vào sở thích, thẩm mỹ riêng của từng người nhưng không thể bỏ qua các tiêu chí như: dáng cây tức cây phải có dáng đều đặn, có thân chính làm ngọn và phân nhánh đều về các hướng; quả phải to, độ chín vừa đủ, nước da sáng màu và phân tán đều trên thân cây; lá phải xanh, to và dày. Đặc biệt nếu cây có một ít quả xanh, có hoa, có lộc vào đúng ngày tết là rất quý. Biết được sở thích này, vào khoảng đầu tháng Chạp, người làm nghề thường lựa chọn thời tiết nắng ráo để cắt tỉa cành đồng thời bón phân vừa phải đảm bảo cây được sinh trưởng tốt, đủ sức ươm hoa, mọc chồi vào thời điểm đầu năm. Theo quan niệm của nhiều người, cây có quả xanh tượng trưng cho gia đình sum họp, con cháu đê huê; hoa và lộc tượng trưng cho sự may mắn, phúc, lộc quanh năm. Trong những ngày tết, được ngồi sum họp bên người thân, bạn bè nhấm nháp ly trà xuân và thưởng thức cây quật đẹp mang nhiều ý nghĩa ấy sẽ làm cho không khí ngày xuân thêm rộn rã và đầy ý nghĩa hơn.

Những ngày giáp tết này, khắp các ngã đường thôn xóm ở các địa phương làm quật cảnh lại tấp nập người xe mua bán báo hiệu một mùa xuân nữa lại bắt đầu. Và người trồng quật cảnh ở Hội An đã có thể thở phào nhẹ nhõm sau khi đã gặt hái được thành quả sau một năm lam lũ, cực nhọc để góp thêm hương sắc cho đời. Đã đến lúc cần đẩy mạnh quảng bá quật cảnh và các đặc sản chế biến từ quật để góp phần duy trì và phát triển nghề trồng quật cảnh ở Hội An♥

ĐUA GHE Ở HỘI AN

Trần Thị Lệ Xuân

Theo từ điển lễ tục Việt Nam: *“Đua thuyền là một sinh hoạt truyền thống của cư dân Việt cổ từ thời các vua Hùng mà hình ảnh còn lưu lại trên các hình trang trí ở trống Đông Sơn. Hàng trăm làng xã từ Bắc đến Nam đều tổ chức đua thuyền trong các lễ hội dân gian. Ngày nay nhiều nơi vẫn duy trì sinh hoạt đua thuyền trong lễ hội. Đua thuyền trở thành một nghi lễ có tính quốc gia (quốc lễ) cách đây hơn một ngàn năm. Sách Đại Việt Sử ký toàn thư chép: Ngày 15 tháng Bảy năm Ất Dậu (985) là ngày sinh của vua Lê Đại Hành, Vua sai người làm thuyền đặt ở giữa sông Hoàng Long (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), lấy tre làm núi giả ở trên thuyền gọi là Nam Sơn. Từ đó Vua đặt lễ đua thuyền, rồi từ đó trở thành thông lệ trong cả nước”*¹.

Như vậy, đua thuyền là một sinh hoạt văn hóa truyền thống của cư dân Việt Nam đã có từ xa xưa và là một lễ tục có ở nhiều nơi trên đất nước ta, tuy nhiên ở mỗi vùng, miền có tên gọi và cách thức đua khác nhau, chẳng hạn như ở Vĩnh Phú gọi là “tiệc bơi”, ở Thanh Hóa gọi là “chèo chài”, ở Hà Bắc gọi là “đấu chu”, ở huyện Đại Lộc – tỉnh Quảng Nam có lễ hội đua ghe (còn gọi là

lễ đảo thủy),... ở Hội An thường gọi là “đua ghe”.

Hội An với địa hình là vùng cửa sông ven biển nên yếu tố sông nước luôn gắn liền với đời sống của người dân từ bao đời nay. Theo tục lệ dân gian, tục đua ghe đã có từ lâu đời ở Hội An, nhằm mục đích cầu mong sự bình an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và cho đến hiện nay đua ghe là một trong những hoạt động văn hóa truyền thống được duy trì tổ chức hàng năm trong những dịp lễ Tết, lễ hội ở Hội An.

Trong tác phẩm “*Thuyền buồm Đông Dương*” của tác giả J.B.PIÉTRI, ở bài viết “*Ghe câu và ghe trường Hội An*”, tác giả mô tả khá chi tiết: “*Vào những dịp lễ tết trong năm, người ta tổ chức những cuộc đua thuyền. Thế là trong một cảnh diệu kỳ nhiều màu sắc, trong âm thanh ồn ào của trống kèn công chiêng, trong tiếng pháo đi đùng, mọi tàu thuyền, từ thuyền mảnh Trung Hoa, ghe bầu, ghe nan, ghe trường, tới ghe mảnh, tất cả kéo lên những lá cờ đuôi nheo có răng cưa của người Việt với đủ màu vàng, đỏ, xanh lá, cam, tất cả những dải vải báo gió sắc sỡ, những cờ hiệu, cờ đuôi én, cờ lệnh, quốc kỳ phấp phới trên mọi cột buồm*”².

¹ Bùi Xuân Mỹ - Bùi Thiết - Phạm Minh Thảo, “*Từ điển lễ tục Việt Nam*”, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1996, trang 173.

² J.B.PIÉTRI (Đỗ Thái Bình dịch), “*Thuyền buồm Đông Dương*” (Voiliers d’Indochine), Nxb trẻ, 2015,

Như vậy, theo ghi chép của tác giả J.B.PIÉTRI, đua thuyền/ghe đã có truyền thống từ khá lâu ở Hội An và hoạt động này thường được tổ chức vào những dịp lễ tết trong năm.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hội An, hoạt động đua ghe được nhiều địa phương duy trì, tổ chức. Thời gian diễn ra hoạt động đua ghe ở mỗi địa phương có sự khác nhau và chủ yếu diễn ra vào dịp mùa xuân khoảng tháng giêng, tháng 2 âm lịch và trong một số ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm như 30/4, 2/9,... Ngoài ra, trong những năm gần đây, vào dịp tết Nguyên Đán và trong lễ hội Cầu Ngư của cộng đồng ngư dân phường Cửa Đại, thành phố Hội An đã tổ chức hoạt động đua ghe với quy mô tương đối lớn.

Tại cộng đồng địa phương, đua ghe là một lễ tục được tổ chức cùng với một số lễ cúng của cộng đồng. Tùy tập tục của từng nơi, có khi đua ghe diễn ra trước lễ tế chính nhưng có khi diễn ra sau lễ chính kết thúc. Đối với những địa phương làm nghề sông nước, theo thông lệ định kỳ có tổ chức cúng Cầu Ngư thì thường tổ chức đua ghe, như lễ



hội Cầu Ngư của cộng đồng ngư dân phường Cửa Đại, An Bàng – Cẩm An, Cẩm Thanh, Tân Hiệp,... Ngoài ra, đối với một số địa phương khác sống gần môi trường sông nước, tuy không cúng Cầu Ngư nhưng hàng năm tục đua ghe vẫn được duy trì cùng với lễ cúng của làng/xã như lễ giỗ tổ nghề gốm Thanh Hà, lễ Cầu Bông – Trà Quế, lễ cúng bến của cộng đồng cư dân xã Cẩm Kim... Do vậy, gắn liền với một số lễ hội của cộng đồng địa phương trên địa bàn Thành phố, tục đua ghe là một trong những tập tục đặc trưng của vùng sông nước Hội An, có truyền thống từ lâu đời và được người dân gìn giữ, bảo tồn cho đến ngày nay.

Theo các bậc cao niên, đua ghe không chỉ đơn thuần để tranh thắng bại mà qua đó thể hiện ước muốn cầu mong sự bình an, mạnh khỏe, may mắn, thuận buồm xuôi gió trong công việc làm ăn. Do đó, trước khi bắt đầu cuộc đua ghe, các đội đua tổ chức cúng vái để cầu mong sự may mắn trong quá

trang 122-124. Ông J.B.PIÉTRI viết cuốn *Voiliers d'Indochine* nguyên bản bằng tiếng Pháp vào những năm 30 và đầu 40 của thế kỷ XX.

trình đua. Đồng thời, chiếc ghe đua rất được xem trọng. Mỗi xóm, làng/xã làm nghề sông nước đều sắm một chiếc ghe đua và theo quan niệm của cộng đồng cư dân thì chiếc ghe đua là vật linh thiêng nên thường được để ở những nơi trang trọng, chẳng hạn như để trong đình, miếu của xóm, nếu địa phương nào không để ở đình, miếu thì để ở những nơi ít người lui tới và thường trước mũi ghe có đặt một khám để thờ cúng. Trước đây, người ta còn quan niệm không cho phụ nữ, trẻ con đi ngang qua trước mũi ghe đua.

Để đóng một chiếc ghe đua không phải là chuyện dễ dàng. Để có được chiếc ghe đua theo ý muốn, khi đua nhẹ, lướt nhanh... thì đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao, khéo léo và phải có bí quyết gia truyền mới đóng được. Nhiều người cũng đóng được ghe đua nhưng không có kinh nghiệm, kỹ thuật nên khi đưa vào sử dụng thì đua không tốt, bơi đi không nhẹ và không lướt nhanh. Vì thế, ở làng mộc Kim Bồng – Cẩm Kim không thiếu những thợ đóng thuyền có tay nghề nhưng không đóng được ghe đua. Theo một số người dân ở Cẩm Kim, trước đây ghe đua thường được đặt đóng Thanh Hà hoặc ở Duy Xuyên, Tam Kỳ..., chứ tại địa phương không đóng được ghe đua. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hội An chỉ còn duy nhất một người đóng được ghe đua, đó là ông Đỗ Thành Minh (*con của ông Đỗ Thành Lý*) ở khối Thanh Chiêm – phường Thanh Hà.

Ghe đua khác với ghe/thuyền thông thường ở chỗ, ghe đua hẹp chiều ngang nhưng có chiều dài, trước mũi rộng nhưng sau lái thì thu hẹp, ở phần mang của ghe đua được sơn vẽ nhiều màu sắc. Măt ghe đua có ba loại măt: măt mũi rỗi (*đuôi măt nhọn*), măt mũi trường (*đuôi măt bầu*), măt mũi lồi (*măt có hình giống hột xoài*), tùy theo truyền thống của mỗi địa phương mà có sự lựa chọn măt ghe đua khác nhau. Theo truyền thống từ trước đến nay, be ghe đua phải sử dụng gỗ kiên kiên, trước đây mê ghe là mê nan tre, hiện nay để cho việc vận chuyển được nhẹ nhàng thì chủ yếu dùng nhôm để đóng mê ghe.

Kích thước của ghe đua phụ thuộc vào số lượng người đua (*con đua*). Hiện nay, ghe đua có bốn loại kích cỡ: ghe dùng cho 25 con đua, ghe dùng cho 17 con đua, ghe dùng cho 12 con đua và ghe dùng cho 08 con đua. Trước đây, ở một số nơi như phường Thanh Hà, Cẩm Châu, Minh An đóng ghe đua lớn cho khoảng 45 đến 56 con đua. Hiện nay, những chiếc ghe đua này vẫn còn, nhưng không được sử dụng để đua nữa. Hiện tại, số lượng con đua chủ yếu là 08 đến 15 người. Đối với những ghe đua lớn, thường gọi là ghe tiến. Ở một số địa phương, trong những dịp lễ hội dân gian thường sử dụng ghe nhỏ dùng vận chuyển đi lại, đánh bắt cá để đua nên gọi là đua ghe ngang.

Đối với những ghe đua lớn, ghe tiến, đội hình đua gồm có một người ở trước mũi (*gọi là phách nhất, người*

này có vai trò rất quan trọng, cầm dầm chỉ đường và dẫn đường cho người cầm chèo điều khiển ghe đi theo), một người ở vị trí be số 2 (gọi là phách nhì), một người ở vị trí be số 3 (gọi là phách ba), tiếp đến là một số người ngồi đối diện ở hai bên dầm (gọi là dầm hông), phía sau dầm hông là một người chèo (người này cầm chèo điều khiển, đây là người quan trọng nhất), sau cùng là một người chốt lái (người này sử dụng dầm để lái ghe đi đúng hướng).

Các con đua thường là nam, đôi khi có đội hình nữ đua riêng hoặc kết hợp cả nam lẫn nữ cùng chung một ghe đua nhưng rất ít. Thường độ tuổi con đua phổ biến là khoảng 30 – 40 tuổi và phải là những người biết bơi ghe và có kinh nghiệm trong việc đua, có sức khỏe tốt, bền bỉ. Vì vậy, ở mỗi địa

phương, trước khi diễn ra hoạt động đua ghe thì những thành viên của đội ghe đua phải bơi thử sức và phải có sự tập luyện kỹ. Trước đây, ở mỗi phủ có thành lập một đội đua nhưng hiện nay thì không còn, khi cần đua thì chọn một số người có thể lực và kinh nghiệm trong đua ghe để thi tài.

Đua ghe thể hiện ý niệm cầu mong sự tốt đẹp của dân làng, vì vậy khi xuất phát đua người ta quan niệm phải đua theo hướng đi lên chứ không đua xuống. Theo kinh nghiệm dân gian, trong quá trình đua, bên cạnh sự cổ vũ, reo hò của cổ động viên thì những con đua cũng phải hò hét để tạo khí thế cho cuộc đua và hơn nữa khi hò hét thì hơi trong người thoát ra, như vậy sẽ đỡ mệt hơn.

Theo truyền thống địa phương, trong tục đua ghe có “*tiền án phạt*”, đó



là tiền bồi dưỡng cơm nước cho những thành viên đua và phải được gửi trước khi diễn ra hoạt động đua ghe. Nếu địa phương nào đăng cai tổ chức và mời các địa phương khác tới đua thì phải có “*tiền án phạt*” gửi trước để các đội có kinh phí tập luyện. Tục lệ này cho đến hiện nay vẫn còn, nhưng chủ yếu là ở những giải đua tổ chức với quy mô lớn.

Địa điểm để đua thường được chọn ở những đoạn sông dài hoặc cửa biển. Tại mỗi cuộc đua, trước khi vào đua giải chính, thường có đua giải phụ và gọi là giải rượu. Giải rượu thường có vòng đua ít hơn so với giải chính và mỗi vòng đua được tính từ điểm xuất phát cho đến tiêu (*tiêu là vị trí do ban tổ chức cuộc đua tự chọn, tại vị trí này thường cắm một cây cờ hoặc một vật gì đó để đánh dấu cho các đội đua biết*) và từ tiêu trở về vị trí xuất phát. Theo tục lệ từ xưa đến nay vẫn giữ, đó là tại điểm xuất phát ban tổ chức cuộc đua bố trí một cái bàn, được gọi là “*bàn quan*” – nơi mà trước đây dùng để cho vua quan ngồi xem đua và hiện nay là nơi dành cho đại biểu, những vị quan khách ngồi xem.

Cùng với việc thỏa mãn nhu cầu văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng cư dân vùng ven sông, biển, đua ghe là một hoạt động thể thao, qua đó giúp tăng cường rèn luyện sức khỏe của từng cá nhân cũng như của cộng đồng. Hoạt động đua ghe như là một phương thức rèn luyện, đào tạo khả năng sông nước của cộng đồng, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc phòng

khi cần thiết, nhất là việc bổ sung nguồn lực cho lực lượng thủy hải quân tại chỗ.

Trong thời gian gần đây, vào những dịp lễ hội dân gian như lễ hội Cầu Ngư, giỗ tổ nghề gốm Thanh Hà,... cũng như trong những dịp lễ kỷ niệm lớn hàng năm, hoạt động đua ghe thường được nhiều địa phương quan tâm tổ chức. Và gần đây, đua ghe được đưa vào chương trình các hoạt động trong dịp tết Nguyên Đán tại Hội An, tạo nên không khí sôi nổi, phấn khởi trong đầu năm mới. Đặc biệt, trong các cuộc đua ghe này có sự tham gia đua của du khách nước ngoài. Đây là dịp để tăng cường sự giao lưu văn hóa giữa người dân địa phương và du khách, tạo nên ấn tượng và sự thích thú cho khách du lịch, đồng thời tạo thêm một sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng sông nước Hội An, góp phần giới thiệu, quảng bá văn hóa Hội An đến với bạn bè thế giới♥



HỘI AN - TRUNG TÂM GIAO THƯƠNG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

PGS.TS Nguyễn Văn Kim

Trong tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10 (175), 2014 có đăng bài Quan hệ giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và Châu Á thế kỷ XVI – XVIII của PGS.TS Nguyễn Văn Kim. Trong bài viết này có một phần viết về Hội An với tiêu đề “Hội An – Trung tâm giao thương khu vực và quốc tế”. Ban biên tập xin trích giới thiệu để chúng ta cùng tham khảo.

Khi vào khai phá đất Đàng Trong năm 1558, tuy mới ngoài 30 tuổi nhưng Nguyễn Hoàng (1524-1613), với tầm nhìn chiến lược và những biện pháp thận trọng, ông đã chuẩn bị những bước đi lâu dài cho việc xây dựng và phát triển của một chính thể lâu dài. Để thu phục nhân tâm và cũng là để giữ sự bình yên cho chính thể, Nguyễn Hoàng đã ra sức: “vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là Chúa Tiên. Nghiệp đế dựng nên thực là xây nền từ đây”¹.

Thời gian Nguyễn Hoàng xây dựng và củng cố chính quyền Đàng Trong cũng là thời đại hưng thịnh của hệ thống thương mại Châu Á và thế giới². Đó là “Thời đại hoàng kim”

(Golden age) đối với nền kinh tế hải thương của nhiều quốc gia khu vực. Để phát triển, Đàng Trong đã hội nhập mau chóng với mô hình phát triển chung của hầu hết các quốc gia Đông Á. Dựa vào sức mạnh của kinh tế công thương, như một yêu cầu tất yếu, chúa Nguyễn đã cho khôi phục vị thế của Chiêm Cảng. Tên gọi Faifo (Hải phố - Hội An) trở thành địa chỉ quen thuộc của nhiều thương nhân khu vực và quốc tế. Nhưng không chỉ Hội An, một hệ thống cảng miền Trung vốn có truyền thống từ thời đại Champa cũng được phục hồi trong bối cảnh kinh tế, chính trị mới³. Trong đó, các thương

University - Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993.

³ Viết về ngoại thương Đàng Trong, Charles Wheeler cho rằng: “Ngoại thương và nền chính trị trong nước đã kết hợp để tạo nên sức mạnh cho một thương cảng ở vùng biên viễn mà người Việt mới đến định cư đồng thời tạo nên thế ổn định cho vương quốc vừa được thiết lập ở vùng “biên giới” phương Nam hãy còn chưa thực phát triển”. Xem Charles Wheeler: *One Region, Two Histories - Cham Precedents in the History of the Hội An Region*; in: Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S. Reid: *Việt Nam Borderless*

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Giáo Dục, H., 2002, tr.28.

² Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680*, Yale University, New Haven and London, 1988. Có thể tham khảo thêm: Li Tana - Anthony Reid: *Southern Vietnam under the Nguyen - Documents on the Economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Australia National

cảng như Thanh Hà (Huế) ở phía bắc và Nước Mặn (Bình Định) ở phía nam vừa là những thương cảng phát triển độc lập vừa nằm trong hệ thống và có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ cho Hội An. Trên thực tế, với sự dự nhập, hỗ trợ bởi các trung tâm sản xuất và khai thác, các thương cảng miền Trung đã tạo nên một hệ thống liên kết với vai trò điều phối của Hội An. Hội An là cảng trung tâm của Đàng Trong đồng thời cũng là một thương cảng chính yếu của Đàng Trong đã được quốc tế hóa.

Do có các chính sách hợp thời và hợp lòng người mà chính quyền Đàng Trong đã tập trung được quyền lực, duy trì được sự ổn định xã hội đồng thời thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa. Đó chính là những tác nhân bên trong (*endogenous factors*) dẫn đến sự xuất hiện của hàng loạt đô thị và cảng thị trong đó tiêu biểu là đô thị cảng Hội An. Từ một Chiêm cảng bị suy tàn, Hội An đã mau chóng phục hưng và trở thành trung tâm thương mại lớn ở khu vực Đông Nam Á. Từ cuối thế kỷ XVI, Hội An đã trở thành trung tâm kinh tế đối ngoại (*entrepôts*) quan trọng nhất của Đàng Trong và là một trong những thương cảng quốc tế trọng yếu trong tuyến giao thương Đông Á¹. Cảng thị



này đã trở thành một *Trung tâm liên vùng*² để cùng với Goa (Ấn Độ), Ayutthaya (Siam), Malacca (Malaysia), Batavia (Indonesia), Luzon (Philippines)... nối kết với Formosa (Đài Loan), Macao, Hạ Môn (Trung Quốc) Deshima (Nhật Bản), Pusan (Hàn Quốc) để tạo nên một hệ thống thương mại có độ liên kết chặt và tương đối hoàn chỉnh của châu Á.

Trong các mối quan hệ đa dạng của Đàng Trong, thương nhân và các giáo sĩ Bồ Đào Nha đã đến xứ Cochinchina sớm nhất. Từ năm 1515, thuyền buôn Bồ Đào Nha đã đến Faifo và từ năm 1540 thì cập bến thường xuyên thương cảng này³. Đến đầu thế kỷ XVII, không chỉ có các thương nhân

Histories, The University of Wisconsin Press, 2006, pp.169.

¹ Andre Gunder Frank: *ReOrient: Global Economy in the Asian Age*, University of California Press, 1998, pp.98; and John K.Whitmore: *Vietnam and the Monetary Flow of Eastern Asia, Thirteenth to Eighteenth Centuries*; in: *Precious Metals in the Late Medieval and Early Modern Worlds*, edited by

J.F.Richards. Durham, N.C.: Carolina Academic Press, 1983, pp.380 & 388.

² Sakurai Yumio: *Thử phác dựng cấu trúc lịch sử Đông Nam Á thông qua mối liên hệ giữa biển và lục địa*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4, 1999.

³ Theo P.Y.Manguin thì năm 1516 Bồ Đào Nha đã cho thuyền đến cảng Champa, năm 1623 đã chính thức cử thuyền đến cảng Champa nhưng theo A.Lamb thì quan hệ này không đều đặn. Từ năm 1540 trở đi người Bồ đến Faifo một cách thường xuyên, thậm chí một số người Bồ còn sống lâu dài ở thương cảng này. Xem Pierre-Yves Manguin: *Les Portugaises sur les cotes du Vietnam et du Campa*, Ecole Française d'Extrême-Orient, Paris, 1972, pp.3; và, Alastair Lamb: *The Mandarin Road to Old Hue*, Clarke, Irwin & Co.Ltd, Toronto, 1970, pp.19.

châu Á, hầu hết các cường quốc thương mại châu Âu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh... đều đến Hội An buôn bán¹. Với các quốc gia châu Á, giới thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản đã nhận được nhiều điều kiện ưu đãi trong việc buôn bán với chính quyền Đàng Trong. Có thể nói chưa bao giờ trong lịch sử thương mại Việt Nam nền kinh tế ngoại thương lại có quan hệ rộng mở, đa dạng và phát triển hưng thịnh như giai đoạn thế kỷ XVI-XVII. Hầu hết các cường quốc kinh tế thời bấy giờ đều đến thiết lập quan hệ, giao thương với Đàng Trong.

Là một *Thế chế biển*, luôn triệt để phát huy truyền thống khai thác biển, phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển², chính quyền Đàng Trong đã sớm nhận thấy kinh tế ngoại thương chỉ có thể tồn tại, phát triển trong hệ thống. Vì thế, cùng với việc củng cố các trung tâm sản xuất thủ công, khai thác nguyên liệu, chúa Nguyễn cũng có nhiều biện pháp bảo vệ và mở rộng hoạt động của các

thương cảng. Sau năm 1672, khi cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn chấm dứt, chúa Nguyễn đã đẩy mạnh khai phá vùng đất phương Nam, mở rộng ảnh hưởng đến các vùng châu thổ sông Đồng Nai và cuối cùng là châu thổ Mekong. Nhờ đó, đến thế kỷ XVIII cùng với Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn..., các cảng như Đồng Nai, Sài Gòn, Hà Tiên đều trở thành thương cảng trọng yếu của Đàng Trong. Thông qua hoạt động của các thương cảng mà “Chúa đã thu được nhiều lợi nhuận lớn trong việc buôn bán bằng thu thuế hàng hóa cũng như thuế hải khẩu ngai đặt ra và cả nước đều kiếm được nhiều mỗi lợi không thể tả hết”³.

Với các thương nhân châu Á, vốn đã có mối quan hệ mật thiết với các thương cảng miền Trung từ thời đại Champa, đến thế kỷ XVI-XVII các thương nhân Trung Quốc, Xiêm La, Chân Lạp, Patani, Java, Manila và Nhật Bản đã thường xuyên đến Hội An và các cảng miền Trung buôn bán. Theo quan sát của Thomas Bowyear, được A.Lamb ghi chép lại, thì trong khoảng năm 1695 hàng năm có khoảng từ 10 đến 12 thuyền buôn Trung Hoa đến Hội An buôn bán⁴. Nhưng khi chính quyền Edo (1600-1868) hạn chế thuyền buôn Trung Hoa đến Nhật Bản thì trong các năm (1740-1750), số thuyền của Hoa thương đến Đàng Trong đã tăng lên mỗi năm chừng 80 chiếc. Trong tác phẩm *Oost-Indische Compagnie en*

¹ Các thương nhân Anh đã đến giao thiệp với Đàng Trong từ năm 1613 sau đó chuyển về tập trung xây dựng thương điểm ở Côn Đảo. Tàu Hà Lan đến Đàng Trong các năm 1613 và 1617, đến năm 1633 đã thiết lập một thương quán ở Hội An với tham vọng mua tơ lụa ở đây để đưa sang Nhật Bản nhưng đã vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt của thương nhân Nhật. Bên cạnh đó là sự nghi kỵ của chúa Nguyễn trong mối liên hệ với Đàng Ngoài. Do vậy đến năm 1654 đã rút khỏi Hội An để tập trung ra Đàng Ngoài và hoạt động liên tục trong 63 năm (1637-1700). Trong các thương nhân phương Tây, Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn ưu ái, trong thời gian từ 1650-1651 mỗi năm có 4-5 tàu từ Macao đến Đàng Trong. Các thuyền này có thể chở 300 tấn hàng, trị giá 100.000 lạng bạc.

² Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*; trong: *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1991, tr.20.

³ Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong*, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2003, tr.90.

⁴ Allastair Lamb: *The Madarin Road to Old Hue*, Sđd, pp.52.



Quinam (Công ty Đông Ấn ở Quảng Nam) thương nhân người Hà Lan W.J.M Buch cũng cho rằng: “Lý do khiến cho có nhiều thương gia như vậy từ Trung Hoa đến Quảng Nam là vì có thể tìm thấy ở đây một trung tâm buôn bán với các nước và vùng lân cận. Hồ tiêu được chở tới đây từ Palembang, Pahang và các vùng khác; long não từ Borneo, gỗ vang, ngà voi,... đồ sứ thô và các hàng hóa khác. Với những gì còn lại, họ có thể mua thêm hồ tiêu, ngà voi, bột gia vị, bạch đậu khấu của Quảng Nam v.v... Do đó thuyền của họ chở về Trung Hoa thường là đầy hàng”¹.

Cũng cần phải nói thêm rằng, sau khi nhà Thanh thay thế nhà Minh năm 1644, đã có những cuộc di cư lớn của người Hoa (Hán) đến các quốc gia Đông Á. Các đợt di cư đó đã dẫn đến mức độ tập trung cao của các cộng đồng Hoa kiều ở các thành thị, thương cảng khu vực. Vì lẽ sinh tồn, họ đã ra sức bao chiếm nhiều lĩnh vực, hoạt

động kinh tế ở Đông Á. Trong khi đó, vị trí của người Ấn trong mạng lưới giao thương khu vực lại trở nên mờ nhạt. Thay vào đó là sự hiện diện ngày một thường xuyên của các tập đoàn thương mại, công ty Đông Ấn châu Âu. Dựa vào các hải đoàn mạnh, vũ khí hiện đại và nguồn hàng phong phú... các thương nhân châu Âu đã thâm nhập vào thị trường khu vực,

giành đoạt quyền lợi với các thương nhân Đông Á để rồi, như lịch sử đã cho thấy, hình thành thế cuộc vừa đối đầu (*confrontation*) vừa hợp tác (*cooperation*) giữa các tập đoàn thương nhân. Trong nhiều thế kỷ, cùng với các thương nhân Châu Á các thương nhân phương Tây đã thâm nhập vào nhiều hoạt động của các thương cảng. Không chỉ đưa hàng đến nơi đô hội thương nhân phương Tây còn tổ chức mạng lưới buôn bán đến cả các vùng núi cao để mua bán, đổi lấy ngà voi, hồ tiêu, sừng tê, da hươu, gỗ quý, các nguồn lâm sản, bạc, đồng và thiếc...

Với Nhật Bản, sau những thăm dò ban đầu và xung đột quân sự vì “hiếu nhâm”² (sự kiện Bạch Tàn Hiễn Quý

¹ M.J. Buch: *Oost-Indische Compagnie en Quinam*, Amsterdam, H.J. Paris, 1929.

² Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi cho rằng vào năm 1578, wako (hải tặc Nhật Bản) đã đến vùng hải phận Đàng Trong và cướp thuyền buôn của thương nhân Trung Hoa Trần Bảo Tùng đang vận chuyển đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam. Xem Iwao Seiichi: *Shuin-sen to Nihon Machi* (Châu ấn thuyền và phố Nhật), Nxb. Hakusendo, Tokyo, 1962, tr.15. Nguồn sử liệu Việt Nam: *Đại Nam thực lục tiền biên* cũng ghi lại sự kiện năm 1585, Bạch Tàn Hiễn Quý (Shirahama Kenchi) đã chỉ huy một đoàn thuyền lớn đến cướp ở Cửa Việt bị lực lượng hải

năm 1585), đến đầu thế kỷ XVII, chính quyền Edo (1600-1868) đã chính thức thiết lập quan hệ với Đàng Trong. Từ đó, cho đến khi Nhật Bản thực thi chính sách tỏa quốc (1639-1853), các thuyền buôn Châu ấn (*Shuin-sen*) của Nhật Bản đã đến nhiều thương cảng của Việt Nam để buôn bán. Với Đàng Trong, các thương nhân Nhật Bản đã trở thành những bạn hàng trọng yếu của “Quảng Nam quốc”¹. Như vậy là, cùng với thương nhân Trung Hoa, đến đầu thế kỷ XVII hệ thống giao thương Đông Á đã có thêm một thế lực doanh thương mới, có tiềm lực kinh tế lớn, hoạt động tích cực và hiệu quả trên nhiều thị trường khu vực². Để tiếp tục

quân của chúa Nguyễn gồm 10 chiếc thuyền do Nguyễn Phúc Nguyên (1563-1634) chỉ huy tấn công, đánh tan hai chiếc. Trước sức tấn công quyết liệt của lực lượng hải quân Đàng Trong “Hiên Quý sợ chạy... từ đó giặc biển im hơi”, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr.32

¹ Kawamoto Kuniye: *The International Outlook of the Quang Nam (Nguyen) Regime as Revealed in Gaiban Tsuusho*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publihiers, H., 2006, pp.159-170.

² Kato Eiichi: *Shuinsen Licence Trade and the Dutch in Southeast Asia*; in: *Ancient Town of Hoi An*, The Gioi Publihiers, H., 2006, pp.209-217. Trong thời kỳ *Châu ấn thuyền* (1592-1635) Nhật Bản đã có quan hệ với 18 quốc gia và khu vực lãnh thổ ở Đông Nam Á. Theo thống kê trong thời gian 1604-1635 đã có tổng số 365 thuyền *Châu ấn* đến Đông Nam Á và Đài Loan. Trong số đó có 87 đến Đàng Trong và 37 chiếc đến Đàng Ngoài. Như vậy, chỉ riêng số thuyền đến Việt Nam đã chiếm khoảng gần 1/3 số thuyền *Châu ấn*. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của thị trường Việt Nam với Nhật Bản và quan hệ giao thương khu vực. Thực ra, từ thế kỷ XV, với tư cách là một bộ phận hợp thành của lãnh thổ Nhật Bản ngày nay, vương quốc Ryukyu (Lưu Cầu) đã thiết lập quan hệ với Siam và một số quốc gia Đông Nam Á. Với Việt Nam, tư liệu sớm nhất ghi lại trong *Rekidaihoan* (Lịch đại bảo án) là năm 1509. Đến cuối thế kỷ XVI khi thiết lập quan hệ với Đông Nam Á, các thương nhân Nhật Bản đã kế thừa rất nhiều tri thức, kinh nghiệm của người Hoa cũng như thương nhân Lưu Cầu. Tham khảo thêm Nguyễn Văn Kim: *Chính sách*

thắt chặt mối quan hệ với Nhật Bản, năm 1619 chúa Nguyễn Phúc Nguyên còn gả con gái cho thương nhân Nhật Bản Araki Sotaro, cho phép người Nhật (và cả giới Hoa thương) lập hội quán, phố Nhật kiều, Hoa kiều để buôn bán lâu dài. Chúa Nguyễn còn cho họ quyền tự quản, tự bầu nên trưởng khu để thực hiện quyền “*ngoại trị pháp quyền*”, tự điều hành các hoạt động buôn bán và quản lý cộng đồng cư dân Nhật Bản. Chúa Nguyễn đã bày tỏ sự tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục và luật pháp Nhật Bản. Theo đó, từ năm 1633-1672 đã có 6 người Nhật thay nhau giữ trọng trách đó. Họ là những người có thế lực lớn trong cộng đồng người Nhật và được chúa Nguyễn tin cậy³.

Có thể thấy, cùng với việc tự khẳng định chủ quyền của mình ở Đàng Trong như một thể chế kinh tế - xã hội và chính trị độc lập, việc chúa Nguyễn kiên quyết bảo vệ chủ quyền, góp phần cùng với các quốc gia trong khu vực giải trừ nạn hải tặc, đem lại môi trường ổn định cho giao thương quốc tế đã khiến cho chính quyền Nhật Bản và các tập đoàn thương nhân khác phải có ý thức đầy đủ hơn về chủ quyền của Đàng Trong, nhìn nhận chính quyền này như là một chính thể mạnh trong quan hệ quốc tế cũng như các mối giao thương khu vực. Tuy nhiên, sau một thời kỳ hoạt động nhộn nhịp, đến những năm 1635-1639, vì nhiều

đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Nguyễn nhân và hệ quả, Nxb. Thế Giới, 2000.

³ Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2003, tr.143-144.

nguyên nhân, chính quyền Edo đã thực thi chính sách tỏa quốc (*sakoku*) không cho phép thuyền buôn Châu ấn (*Shuin-sen*) ra nước ngoài. Lập tức giới thương nhân Trung Hoa đã chiếm lĩnh thị trường khu vực. Do thu được nhiều mối lợi từ thị trường Đàng Trong, nhiều Hoa thương quê Quảng Châu, Phúc Kiến, Hải Nam... đã trở thành những nhà kinh doanh lớn, giàu có. Do Nhật Bản thực thi chính sách tỏa quốc, cùng với thương nhân



Hà Lan, giới Hoa thương đã đóng vai trò trung gian trong việc tiếp tục duy trì quan hệ thương mại giữa Nhật Bản với Việt Nam và thị trường Đông Nam Á¹. Họ chính là những thương nhân trung gian chủ yếu để kết nối thị trường Đàng Trong với Nhật Bản và đưa các sản phẩm hàng hóa của Nhật Bản, ví như gốm sứ Hizen, đến thị trường Việt Nam, khu vực và thế giới.

Điều cuối cùng cần phải chú ý là, với tầm nhìn của một chính thể mạnh, luôn giữ thế chủ động trong quan hệ đối ngoại, bên cạnh chính sách khai mở chính quyền Đàng Trong cũng luôn phải lường tính đến việc bảo vệ an toàn cho hệ thống kinh tế đối ngoại trong đó

đặc biệt là thương cảng trọng yếu Hội An. Cùng với hệ thống phòng vệ, quan sát ở Cù Lao Chàm (*Chiêm bắt lao*, tiền cảng của Hội An), các chúa Nguyễn đã thiết lập một căn cứ hải quân mạnh ngay ở phía hữu ngạn cửa sông Thu Bồn, tức vùng “Đại Chiêm

hải khẩu”² để bảo vệ cho Hội An, hoạt động giao thương quốc tế cũng như cho xứ Quảng. Với tư duy đó, dinh trấn Thanh Chiêm cũng giữ vai trò

trọng yếu trong việc bảo đảm an ninh vùng thượng nguồn sông Thu Bồn bên cạnh trách nhiệm chính là điều hành, xử lý các hoạt động thường xuyên của khu thương cảng.

Không chỉ dừng lại trong việc buôn bán ở các thương cảng vùng cửa sông và hải đảo ven bờ, chính quyền Đàng Trong còn thực thi một chính sách hướng biển rộng lớn. Chúa Nguyễn đã cho lập các đội hải thuyền ra các vùng đảo xa như Hoàng Sa, Trường Sa... để khai thác sản vật và từng bước khẳng định chủ quyền³.

¹ John Cleinen: *Về những người bạn cũ và những kẻ thù giả mạo - Quan hệ của Hà Lan với Đàng Trong thế kỷ XVII*; Và, Nguyễn Văn Kim: *Vị trí của Phố Hiến và Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVI-XVII*; trong: *Sư tử và Rồng - Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, 2008, tr.17-36 & 79-94.

² Kết quả khảo sát của các chuyên gia địa chất - địa mạo, khảo cổ học và sử học Việt Nam - Nhật Bản thuộc Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG HN và Trường Đại học Chiêu Hòa (Nhật Bản) trong các mùa điền dã năm 1997-1999 cho thấy ở vùng Thanh Chiêm có vết tích khá rõ của một vùng vịnh khá rộng, nước sâu. Kết hợp với một số nguồn sử liệu khác chúng tôi cho rằng, nhiều khả năng đây chính là căn cứ hải quân của chúa Nguyễn.

³ Monique Chemillier - Gendreau: *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị

Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, nhà bác học Lê Quý Đôn cũng từng có những trang viết cụ thể, sinh động về nhiệm vụ và hoạt động của đội Hoàng Sa¹. Như vậy, từ mục tiêu kinh tế, các chúa Nguyễn ngày càng có ý thức đầy đủ và sâu sắc hơn về các nguồn lợi kinh tế và chủ quyền ở Biển Đông. Đội Hoàng Sa (*Paracels*) được lập ra để thực hiện nghĩa vụ của Nhà nước. Trong suốt quá trình khai thác, xác lập chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, chính quyền Đàng Trong không có tranh chấp về quyền lợi kinh tế và chủ quyền với bất cứ quốc gia nào. Về sau, để khẳng định phạm vi ảnh hưởng, chính quyền Đàng Trong đã mở rộng địa bàn hoạt động đến vùng cù lao Côn Lôn và các đảo Hà Tiên nhưng vẫn sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản².

Lịch sử cho thấy, trong suốt thời kỳ hình thành, phát triển của thương

mại Đàng Trong cũng như cảng thị quốc tế Hội An mặc dù Hội Ai (Faifo) luôn là điểm đến của nhiều thương nhân trong nước, khu vực và phương Tây nhưng ở đây đã không diễn ra một cuộc tranh chấp hay xung đột kinh tế lớn nào. Điều đó cho thấy uy lực và năng lực điều hành, tổ chức, quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại của chính quyền Đàng Trong cũng như dinh trấn Quảng Nam. Một chính sách khai mở, đa phương hóa quan hệ và thực thi chế độ thuế quan nghiêm cẩn... đã đem lại sức mạnh thực tế cho chúa Nguyễn. Trải qua hơn 2 thế kỷ, mặc dù phải đương đầu với những áp lực chính trị từ nhiều phía và biết bao thủ đoạn buôn lậu, trốn thuế của các thương nhân ngoại quốc nhưng chính quyền Đàng Trong đã thực thi quyền lực của mình với một ý thức mạnh mẽ và bảo vệ trọn vẹn chủ quyền dân tộc♥

Quốc gia, H., 1998. Tham khảo thêm Nguyễn Đình Đầu - *Hành trình của một trí thức dân thân*, Xưa & Nay, Tp. HCM, 2010; Nguyễn Quang Ngọc: *Giá trị của các trang sử liệu viết về Trường Sa, Hoàng Sa trong sách “Phủ biên tạp lục”*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 318, 2001; Nguyễn Q. Thắng: *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế*, Nxb. Tri Thức, H., 2008.

¹ Lê Quý Đôn từng viết: “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cất phiên mỗi năm cứ tháng hai nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn sáu tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Ở đây tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lấy được hoá vật của tàu, như là gương ngựa, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ, đồ chiên, cùng là kiếm lược vỏ đồi mồi, vỏ hải ba, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều. Đến kỳ tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm, rồi lĩnh băng trở về”. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học Xã hội, H., 1987, tr.119-120.

² Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr.120.



NGHỆ THUẬT TRANH GẠO Ở HỘI AN

Trần Phương

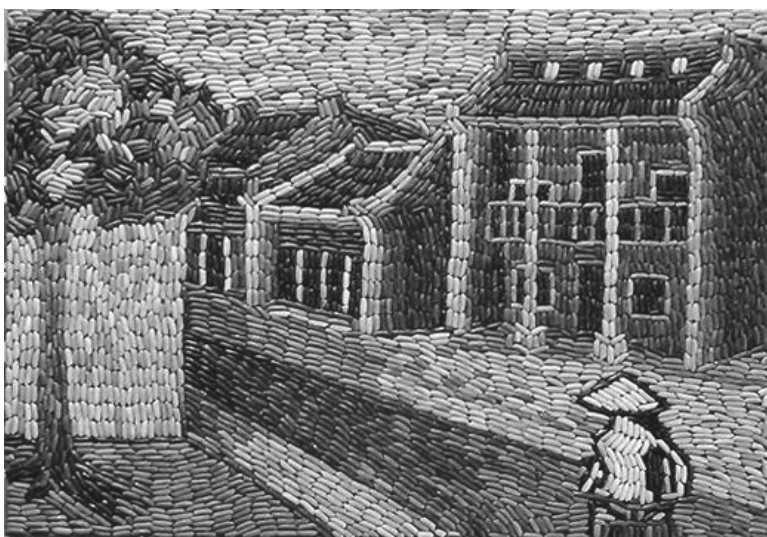
Ở Việt Nam, trong những giai đoạn trước đây khi nói về lĩnh vực tranh nghệ thuật, thường đề cập đến những chất liệu như sơn dầu, sơn mài, lụa, màu nước, màu bột,... Song, trong khoảng thời gian gần đây, nhiều chất liệu mới đã được các nghệ nhân sử dụng một cách sáng tạo thành những dòng tranh khá độc đáo và ấn tượng, thu hút được thị hiếu của giới chơi tranh. Có thể kể đến sự sáng tạo trên những viên đá cuội, qua bàn tay tài hoa của các nghệ nhân đã “biến” chúng thành sản phẩm có giá trị nghệ thuật cao, những bức tranh tuyệt đẹp được tạo nên từ những hạt cát mịn màng, với những chiếc lông gà tương chừng vút bỏ lại được tạo thành những bức tranh khá độc đáo làm say đắm lòng người,... Và đặc biệt, trong số đó xuất hiện một thể loại tranh rất mới lạ đó là nghệ thuật chế tác tranh từ những hạt gạo. Tất cả cùng góp phần tạo nên sự đa dạng về thể loại tranh nghệ thuật của nước ta.

Từ bao đời nay, hạt gạo luôn là nguồn thực phẩm chính của người dân Việt Nam, nhưng hạt gạo không chỉ được sử dụng làm nguồn thực phẩm mà còn được áp dụng vào cả lĩnh vực nghệ thuật, ở đây cụ thể là hội họa. Tranh gạo là một loại hình nghệ thuật mới xuất hiện tại Việt Nam, phát triển mạnh ở khu vực Thủ đô Hà Nội,

Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai. Xuất phát từ nghệ thuật chế tác tranh bằng những hạt gạo của người Ấn Độ, các nghệ nhân Việt Nam đã học hỏi, sáng tạo theo một cách riêng, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. Về phương pháp làm tranh gạo của người Ấn Độ thường nhuộm những hạt gạo bằng màu tự nhiên (*màu lấy từ bột nghệ, bột quế, lá bạc hà, than củi...*) để tạo nên những màu sắc đa dạng, nghệ nhân thường dùng tay vẽ bột gạo trên giấy hoặc rắc bột trên vải, trên nền nhà tạo thành những họa tiết, hoa văn khá độc đáo và dùng những hạt gạo điểm tô thêm cho tác phẩm hoàn thiện, tuy cách làm này có thể tạo ra nhiều màu sắc bắt mắt, các công đoạn thực hiện trên bức tranh dễ hơn nhưng có hạn chế là mau hỏng. Nghệ thuật tranh gạo ở Việt Nam có những điểm khác biệt hơn, đó là dùng kỹ thuật rang gạo để tạo nên những màu sắc tự nhiên, màu hạt gạo chuyển dần qua từng giai đoạn nhiệt độ. Chính từ sự độc đáo đó, tranh gạo Việt Nam nhanh chóng trở thành những món quà lưu niệm, quà tặng được yêu thích của mọi người trong nước và đặc biệt là sự thích thú của du khách nước ngoài trước những tác phẩm nghệ thuật này.

Hội An, hiện là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng trong và ngoài

nước, do đó nhu cầu của du khách về mua sắm những sản phẩm thủ công làm quà lưu niệm ngày càng tăng cao nên nhiều sản phẩm mới đã xuất hiện, trong đó có tranh gạo. Nghệ thuật tranh gạo đã lan tỏa đến nơi đây từ chính những người con của phố Hội. Trong thời gian học tập tại nơi có nghệ thuật tranh gạo phát triển, bản thân họ đã bị cuốn hút bởi sự tinh tế của



loại hình nghệ thuật này, cùng với niềm đam mê nghệ thuật đã thôi thúc sự cố gắng học hỏi, nghiên cứu kỹ thuật chế tác để tạo nên những bức tranh gạo hoàn chỉnh và từng bước đưa loại hình nghệ thuật này đi vào lòng người dân địa phương, du khách trong và ngoài nước.

Số lượng tranh gạo tại Hội An hiện nay tuy không nhiều, nhưng trong mỗi tác phẩm luôn thể hiện sâu sắc về chủ đề phố cổ Hội An. Những nếp phố, mái ngói âm dương nhuộm màu thời gian cùng những khung cảnh nên thơ và hoài niệm đã được các nghệ nhân thổi hồn vào trong từng tác phẩm. Hiện nay, được biết trên địa bàn Thành phố Hội An có khoảng bốn người hoạt động chế tác tranh gạo. Loại hình nghệ thuật mới này hứa hẹn trong tương lai sẽ là một mặt hàng thủ công có sức hút đối với du khách trong và ngoài nước khi đến với Hội An.

Để cho ra đời một tác phẩm tranh gạo hoàn chỉnh cần rất nhiều thời gian. Tùy theo mức độ phức tạp và kích thước của chủ đề mà người thực hiện mong muốn, chẳng hạn một tác phẩm với nội dung đơn giản và kích thước nhỏ có thể

mất khoảng 3 ngày là hoàn thành, nếu kích thước lớn và nhiều chi tiết sẽ mất từ 10 ngày đến một tháng mới có thể hoàn thành. Chưa kể đến những sai sót trong quá trình chế tác, chẳng hạn khi dính sai một hạt gạo không phù hợp sắc độ thì phải gỡ hạt gạo đó ra và dính lại hạt gạo khác có màu sắc phù hợp hơn. Một bức tranh gạo đáp ứng đủ cả hai tiêu chí đẹp và lạ tuy không khó nhưng đòi hỏi ở người thực hiện cần phải có đức tính kiên nhẫn bên cạnh kiến thức về hội họa. Một số người may mắn được trời phú cho năng khiếu nghệ thuật, tuy nhiên, đức tính kiên nhẫn và sự bền chí mới chính là những yếu tố quan trọng mà người thực hiện cần phải có. Một đặc điểm có thể coi là sự hạn chế của tranh gạo đó là các hạt gạo dù rất đa dạng nhưng khi rang lên thường cho ra những màu sắc thiên về gam ấm hoặc tương đồng ấm như màu trắng ngà, vàng, vàng cam, nâu, nâu đỏ, nâu hạt dẻ, nâu đậm, đen. Do vậy, một bức tranh gạo thường không được lộng lẫy, cao sang mà có tông màu tạo cảm giác hơi hoài cổ và buồn. Mặc dù vậy, với đặc điểm đó, tranh gạo lại rất phù hợp với đề tài dân

gian Việt Nam, thể hiện các tác phẩm về kiến trúc cổ kính, mang dấu ấn hoài niệm, sâu lắng, đưa người thưởng thức về với không gian xa xưa, từ đó tạo nên dấu ấn đặc trưng riêng cho thể loại tranh này. Chủ đề của dòng tranh này khá đa dạng từ thể loại danh lam thắng cảnh, chân dung, tôn giáo, chủ đề trừu tượng, thư pháp, động vật, logo của các công ty, tập đoàn,...

Công đoạn đầu tiên để cho ra đời một tác phẩm tranh gạo hoàn chỉnh phải kể đến khâu chọn lựa gạo. Những hạt gạo được chọn phải là những hạt gạo chắc đầy, thon đều, bóng, không bị gãy hay mọc, màu gạo trắng sáng và có kích thước tương đương nhau càng tốt, nếu đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí này thì công đoạn tiếp theo mới có thể cho ra kết quả như mong đợi. Công đoạn này là khâu rang gạo, đây là khâu đặc biệt quan trọng, quyết định đến chất lượng màu sắc của bức tranh. Quá trình này sẽ tạo nên những hạt gạo với bốn màu chủ đạo gồm màu trắng, vàng, nâu, đen. Bên cạnh đó là hàng chục gam màu qua sự biến chuyển của nhiệt độ, từ màu trắng ngà đến màu vàng nhạt, vàng đậm, màu hồng đỏ, nâu nhạt, nâu đậm và đen. Hiện nay, đối với những người trong nghề có kinh nghiệm lâu năm đã có thể tạo ra được 20 gam màu chuyển đều nhau. Công đoạn rang gạo đòi hỏi người thực hiện phải cực kì kiên nhẫn, nếu thiếu đức tính này sẽ khó thực hiện thành công. Về dụng cụ để rang gạo nên chọn những loại chảo có bề dày tương đối, sẽ giúp hấp thụ nhiệt chậm và giữ nhiệt tốt giúp hạt gạo chuyển được nhiều màu hơn, đặc biệt gạo sẽ không bị bung. Dùng đũa bằng gỗ hoặc đũa tre khuấy gạo thật đều tay và

nhẹ nhàng để hạt gạo không bị nứt gãy và lên màu đều hơn. Công đoạn này mất rất nhiều thời gian, để chuyển những hạt gạo từ màu trắng tinh sang màu đen tuyền thì trong quá trình rang phải khuấy gạo thật đều và liên tục trong 4 đến 5 giờ đồng hồ. Sau khi hoàn tất công đoạn lên màu cho gạo, kế đến là vẽ phác thảo trên khung ván ép hoặc gỗ theo kích thước tùy chọn sao cho phù hợp với bố cục bức tranh muốn thể hiện. Không nên chọn những loại ván gỗ quá dày hoặc quá mỏng vì nếu quá dày sẽ khó cho vào khung tranh, quá mỏng thì sau khi xít keo bức tranh sẽ bị cong. Nên phác thảo các chi tiết bức tranh một cách thật chính xác, càng sắc nét càng tốt, sẽ giúp cho bước thực hiện tiếp theo được thuận tiện hơn, đó là công đoạn đánh gạo lên bản vẽ. Công đoạn này khá phức tạp và đòi hỏi tính kiên nhẫn nhiều nhất, vì ngoài việc chọn lựa kích thước và màu sắc phù hợp còn phải tạo sự hài hòa trong bố cục của bức tranh, sự biến chuyển của từng mảng thông qua sắc màu của hạt gạo. Có nhiều cách để sắp xếp các hạt gạo sao cho khi nhìn vào bức tranh người xem có thể cảm nhận được sự uyển chuyển và công phu trong từng hạt gạo. Có thể kể đến cách đánh gạo theo từng hàng đều nhau, đánh theo kiểu 3 hạt gạo dọc 3 hạt gạo ngang sao cho các hạt gạo tạo được sự liên kết tốt nhất. Để đánh gạo lên bản vẽ cần sử dụng keo sữa (*đây là dạng keo sệt màu trắng*), khi keo khô lại sẽ trong suốt. Nên đánh gạo từng hạt, từng hạt lên những chi tiết của bản vẽ, không nên rải gạo vì như vậy sẽ khiến bức tranh không được đẹp và không thể hiện được tính thủ công trong tác phẩm.

Sau khi hoàn thành bức tranh, đợi cho keo sữa khô hoàn toàn sau đó dùng keo xít đều lên bề mặt bức tranh, vừa có tác dụng cố định gạo vừa trừ kiến, mối mọt và chống ẩm mốc rất tốt. Kế đến dựng đứng bức tranh lên và vỗ vào mặt sau để kiểm tra độ chắc chắn của tranh, xem có hạt gạo nào rơi ra hay không, nếu có thì dính lại vào vị trí cũ. Tiếp theo, mang tranh ra phơi khoảng một đến hai nắng để tranh được khô hoàn toàn, giúp gạo dính chặt vào khung và bay hết hơi nóng của keo 502. Nếu muốn bức tranh lung linh và bền chắc hơn, có thể xít lên bề mặt tranh một lớp sơn bóng. Cuối cùng là cố định tranh vào khung gỗ, có thể sử dụng khung có lồng kính hoặc không có lồng kính nhưng tốt nhất nên sử dụng loại có lồng kính vì nó vừa tạo sự thẩm mỹ vừa bảo vệ bề mặt tranh tốt hơn, tránh được bụi và nước bám vào. Một bức tranh gạo rang được đánh giá đạt chất lượng không chỉ nằm ở màu sắc hài hòa, sự chặt chẽ trong cách sắp xếp các hạt gạo mà mỗi bức tranh còn phải có một cái hồn riêng, thể hiện giá trị về văn hóa, tinh thần của mỗi đối tượng chủ thể.

Hiện nay, tại Hội An đã có sự kết hợp giữa những hạt gạo nguyên và gạo tẩm để thực hiện một tác phẩm tranh gạo. Sử dụng gạo tẩm giúp tiết kiệm được thời gian hơn vì hạt nhỏ, mau chuyển màu khi rang. Công đoạn dính gạo lên bản vẽ cũng được rút ngắn thời gian bằng việc dùng muống để rải gạo tẩm lên những chi tiết trên bản vẽ, sau đó dùng keo xít cố định gạo, các chi tiết trên bức tranh sẽ tạo cảm giác mịn màng và uyển chuyển hơn. Tuy màu

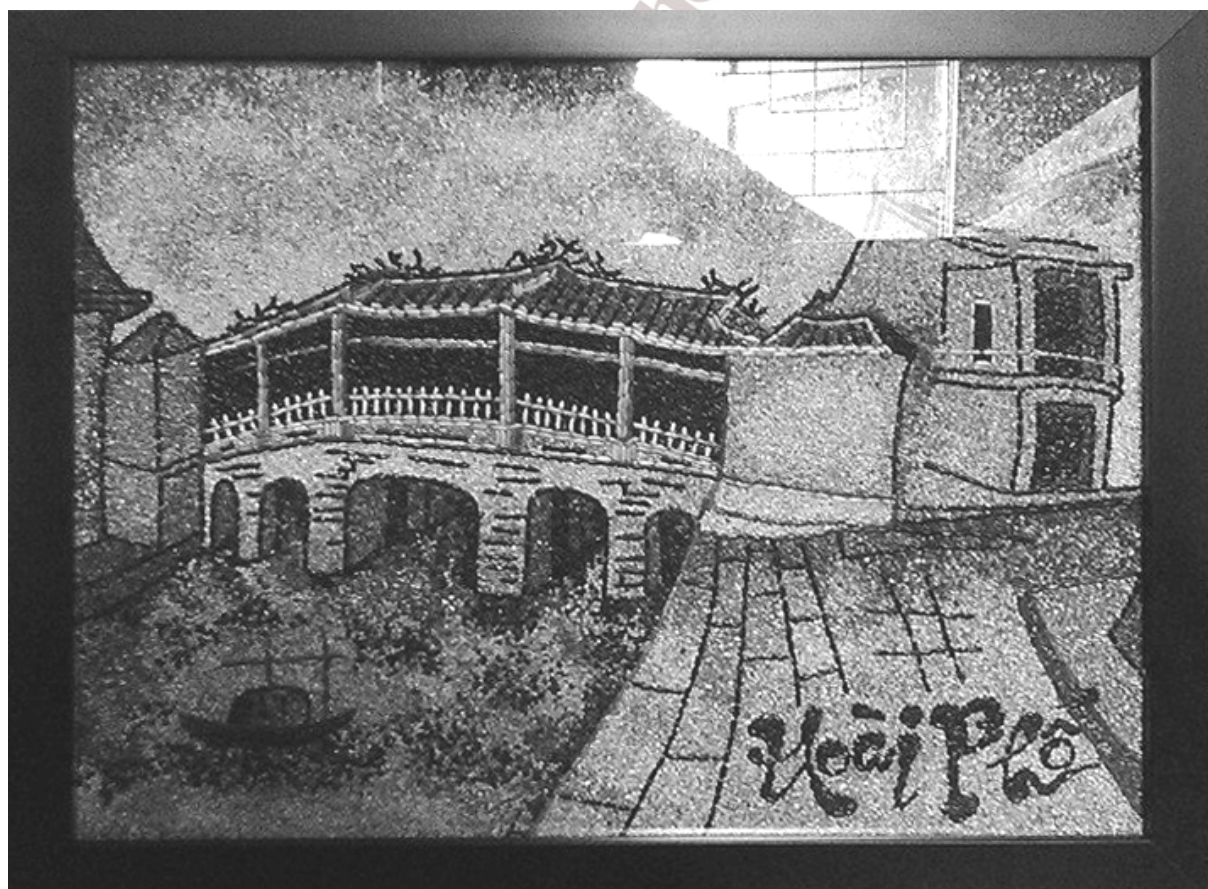
sắc của gạo tẩm không tươi bằng màu của hạt gạo nguyên nhưng lại tạo nên nét đặc trưng riêng trong khâu chuyển màu tạo được độ sâu không gian trong bố cục bức tranh, mang lại sự mới lạ và được nhiều người yêu thích.

Tranh gạo có giá thành không cao so với các thể loại tranh khác song công đoạn thực hiện lại khá công phu, mỗi bức tranh thường có giá dao động từ ba trăm nghìn đồng đến hai, ba triệu đồng tùy vào kích thước và độ khó của mỗi bức tranh. Tại thành phố Hồ Chí Minh, là nơi tranh gạo phát triển mạnh mẽ nhất, đã diễn ra nhiều hoạt động triển lãm, đấu giá tranh gạo nhằm mục đích từ thiện, chia sẻ yêu thương, giúp đỡ những hoàn cảnh còn khó khăn trên mọi miền đất nước, tạo nên những giá trị nhân văn thấm đẫm tình người, thu hút nhiều sự quan tâm của cộng đồng.

Mỗi một bức tranh gạo, trong đó luôn ẩn chứa những ý nghĩa, nét đặc sắc khác nhau. Tùy vào những cảm nhận, tâm tư tình cảm mà người yêu tranh có thể chọn lựa cho bản thân mình một chủ đề, hoặc gửi tặng cho những người thân yêu quý của mình với mong muốn gửi gắm những thông điệp qua mỗi bức tranh trong mỗi dịp như quà tặng vào ngày sinh nhật có thể với nội dung một bức tranh phong cảnh, một bức tranh chân dung của người được tặng tạo nên sự mới lạ trong cảm xúc, hoặc trong ngày tân gia với những bức tranh thư pháp kết hợp phong cảnh quê hương đậm đà, những câu chữ thư pháp với nội dung như *“tân gia đại cát”*, *“vạn sự như ý”*, *“mã đáo thành công”*... Đặc biệt trong

dịp lễ tết Nguyên Đán là lúc để mọi người dành cho nhau những sự quan tâm vun đắp, thắt chặt tình cảm thông qua những món quà ý nghĩa. Vào dịp này, các loại quà tặng thường được cân nhắc chọn lựa rất kỹ lưỡng bởi vì đó không chỉ đơn giản là những món quà mà còn mang theo nhiều thông điệp về sự thịnh vượng, may mắn trong năm mới. Chúng ta thường quen thuộc với những món quà biếu tết như những giỏ quà bánh kẹo, mứt, giò chả, nem chua, rượu bia hay những lẵng hoa đa sắc xinh xắn hoặc những nhánh hoa mai, cành đào xuân sắc... Nhưng trong khoảng thời gian gần đây mọi người còn dành cho nhau những món quà khác hơn như những vật dụng trang trí, những bức tranh nhiều thể loại và chất

liệu. Trong đó tranh gạo là một trong những thể loại tranh được mọi người ưa thích và dành tặng cho bạn bè, người thân với những câu chúc đầy ý nghĩa, gửi gắm vào đó những thông điệp yêu thương. Có thể nói rằng tranh gạo là một món quà tặng ý nghĩa từ đồng lúa quê hương được mang đến cho những người yêu thích nghệ thuật, góp phần làm phong phú cho ngành hội họa Việt Nam cũng như góp phần làm cho đời sống văn hóa, tinh thần của con người đa dạng hơn. Và tại Hội An, tranh gạo không chỉ tạo nên sự đa dạng thể loại tranh nghệ thuật tại đây mà còn góp phần truyền bá văn hóa, hình ảnh về một đô thị cổ Hội An thân thương đến với du khách trong và ngoài nước theo một phương diện nghệ thuật mới♥



VẬT LIỆU TRUYỀN THỐNG TU BỒ TAM QUAN CHÙA BÀ MỤ

Trần Thanh Hoàng Phúc

Chùa Bà Mụ là tên dân địa phương thường gọi (*tục danh, đây không phải là nơi thờ Phật*) cho công trình kiến trúc tín ngưỡng cung Cẩm Hà và cung Hải Bình (*tên tự*) của cộng đồng người làng Minh Hương tại Hội An. Di tích tọa lạc tại khuôn viên trường THCS Nguyễn Duy Hiệu, thuộc khối An Thái, phường Minh An. Hai cung này hiện nay không còn nữa, chỉ còn phần cổng vào tương đối nguyên vẹn, mặt trước cổng hướng ra phía đường Hai Bà Trưng. Tuy nhiên, nhiều hạng mục đã xuống cấp nghiêm trọng, bị cây cối xâm thực. Cổng vào là sự kết hợp giữa hai tam quan của hai công trình kiến trúc (*hai cung*), có tổng cộng bốn lối vào, lấy trục đối xứng là một vòng tròn lớn ở giữa. Do đó, tên gọi “*Tam quan chùa Bà Mụ*” có phần chưa chính xác và vẫn còn một số ý kiến khác nhau xoay quanh tên gọi này, tuy nhiên, đây là cách gọi trong dân gian khá phổ biến, được nhiều người biết đến nên trong bài viết này tôi vẫn tạm dùng cách gọi “*tam quan*” thay cho “*cổng vào*”.

Theo tìm hiểu tư liệu, lần tu bổ tam quan chùa Bà Mụ gần nhất là năm Khải Định thứ 7 (*tức năm 1922*), từ đó đến nay chưa có đợt tu bổ lớn nào, do đó, các yếu tố gốc của di tích có thể nói

được giữ gìn nguyên vẹn, kể cả vật liệu xây dựng. Văn bia miếu (*cung*) Cẩm Hà hiện đặt trong nhà bia phía trước non bộ ở sân chùa Quan Âm (*Minh Hương Phật tự*) có ghi: “*Tự Đức năm Mậu Thân, tú tài khoa hương Trương Chí Thi tiên sinh làm lại cửa tam quan trước chùa. Tăng cao trụ, biển, hai cửa vào ra đối nhau rất nguy nga, giữa có vòng mặt trăng rộng sáng chói. Cảnh hai cung càng thấy mỹ quan đủ thấy khí hùng tráng phong tư văn hóa trong làng. Khách bác cổ Âu, Á đến du lãm chẳng ai là không khen, chụp ảnh cho là kiến trúc đẹp nhất Quảng Nam. Lâu ngày phải sửa lại, thức giả đều nói: bảo tồn cổ tích ngày nay là một vấn đề lớn, người trước dựng nên, người sau phải noi dấu*”¹. Qua đó có thể thấy rằng việc bảo tồn tam quan chùa Bà Mụ nói riêng và bảo tồn cổ tích nói chung đã được người xưa rất coi trọng.

Hiện nay, tam quan chùa Bà Mụ đang trong quá trình tu bổ. Việc tu bổ tam quan với vật liệu đúng như vật liệu truyền thống đã dùng tại di tích là hết sức cần thiết để đảm bảo tính chân xác. Trước khi thực hiện tu bổ, chúng tôi đã phối hợp với nghệ nhân đắp vẽ Đồ

¹ Nhóm nghiên cứu Hội An (2015), Di sản Hán Nôm Hội An, tập 1: Văn bia, trang 75, Công ty CP In – Phát hành sách và thiết bị trường học Quảng Nam in.

Cường (người chịu trách nhiệm chính trong công tác tu bổ đắp vẽ trang trí tam quan) tiến hành khảo sát vật liệu được sử dụng tại tam quan để có đánh giá sơ bộ. Chúng tôi nhận thấy ở di tích có nhiều vật liệu truyền thống đặc trưng mà hiện nay không còn được sử dụng rộng rãi trong tu bổ di tích, cụ thể:

- Gạch xây: là gạch vồ với rất nhiều kích thước khác nhau được sử dụng tại di tích. Nhiều chi tiết trang trí cũng được xây tạo hình bằng gạch vồ, sau đó tô trát vữa vôi để tạo dáng vẽ hoàn thiện.

- Ngói lợp: tuy tam quan có diện tích lợp mái rất nhỏ, nhưng lại sử dụng nhiều loại ngói. Hàng ngói úp là ngói ống, hàng ngói ngửa là ngói cong (2 loại – chưa kể ngói lót) với kích thước lớn, dày hơn loại ngói sần có trên thị trường rất nhiều. Đuôi mái còn có hàng

ngói diềm với hoa văn trang trí đẹp mắt, tinh xảo. Ngói ống nhỏ dùng để tạo hình trang trí trên bờ nóc, bờ chảy.

- Vữa xây, trát tường, hom tường: là loại vữa vôi truyền thống, công thức chế tạo khá phức tạp, dùng để làm chất kết dính, tô trát sơ bộ bề mặt.

- Vữa vôi trát hoàn thiện mặt ngoài tạo bề mặt láng mịn như trát mác-tic ngày nay nhưng lại cứng chắc như vữa xi măng, đắp vẽ các chi tiết hoa văn trang trí.

- Các chi tiết khuôn hoa văn trang trí đúc sẵn được làm từ đất cao lanh và than củi, gồm có 03 loại hoa văn được trang trí tại nhiều vị trí trên Tam quan (trong đó có 2 mẫu khung hình chữ nhật có cùng kích thước nhưng có một số họa tiết, hoa văn khác nhau).

Dưới đây chúng tôi xin mô tả cụ thể nguyên liệu, cách thức chế tạo các



vật liệu truyền thống này theo kinh nghiệm của nghệ nhân Đỗ Cường kết hợp với việc theo dõi thi công thực tế tại công trường trong quá trình tu bổ:

1. Vữa vôi xây, trát tường, hom tường

- Nguyên liệu: vôi hén, cát vàng, mật mía, nhót bù lời (*bời lời*), keo da trâu, giấy súc.

+ Vôi hén: tức phần vỏ hén được nung thành vôi. Các công trình kiến trúc xưa ở khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng (*cũ*) đều dùng vữa vôi hén trong xây dựng.

+ Cát vàng: vật liệu sẵn có tại địa phương, nguồn cung cấp dồi dào.

+ Mật mía: là phần nhót của cây mía, sản phẩm phụ trong quá trình nấu đường theo phương pháp thủ công truyền thống. Mía cây đem về, làm sạch sơ bộ, sau đó đưa vào ép, bỏ vào nồi nấu. Khi nước đường mía sôi, vớt bỏ bã mía, đổ vôi vào nồi để khử cặn và nhót mía, phần cặn, nhót này sẽ nổi lên trên, vớt hỗn hợp này, ta thu được mật mía.

+ Nhót bù lời (*bời lời*): phần vỏ cây bù lời rất nhót. Chặt cây bù lời, lột lấy phần vỏ cây đem ngâm nước cho đến khi vỏ toỉ ra (*chỉ còn lại phần sớ vỏ*), lọc lấy phần nước dẻo.

+ Keo da trâu: mua phần da rẻo tại các xưởng thuộc da trâu, bò, người ta đã nấu sẵn cho da nở ra (*dày từ 1 đến 2cm*). Phần da mua về lại đem nấu tiếp trong nồi nhôm hoặc thùng thiếc đến khi sôi lên, lấy cây đánh đều, nấu sôi và đánh liên tục cho đến khi phần da

này tan rã ra thành nước, ta thu được keo da trâu.

+ Giấy súc (?): là một loại giấy truyền thống (*trương tự như giấy dó*) đem ngâm nước cho rã ra (*khoảng 1 tuần*), vớt bã ra cối, dùng chày giã nhuyễn, bỏ lại vô thùng ngâm, khuấy đều, lọc lấy phần nước có tinh giấy. Tại công trường hiện sử dụng tập vở học sinh thay thế cho giấy súc để tiết kiệm chi phí.

* Công dụng của từng loại nguyên liệu: vôi hén có tính kết dính, nhờ có vôi, hỗn hợp vữa trở nên đông cứng, rắn chắc; mật mía, keo da trâu là phụ chất tăng khả năng liên kết các nguyên liệu thành phần, giúp làm hỗn hợp vữa vôi đông cứng; nhót bù lời giúp tăng độ dẻo của vữa vôi. Giấy súc tăng khả năng bám dính, tạo sự mềm dẻo cho vữa.

- Cách thức chế tạo:

Công tác chuẩn bị vật liệu phải được tiến hành ít nhất 07 ngày trước khi thực hiện phần tô trát có sử dụng vữa vôi.

Trước tiên ta phải ủ vôi hén. Vôi hén trộn đều với cát màu vàng theo tỉ lệ: 02 cát + 01 vôi hén, cho nước vào ủ, dùng cuốc, xẻng đảo hỗn hợp cho đều, đem ủ trong vòng 7 ngày. Giấy súc, vỏ cây bù lời cũng phải đem đi ngâm để lấy nhót trước khi sử dụng từ 07 đến 10 ngày.

Vữa vôi được trộn tại công trình. Để trộn vữa, cần đóng một hộc gỗ (*có hình lòng máng để dễ thao tác trộn vật liệu*), kích thước khoảng (2,0m x 0,5m x 0,5m), chôn hộc xuống đất, miệng hộc

ngang bằng nền đất (*để dễ dàng thao tác khi trộn vữa và giữ ẩm cho vữa*). Công tác trộn vữa cần tiến hành khoảng 30 phút trước khi tiến hành xây, trát. Trước tiên, đổ vôi hén (*đã ủ với cát*) vào hộc trước, tiếp đến là nhót bù lời, mật mía, giấy súc rồi trộn đều với tỉ lệ tương đối như sau: 05 xô vữa vôi hén, cát + 0,5 lít mật mía + 0,5 lít keo da trâu + 2 lít nhót bù lời + 2kg giấy súc (*ngâm lấy nước tinh giấy*), sau đó dùng cuốc, xẻng trộn đều, để khoảng 30 phút rồi đem đi thi công. Phần nước nhót và keo thay thế cho nước như khi trộn vữa xi măng thông thường, do đó, không cần thêm nước khi trộn vữa (*trong vôi ủ đã ngâm sẵn một lượng nước nhất định*).

Vôi này dùng để xây, trát tường, hom tường. Do vữa vôi hay bị nhèo nước, không có hồ khô (*không ráo như xi măng*) nên không tô được một lớp dày một lúc (*vì lớp vữa này sẽ bị tuột, đổ xuống*) mà phải chia ra tô thành nhiều lớp mỏng, đợi lớp này ráo rồi mới tô tiếp. Tường sau khi trát vữa vôi thường bị nhiều chỗ lồi, lõm (*do vữa hay bị nhèo*), vì vậy phải dùng vữa vôi “hom” lại để tạo một bề mặt tương đối bằng phẳng hơn. Có thể quan sát được điều này khá rõ khi thấy một mảng nhỏ vữa trát bề mặt trụ tam quan.

2. Vữa vôi trát hoàn thiện mặt ngoài

- Nguyên liệu: vôi hén, keo da trâu, giấy súc.

+ Vôi hén: không ủ với cát như khi trộn vữa vôi trát. Vôi hén ở đây là vôi cái, tức là phần vỏ hén đã nung, sàng lựa phần vỏ lớn, còn y vỏ, bỏ vào bao ni-lông buộc kín lại, không cho

tiếp xúc không khí và nước (*tránh gây ẩm*). Để lấy tinh vôi, bỏ vôi cái vào thùng phuy sắt theo tỉ lệ: 1 vôi + 2 nước, gọi là sủ vôi (*trước đây ông bà xây hộc bằng gạch để sủ vôi, do trong quá trình sủ vôi, vôi ngâm nước sinh ra nhiệt, nếu bỏ trong lu sẽ gây nứt toác lu*). Nếu không theo tỉ lệ này, vôi dễ bị sượng. Khi hỗn hợp này nguội, cho thêm nước vào, quậy lên, đem lọc qua thùng chứa khác, vớt bỏ phần cặn, đợi nước lắng lại, lọc lấy phần đặc phía dưới, thu được tinh vôi hén.

+ Giấy súc: ngâm nước, giã nhuyễn (*như đã mô tả bên trên*).

+ Keo da trâu.

- Cách thức chế tạo: Trộn tinh vôi hén, keo da trâu, giấy súc để tạo hỗn hợp vữa. Với vữa vôi trát hoàn thiện, tỉ lệ giấy súc nhiều hơn so với vữa vôi xây, trát để tạo bề mặt cứng, nhẵn hơn (*tỉ lệ tương đối: 05 xô vữa vôi + 2,5kg giấy súc*). Vữa được trộn ngay tại công trình. Sau khi trộn đều, hỗn hợp có màu trắng đục (*trắng ngà*). Sau khi tạo hình, bề mặt tường hoàn thiện và hoa văn cần màu gì, chỉ cần trộn thêm màu và quét lên bề mặt đó. Bề mặt hoàn thiện này khá mỏng, láng mịn tương tự như bã mác-tíc hiện nay. Do pha màu thủ công, ít khi đều tay nên để tránh hiện tượng các mảng tường không đồng màu, phải thực hiện tô trát hoàn thiện toàn bộ bề mặt của một cấu kiện (*mảng tường*) trong một lần.

Với mảng tường có bề mặt hoàn thiện màu xám tro, trộn bột than củi mịn (*than củi: giã nhuyễn, sàng lấy bột mịn*) vào vữa vôi để tạo màu (*theo tỉ lệ 03 vôi 01 màu*). Nếu tường có

màu khác thì trộn vữa vôi với bột màu khác tương ứng (*thông thường theo tỉ lệ: 05 vôi + 01 màu, tùy vào độ đậm nhạt mà gia giảm tỉ lệ*). Màu được sử dụng tại tam quan gồm có: màu đỏ chu, màu vàng đất, màu đen khói đèn hoặc mực xạ.

Trong trường hợp bề mặt tường có những mảng không đồng màu vì phải tô trát nhiều lần, có thể xử lý “nguội” bằng cách trộn hỗn hợp tinh vôi hén + keo da trâu + bột than, dùng chổi quét một lớp lên toàn bộ bề mặt.

* Vữa vôi xây, trát và vữa vôi hoàn thiện mặt ngoài cần phải chế tạo theo đúng cách thức mà các bậc tiền nhân đã làm để tránh sự không tương thích giữa vật liệu cũ và mới, sẽ dễ dàng gây ra những hư hỏng mới, gây hại cho các cấu kiện kiến trúc cũ.

3. Gạch vồ

- Nguyên liệu: đất sét.

- Cách thức chế tạo: cần làm khuôn gỗ để tạo hình viên gạch. Đồ đất sét đã nhồi cho dẻo vào khuôn, dùng vồ gỗ

(*gần giống như cái chày*) đập xuống cho chặt (*đây cũng là lý do gạch có tên là gạch vồ*), lấy cái cung (?) có cột dây cước gạt mặt trên cho phẳng, tách khỏi khuôn, sau đó đem nung.

4. Ngói

- Nguyên liệu: đất sét núi ở Quảng Nam.

- Cách thức chế tạo: đất sét núi đem sàng lọc để loại bỏ cặn, tạp chất. Với mỗi loại ngói khác nhau cần phải có 02 khuôn gỗ (*gọi là khuôn 2 lớp*), một khuôn tạo hình mặt dưới và một khuôn tạo hình mặt trên. Việc tạo hình viên ngói theo cách truyền thống thực hiện hoàn toàn thủ công. Ban đầu, phải tạo hình một miếng đất sét phẳng với kích thước theo yêu cầu, đặt miếng này lên khuôn gỗ tạo hình mặt dưới, bắt khít theo khuôn, sau đó chụp khuôn gỗ tạo hình mặt trên lên phía trên để tạo hình hoàn chỉnh, viên ngói không bị méo mó.

Với ngói diềm (*cả ngói úp và ngói ngửa*), phần diềm có hoa văn trang trí tinh xảo, cần phải có 01 khuôn gỗ cho



mỗi loại (*khuôn có chạm khắc chi tiết trang trí trên khuôn*), tương tự như khuôn bánh in. Ép chặt đất sét vào khuôn diềm để tạo hình, đợi phần diềm ráo, gỡ ra, thoa một chút nước vào chỗ cần dán vào phần ngói ống hoặc ngói cong tương ứng, dán hai phần lại bằng đất sét, sau đó đem nung.

Riêng với ngói bình (*bằng*): cách thực hiện giống gạch vồ, nhưng vẫn cần phải có khuôn riêng.

Gạch vồ, các viên ngói buộc phải thay mới (*do ngói cũ không còn khả năng tận dụng*) tại tam quan đều được đặt làm riêng hoàn toàn theo phương pháp thủ công để đảm bảo nguyên tắc bảo tồn.

5. Khung hoa văn trang trí đúc sẵn

- Nguyên liệu: đất cao lanh + tro than (*để tạo màu xám nhạt*).

- Cách thức chế tạo: đất + than đem nhồi cho dẻo, cho vào khuôn tạo hình, sau đó đem nung. Hiện có 02 loại khung hoa văn với kích thước giống nhau (*chỉ khác nhau một chút về chi tiết hoa văn trang trí*), mỗi loại cần 01 khuôn gỗ.

Hiện nay, nguồn đất cao lanh không có tại địa phương hoặc các tỉnh lân cận. Có thể thay thế cao lanh bằng bằng đất sét địa phương (*tuy nhiên, sau khi nung, khung hoa văn sẽ có màu đỏ*) hoặc xi măng trộn với bột đá và cát (*vừa rẻ tiền vừa dễ kiếm, dễ thi công, cho sản phẩm gần giống nguyên mẫu nhất nhưng lại không đảm bảo nguyên tắc bảo tồn*). Riêng với hạng mục này, đang cân nhắc để có phương pháp tu bổ phù hợp hơn.

Ngoài ra, tại tam quan còn có một số chi tiết kiến trúc bằng đá Non Nước, có thể thay thế bằng đá Thanh Hóa, tạo hình cánh dơi bằng sa thạch, các cầu kiện gỗ... Đây là các vật liệu dễ kiếm, sẵn có trên thị trường.

Bảo tồn tu bổ di tích không phải chỉ nhằm cải thiện tình trạng kỹ thuật của di tích mà còn phải giữ được hồn cốt của di tích. Việc tìm hiểu, nghiên cứu để nắm bắt được đặc điểm riêng của từng di tích là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trước khi tiến hành bảo tồn tu bổ di tích. Trong công tác bảo tồn di tích ở Hội An hiện nay, các thành phần trang trí nề ngỗ¹ bị hư hỏng thường được tu bổ bằng những chất liệu chưa phù hợp, không đảm bảo tính thẩm mỹ, quan trọng hơn là không đảm bảo tính chân xác trong công tác tu bổ. Vì vậy, việc chế tạo các vật liệu theo đúng phương pháp truyền thống dùng để tu bổ tam quan chùa Bà Mụ rất đáng được ghi nhận, vừa đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bảo tồn, vừa có cơ sở, tư liệu nghiên cứu khoa học về vật liệu truyền thống. Với những nỗ lực trong công tác tu bổ hiện nay, hy vọng rằng sau khi hoàn thành, tam quan chùa Bà Mụ sẽ phục hồi lại dáng vẻ cổ kính, oai nghi vốn có ban đầu, hơn nữa, việc tôn tạo cảnh quan phía trước di tích sẽ làm cho tam quan thành điểm tham quan hấp dẫn, không thể bỏ qua của du khách gần xa♥

¹ Nề ngỗ: là kỹ thuật xây dựng cổ, sử dụng các nguyên vật liệu truyền thống như vôi vữa, bả màu, sành sứ,... để xây dựng và tạo nên những trang trí nội, ngoại thất hay những phù điêu khảm đắp nổi ở các công trình lăng tẩm, đền đài, phù đề trong thời phong kiến (*theo https://vi.wikipedia.org/wiki/nề_ngỗ*)

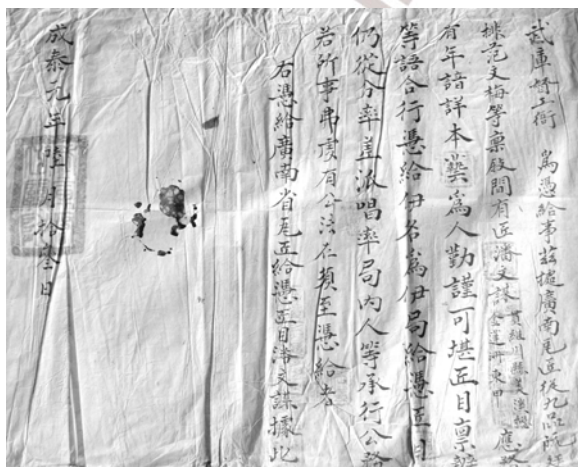
THÔNG TIN TƯ LIỆU MỚI

MỘT SỐ TƯ LIỆU HÁN NÔM LIÊN QUAN ĐẾN NGHỀ MỘC NÈ Ở HỘI AN PHÁT HIỆN TẠI CẨM KIM

Ban Biên tập

Trong đợt điều tra về tư liệu Hán Nôm ở Kim Bồng – Cẩm Kim, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phát hiện một số tư liệu Hán Nôm liên quan đến nhân vật Phan Văn Mưu làm ở Tượng Mực vào cuối thế kỷ XIX. Những tư liệu này hiện lưu giữ tại nhà thờ tộc Phan Xuân ở thôn Phước Thắng, xã Cẩm Kim. Nay, Ban biên tập xin giới thiệu nội dung tư liệu để chúng ta cùng tham khảo. *(phần phiên âm, dịch nghĩa do nhà nghiên cứu Phạm Thúc Hồng thực hiện)*

* Văn bản 1



Phiên âm

Võ khố Đốc công nha

Vi bằng cấp sự

Tur cú Quảng Nam, Ngõa tượng, Tòng cửu phẩm Nguyễn Đình Bài, Phạm Văn Mai đẳng bẩm tự gian, hữu tượng Phan Văn Mưu quán Duy Xuyên huyện, Mỹ Khê tổng, Kim Bồng châu, Đông giáp, ứng vụ hữu niên am tường bốn nghệ vi nhân cần cần khả tượng mực đẳng ngữ.

Hợp hành bằng cấp y danh vi y cục cấp bằng tượng mực nhưng tòng phân suất sai phái xướng xuất cục nội nhân đẳng thừa hành công vụ.

Nhược sở sự phát kiền hữu công pháp tại.

Tu chí bằng cấp giả

Tả bằng cấp Quảng Nam tỉnh ngõa tượng cấp bằng tượng mực Phan Văn Mưu cú thử.

Thành Thái nguyên niên, thất nguyệt, sơ tam nhật.

Dịch nghĩa

Cơ quan Đốc công kho Võ khí

Về việc cấp bằng

Nay, tại Cục thợ lợp ngói Quảng Nam có ông tòng cửu phẩm Nguyễn Đình Bài, Phan Văn Mai trình bẩm có người thợ tên Phan Văn Mưu quán huyện Duy Xuyên, tổng Mỹ Khê, châu Kim Bồng, giáp Đông, trải qua nhiều năm là người am tường nghề nghiệp, chuyên cần, thận trọng nên xin cấp bằng Tượng mực để làm công việc.

Thực hiện như vậy, nay cấp bằng Tượng mực cho tên ấy để y xướng lãnh nhân sự trong Tượng mực mà thi hành công vụ.

Nếu không siêng năng làm việc thì theo công pháp xử lý.

Chuyển nhận đến người được cấp bằng.

Cấp bằng Tượng mực trên đây cho Phan Văn Mưu ở ngõa tượng Quảng Nam theo đó mà thi hành.

Thành Thái năm thứ nhất (1889), tháng 7, ngày 3.

*** Văn bản 2**



Phiên âm

Võ khố Đốc công nha

Vi bằng cấp sự

Tư cú Quảng Nam, Ngõa ngõa nê cục, cửu phẩm Nguyễn Đình Bài bẩm tự y cục gian, hữu tượng mực Phan Văn Mưu quán Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Duy Xuyên huyện, Mỹ Khê tổng, Kim Bồng châu, Đông giáp, ứng vụ

niên (*mất một chữ, có lẽ là chữ Thâm*) vì nhân cần cần bốn nghệ, am tường khả kham thí sai, tòng cửu phẩm, tượng mực bẩm biện đẳng ngừ.

Triếp thử hợp hành bằng cấp y danh vì y cục thí sai, tòng cửu phẩm, tượng mực nhưng tòng phân suất viên xướng suất cục nội nhân đẳng.

Nhược sở sự phát kiền hữu công pháp tại.

Tu chí bằng cấp giả.

Tả bằng cấp ngõa nê tượng, thí sai, tòng cửu phẩm, tượng mực Phan Văn Mưu cứ thử.

Thành Thái tam niên, thất nguyệt, sơ tam nhật.

Dịch nghĩa

Cơ quan Đốc công kho Võ khí

Về việc cấp bằng

Nay, tại Cục thợ nề ngôi Quảng Nam có ông cửu phẩm Nguyễn Đình Bài trình bẩm: Cơ quan của ông ta có người thợ tên Phan Văn Mưu (*quê ở tỉnh Quảng Nam, phủ Điện Bàn, huyện Duy Xuyên, tổng Mỹ Khê, châu Kim Bồng, giáp Đông*), trải qua nhiều năm là người chuyên cần, cẩn thận, am tường công việc nên trình xin cấp bằng thí sai¹, tòng cửu phẩm, tượng mực để làm công việc.

Thực hiện như vậy, nay cấp bằng thí sai, tòng cửu phẩm, tượng mực cho tên ấy để y phân suất xướng lãnh nhân sự trong tượng mực mà thi hành công vụ.

Nếu không siêng năng làm việc thì theo công pháp xử lý.

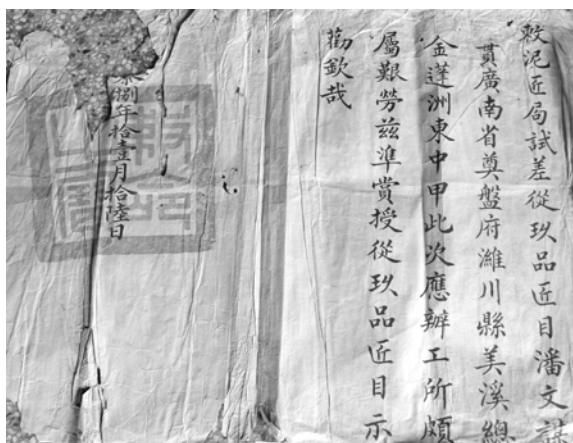
¹ Thí sai: tập sự, thử việc, tạm tuyển

Chuyển nhận đến người được cấp bằng.

Cấp bằng thí sai, tòng cử phẩm, tượng mục cục nề ngói cho tên Phan Văn Mưu theo đó mà thi hành.

Thành Thái năm thứ ba (1891), tháng 7, ngày 3.

* Văn bản 3



Phiên âm

Sắc

Nê tượng cục thí sai, tòng cử phẩm, tượng mục, Phan Văn Mưu, quán Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Duy Xuyên huyện, Mỹ Khê tổng, Kim Bồng châu, Đông Trung giáp, thử thứ ứng biện công sở phủ thuộc gian lao.

Tư chuẩn thưởng thợ tòng cử phẩm Tượng mục thị khuyến.

Khâm tai

Thành Thái bát niên, thập nhất nguyệt, thập lục nhật.

Dịch nghĩa

Sắc¹

Viên chức tạm tuyển Cục thợ nề, hàm tòng cử phẩm, thợ được xếp hạng

tên là Phan Văn Mưu, quê tỉnh Quảng Nam, phủ Điện Bàn, huyện Duy Xuyên, tổng Mỹ Khê, xã Kim Bồng, xóm Đông Trung, từng trải công việc rất gian lao.

Nay chuẩn thưởng thực nhận hàm tòng cử phẩm, thợ được xếp hạng, đề khuyến khích.

Hãy tuân hành

Thành Thái năm thứ 8, tháng 11, ngày 16.

* Văn bản 4



Phiên âm

Công Bộ

Vi bằng cấp sự

Tư cứ nê tượng cục, tòng cử phẩm tượng mục Phan Văn Mưu quán Quảng Nam tỉnh, Điện Bàn phủ, Duy Xuyên huyện, Mỹ Khê tổng, Kim Bồng châu, Đông giáp, bẩm tự cai tự đầu quân, lai tư kinh dĩ niên thâm, tư hệ niên cao suy nhược, nan kham công vụ, khát hồi quán hưu dưỡng, bẩm biện đẳng ngữ.

Cứ bẩm tình diệc khả lượng trừ lánh tư cai tỉnh tri biện ngoại.

¹ Là sắc phong của vua

Triếp thử bằng cấp nghi hồi địa phương quan trình tri tiện hồi gia quán hưu dưỡng.

Tu chí bằng cấp giả.

Tả bằng cấp ngỗ nê tượng cục, Tòng cử phẩm, tượng mục Phan Văn Mưu cú thử.

Thành Thái lục niên, thập nguyệt, nhị thập nhật.

Dịch nghĩa

Bộ Công

Về việc cấp bằng

Nay, tại Cục thợ nề Quảng Nam có tòng cử phẩm tượng mục tên Phan Văn Mưu quê ở tỉnh Quảng Nam, phủ Điện Bàn, huyện Duy Xuyên, tổng Mỹ Khê, châu Kim Bồng, giáp Đông), trình bẩm rằng do ở trong quân ngũ lâu năm, tuổi cao suy nhược, khó đảm trách công vụ nên xin trở về quê nghỉ dưỡng.

Căn cứ đơn xin theo sự tình đặc biệt, đã xem xét tường tận.

Thực hiện như vậy, nay cấp bằng để trở về trình với quan địa phương để thuận tiện cho việc nghỉ hưu.

Chuyển nhận đến người được cấp bằng.

Cấp bằng trên đây cho thợ nề là tòng cử phẩm, tượng mục tên Phan Văn Mưu theo đó mà thi hành.

Thành Thái năm thứ sáu (1894), tháng 10, ngày 12.

VÀI THÔNG TIN VỀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ HỘI AN TRONG TÁC PHẨM ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ĐỆ LỤC KỶ PHỤ BIÊN

Phạm Phước Tịnh

Trong lĩnh vực dịch thuật, dịch các tài liệu, nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đã có nhiều đóng góp trong việc phiên dịch và giới thiệu các tài liệu lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán. Trong các tư liệu lịch sử mà ông phiên dịch, chúng tôi xin giới thiệu tác phẩm Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên do ông dịch và giới thiệu, nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ xuất bản năm 2012. Dưới đây, chúng tôi xin trích nguyên văn những thông tin liên quan đến Hội An nhất là về xây dựng chính quyền đô thị được nhắc đến trong tác phẩm này để quý độc giả tham khảo:

- Năm 1892 (Thành Thái thứ 4)

Tu sửa cầu đường từ tỉnh thành Quảng Nam tới Hội An (tỉnh thành ở xã La Qua, Tòa sứ ở phố Hội An, đường ấy cần tiện cho việc đi lại bàn bạc nên cho tu sửa) (tr 177)

- Năm 1899 (Thành Thái thứ 11)

Tháng 6, định ra những việc cần làm để chỉnh lý các thị xã. Trước là tháng 9 năm trước đã chuẩn lời nghị thành lập thị xã ở kinh thành và Nghệ An, nhưng vẫn chưa nghĩ về những việc cần làm để chỉnh lý. Đến lúc ấy

Khâm sứ đại thần Boulloche lại nghĩ định các khoản, lại đệ lời dụ do Cơ mật viện tâu lên, chuẩn y ban dụ cho thi hành. Lời dụ nói “ngày 6 tháng 9 năm trước theo lời Cơ mật viện tâu xin nghĩ định thiết lập Công sở thị xã ở kinh thành và các tỉnh, duy những việc cần làm đều chưa được rõ ràng đầy đủ, phải nên nghĩ định lại cho chu tất ôn thảo để tiện thi hành. Các thị xã ở kinh thành và Thanh Hóa Nghệ An cùng các hạt Hội An ở Quảng Nam, Quy Nhơn ở Bình Định, Phan Thiết ở Bình Thuận chuẩn cho trưng thu chứa trữ riêng để chi dùng.

Ranh giới thị xã ở các phủ tỉnh ấy sẽ do Trú kinh Khâm sứ đại thần bàn bạc với bề tôi Cơ mật viện phân định để có thống thuộc. Mỗi thị xã phải có ngân sách thu chi riêng, vẫn do quan phủ tỉnh giúp đỡ quý Trú sứ bàn nghĩ lập thành sổ sách đệ lên trước ngày 1 tháng 12 Tây lịch hàng năm để Khâm sứ đại thần cùng Cơ mật viện duyệt định sẽ phát hồi tuân biện. Ngân sách ấy đã được duyệt, nếu trong đó có khoản nào phải thay đổi thì trình lại quý Khâm sứ đại thần với bề tôi Cơ mật viện nghĩ đổi định. Lại ngoài hai khoản thuế đình điền thu riêng nhập vào tổng sách thì các hạng thuế ở thị xã như thuế dọn rác, tiền phạt bắt nhốt súc vật chạy rông, thuế lò mổ, thuế hiệu cầm đồ, các khoản thuế chợ, thuế xe tay và các hạng xe chở thuê nhất thời đều giao cho quý Khâm sứ đại thần bàn với bề tôi Cơ mật viện nghĩ định. Thuế trưng thu bất thường đều do các thị xã ấy thu biện, tới như các hạng thuế cửa hiệu buôn bán và nghề

khác sẽ bàn nghĩ riêng. Còn các khoản mà thị xã ở các phủ tỉnh cần chi tiêu như đèn đường, tuần phòng thị xã, sửa sang đường sá, dọn rác, thiết lập trường học và Sở Tế bần, giữ gìn đất mộ cùng tất cả những việc có ích cho thị xã, xây dựng tu bổ và chọn người giữ gìn các nhà sở đền miếu trong thị xã đều do ngân sách thu chi của thị xã chi biện, nếu không đủ sẽ do quý Khâm sứ đại thần nghĩ cách giúp đỡ. Về việc tính toán các khoản trong ngân sách thu chi chuẩn do quý Khâm sứ đại thần chỉ thị tuân biện cho được ổn thỏa. và lại thị xã ở các phủ tỉnh là nơi nhân dân tụ họp, nay có dự định kiến thiết trước như thế thì ngõ hầu dân ta ngày càng đông đúc thịnh vượng, tuy không phải đóng thêm thuế mà ăn ở có phép tắc, đường sá tề chỉnh, nếu không một phen nghĩ định chấn chỉnh thì làm sao mong mỗi trở thành đô hội lớn, giàu có sung túc lâu dài được. (tr 351)

Bắt đầu đặt Tòa Công sứ ở Hội An, Quảng Nam (trừ huyện hạt Hòa Vang thuộc Công sứ Đà Nẵng quản lý, vẫn chiếu theo địa thế thay đổi sáp nhập các tổng xã ở hai phủ huyện Điện Bàn, Hòa Vang để tiện cho dân). (tr 368)

- Năm 1901 (Thành Thái thứ 13)

Tháng 2, thân định lệ mua bán đất trong thị xã. Trước là tháng 11 năm trước Khâm sứ đại thần Auvergne nói trước đã vâng dụ chuẩn cho đặt việc thu thuế xe thuế chợ trong thị xã nhưng không nói gì tới khoản mua bán đất. Gần đây thương nhân người tây tụ họp ngày càng đông, mà việc mua bán

đất hiện theo luật lệ nam triều lại chưa tiện, phải tuân lời dụ chuẩn năm Đồng Khánh thứ 3 và Thành Thái thứ 8 (*quan lại và thương nhân người Tây mua ruộng đất ở Bắc Kỳ hoặc trong 12 phủ tỉnh thì cho theo lệ Tây vĩnh viễn làm sản nghiệp riêng*) mà làm cho ổn thỏa, đến lúc ấy nghĩ đưa dụ văn qua Cơ mật viện duyệt lại. Bề tôi ở viện tâu lên, chuẩn cho thi hành. Lại ban dụ nói “Thị xã các tỉnh ở nước ta vào ngày 12.10.1888 và ngày 12.7.1889 Tây lịch đã dụ chuẩn thiết lập cho được sạch sẽ tránh quan để tiện cho nhân viên quý quốc và quý thuộc quốc cư trú. Nay chiếu địa phận các thị xã ở kinh thành, Nghệ An, Thanh Hóa, Hội An, Quy Nhơn và Phan Thiết nơi nào không có nhà người bản quốc cư trú hoặc xây dựng ở tạm đều cho thuộc về đất công trong địa phận các tỉnh ấy. Những đất ấy tại các phủ tỉnh, ở kinh thì có Công sứ Thừa Thiên, Thượng thư bộ Hộ và quan phủ Thừa Thiên, ở tỉnh thì có Công sứ và quan tỉnh hội đồng bàn nghĩ thỏa thuận. Tới như đất đai mà người bản quốc cư trú nếu nhiều đời truyền lại đã lâu, hoặc dựng nhà ở lâu năm thì chủ đất sẽ có chứng nhận của quan, trừ nơi nào phải đặc biệt lưu lại để tiện xây dựng nha thự quan viên, đình chùa đền miếu và phủ đệ của hoàng thân, vương công, công chúa và đường cái, bến sông, trại lính, những đất mà thị xã tỉnh ấy đã đưa vào bản đồ thì không được xâm phạm. Dụ này đính kèm lời Nghị định các điều lệ về đất ấy của Toàn quyền đại thần để thi hành. (tr 386-387)

+ Đặt thêm hai dịch trạm Nam Qua, Nam Cẩm ở tỉnh Quảng Nam (*vì tỉnh ấy và Tòa sứ Hội An cùng Sở Điện báo phát đệ công văn hàng hóa quá bận rộn*) (tr 404)

+ Bắt đầu lập sổ sách khai sinh khai tử giá thú ở các thị xã tại Trung Kỳ. Khâm sứ đại thần Mahé bàn nghĩ nên sức cho các thị xã ở Trung Kỳ làm sổ sách khai sinh khai tử giá thú để tiện nhất thời trình báo có sổ sách làm bằng cứ, sắp tới thành thói quen sẽ thi hành trong cả nước, đã soạn quy thức đệ trình Toàn quyền đại thần duyệt y. Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành, gồm:

Khoản 1: Khâm định lập sổ sách khai sinh khai tử giá thú ở kinh và ở tất cả các xã thôn phường ấp tại các thị xã ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hội An, Quy Nhơn, Quảng Trị, Phan Rang, Phan Thiết.

Khoản 2: Phàm nhân dân ở tại các thôn phường thuộc địa phận thị xã bất kể sinh con, bệnh chết hay cưới vợ chính phải khai báo kết nhận ở thôn phường để vào sổ.

Khoản 3: Sổ ấy chia làm ba loại, một loại là sổ bộ khai sinh, một loại là sổ bộ khai tử, một loại là sổ bộ hôn thú, mỗi năm thay đổi một lần, mỗi loại chia làm hai bản Giáp Ất, ngày 10 tháng 1 hàng năm làng xã thôn phường mang bản Ất của những sổ ấy trình cho thị xã hoặc huyện chuyển đệ lên tỉnh đường thu trữ, còn bản Giáp giao cho thôn phường lưu chiếu.

Khoản 4: Cách thức sổ ấy đính kèm sau đây, nếu dân gian khai báo thì do xã phường theo sự thật căn cứ trước sau ghi vào sổ, không được bôi xóa sửa chữa, cũng không được để trống khoản nào.

Khoản 5: Nhà nước sẽ in riêng mẫu sổ bộ ấy phát cho các thị xã chiếu lệ tuân biện, mỗi quyển đều có đóng dấu ký tên của quan tỉnh và Trú sứ, cứ đến hết năm quan tỉnh và Trú sứ tr xét duyệt cộng mỗi thôn phường được bao nhiêu phê vào làm bằng, nếu có tranh tụng gì chỉ dựa vào sổ lưu ở tỉnh mà xác định.

Khoản 6: Ai làm đơn xin cấp tờ trích lục, bất kể là sổ bộ khai sinh khai tử hay hôn thú, nếu thuộc sổ bộ các năm trước thì do hữu ty cấp phát, còn thuộc sổ bộ trong năm thì do Lý trưởng chiếu cấp.

Khoản 7: Tờ trích lục ấy vẫn sao y lời khai trong sổ gốc, nhà nước đã có soạn một quyển sổ đóng dấu giáp lai đính ở phía sau. Phạm ai có đơn xin trích lục thì chép vào sổ đóng dấu giáp lai, mỗi trang đều cắt ra cấp cho.

Khoản 8: Ai làm đơn xin trích lục cũng gửi đơn tới Sở Điện báo nhờ chuyển cho quan trích lục, cũng do Sở Điện báo gửi cho, phí tổn thư từ giấy tờ đi lại do người làm đơn chịu.

Khoản 9: cứ một tờ trích lục theo lệ được thu 2 hào, nếu Lý trưởng trích lục thì do Lý trưởng thu làm việc làng, nếu tỉnh cấp thì do tỉnh thu đưa vào ngân sách Trung Kỳ.

Khoản 10: Phạm việc sống chết hôn thú trong dân gian hạn trong vòng ba tháng phải tới Lý trưởng hoặc Phường trưởng sở tại khai trình vào sổ.

Khoản 11: Lý trưởng nhận lời khai và vào sổ không được đòi hỏi tiền bạc. (tr 623, 624, 625)

+ Đặt thêm thị xã Bến Thủy ở Nghệ An và tỉnh thành Quảng trị. Đầu tiên là Toàn quyền đại thần xét nghĩ Bến Thủy và thị xã tỉnh Quảng trị trước nay chưa đặt, nay nêu chiếu theo các chỉ dụ đã lần lượt ban hành (ngày 20.10.1898, ngày 12.7.1899, ngày 19.3.1901 và ngày 22.6.1903 Tây lịch) đặt làm châu thành, thể lệ giống như các thị xã ở kinh thành, Thanh Hóa, Nghệ An, Hội An, Quy Nhơn, Phan Thiết, trích cấp đất công thổ và công thổ của xã thôn làm sở hữu của hai châu thành ấy, lại đệ bản thảo chỉ dụ do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn sao ra cho thi hành. (tr 662)

+ Chuẩn y lời hội thương về việc thu thuế ở thị xã Hội An (thuộc tỉnh Quảng Nam), gồm:

Khoản 1: Quyết định các hạng thuế trong ngạch thuế Hội An do ngân sách Trung Kỳ kê ra sau đây:

Điều 1: nhà cửa phỏng theo phòng ốc giá cả cầm bán được bao nhiêu quyết định thu 8%, mỗi năm do hội đồng quý nam Nam quan bàn định, hào mục nghị định, những mảnh đất vườn gần đường cái có đăng ký cứ mỗi 10 thước tây đồng niên nạp thuế 2 hào, công sở và đền miếu thì miễn thuế.

Điều 2: các hạng thuế nền gạch và mái hiên cùng nhà ngói 2 đồng, nhà tranh 3 hào. Xin tu bổ nhà ngói 5 hào, nhà tranh 1 hào. Làm mái hiên ở mặt phố mỗi thước vuông Tây đồng niên 2 hào. Lát gạch trên cầu và bến đò mỗi thước vuông Tây đồng niên 2 hào 5 xu. Những vật dùng hàng hóa đặt trên vỉa hè mỗi thước vuông Tây mỗi tháng 2 xu, các vật dụng dùng hàng hóa đặt ngoài mái hiên mỗi thước vuông Tây đồng niên 6 hào.

Điều 3: thuê bến thuyền. Thuyền lớn chở 200 tạ trở lên mỗi ngày 5 xu, 100 tới 200 tạ mỗi ngày 4 xu, 50 tạ tới 500 tạ mỗi ngày 3 xu, 10 tạ tới 50 tạ mỗi ngày 2 xu.

Điều 4: sổ người giúp việc. Sổ không có ảnh mỗi quyển 5 hào, có ảnh mỗi quyển 1 đồng.

Điều 5: về việc di táng. Dời mộ khách thương người Thanh mỗi mộ 1 đồng.

Điều 6: bắt nhốt súc vật và đồ vật trên đường cái. Trâu, bò, ngựa mỗi con mỗi ngày 5 hào, chó, dê, cừu mỗi con mỗi ngày 1 hào, heo mỗi con mỗi ngày 5 xu. Thuyền bè xe ngựa. Xe một ngựa và xe tay mỗi chiếc mỗi ngày 2 hào, hàng hóa khác mỗi gánh mỗi ngày 2 xu.

Điều 7: thuế vệ sinh. Chiếu theo giá nhà chia hạng chịu thuế, hạng nhất 8 hào, hạng hai 5 hào, hạng ba 2 hào 5 xu.

Điều 8: các việc đốt pháo đánh trống và ca máu ở bãi đất trống mỗi tối 5 hào, nửa tối 2 hào, ngày lễ tết thì

miễn thuế. Những chỗ thường ca hát mỗi tháng 15 đồng.

Điều 9: thuế thuê mướn xe tay. Xe tay một chiếc mỗi tháng 2 đồng.

Điều 10: về tạp thuế. Thuế nhà kỹ nữ đồng niên 10 đồng, kỹ nữ mỗi người mỗi quý nạp thuế 6 hào.

Khoản 2: trong châu thành có một phần phố xá cấm không được xây dựng nhà lá nhà tranh, do Trú sứ chuẩn định.

Khoản 3: những lệ nào không phù hợp với dụ này đều bãi bỏ.

Lúc bấy giờ Tòa Khâm sứ chiếu theo chỉ dụ các năm trước (ngày 26.10.1898, ngày 12.7.1899, ngày 30.8.1899, ngày 19.3.1901, ngày 14.7.1901 Tây lịch) cùng nghị định về việc trưng thu thuế ngạch trong thị xã Hội An ngày 2.12.1902 Tây lịch, thêm bớt thay đổi phỏng theo nghĩ ra lời dụ do Phủ Phụ chính tâu lên, chuẩn cho thi hành. (tr 662, 663, 664)



TIN TỨC - SỰ KIỆN

Tặng thẻ khách danh dự tham quan miễn phí Khu phố cổ Hội An (đợt 2)

Ngọc Hương

Ngày 02/12/2015, UBND thành phố Hội An ban hành Quyết định số 2296/QĐ-UBND về việc tặng thẻ khách danh dự tham quan miễn phí Khu phố cổ Hội An (đợt 2) đối với các cá nhân có đóng góp lớn trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của thành phố. Trong đợt này, UBND thành phố đã thống nhất cấp thẻ khách danh dự cho 2 cá nhân gồm 1 người quốc tịch Việt Nam Nguyễn Thị Huyền - Điều phối viên quốc gia thuộc tổ chức quốc tế ILO và 1 người quốc tịch Nhật Bản YOKO Ishikawa - Giám đốc công ty TNHH YX. Quyết định cấp thẻ danh dự tham quan miễn phí Khu phố cổ Hội An là một trong những hoạt động nhằm tri ân những người có đóng góp lớn trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An trong những năm qua. Cộng với đợt 1 (năm 2014), đến nay UBND thành phố Hội An đã tặng thẻ khách danh dự cho 41 cá nhân♥

Gặp mặt trao đổi về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An

Ngọc Hương

Nằm trong chuỗi các hoạt động kỷ niệm 16 năm ngày đô thị cổ Hội An



được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới (04/12/1999 - 04/12/2015), sáng ngày 03/12/2015, UBND thành phố Hội An đã tổ chức buổi gặp mặt giữa lãnh đạo thành phố với chủ di tích và đại diện các chủ di tích trên địa bàn thành phố để trao đổi về công tác quản lý bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch UBND thành phố Hội An và đồng chí Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì buổi gặp mặt. Tham dự buổi gặp mặt, có đồng chí Nguyễn Sự - Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, đồng chí Kiều Cư - Bí thư Thành ủy, đồng chí Lê Chơí - Chủ tịch UBMTTQVN Thành phố cùng đại biểu lãnh đạo các ban ngành của Thành phố, lãnh đạo các địa phương và hơn 100 chủ di tích, đại diện chủ di tích. Tại buổi gặp mặt, được sự ủy quyền của UBND Thành phố, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An báo cáo một số nét nổi bật trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An trong năm 2015. Buổi gặp mặt cũng nhận được nhiều ý kiến phát biểu xoay quanh các vấn đề về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hội An trong thời gian qua, trong đó có nhiều ý kiến đề xuất đầy tâm

huyết của các đại biểu giúp cho Thành phố và các cơ quan chức năng thực hiện công tác quản lý và phát huy di sản Hội An ngày càng tốt hơn trong thời gian đến♥

Khai trương phố đi bộ Nguyễn Phúc Chu - Hội An

Ngọc Hương



Vào tối ngày 03/12/2015, UBND thành phố Hội An tổ chức lễ khai trương thêm một tuyến “phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ” tại đường Nguyễn Phúc Chu. Phố đi bộ này hoạt động 07 ngày, đêm/tuần: Buổi sáng (từ 08g30-11g00), buổi chiều và tối từ 15g00-21g30 (mùa hè) và 21g00 (mùa đông). Đây là con đường nằm ở bờ nam sông Hoài, nhìn sang khu phố cổ, chạy dọc theo khu vườn tượng An Hội, khu chợ đêm Nguyễn Hoàng, thu hút rất đông du khách, nhất là vào ban đêm.

Tham dự lễ khai trương có đồng chí Hồ Tấn Cường - Phó Giám đốc sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam; Đồng chí Kiều Cư - Bí thư Thành ủy Hội An, Đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch UBND

thành phố Hội An, cùng đại diện các cơ quan ban ngành thành phố Hội An và đông đảo bà con nhân dân và du khách trong và ngoài nước.

Trên tuyến phố đi bộ mới khai trương này, người dân và du khách có thể tham gia nhiều hoạt động cộng đồng mang đậm dấu ấn văn hóa Hội An như tham gia các trò chơi dân gian, thưởng thức các chương trình biểu diễn nghệ thuật, vẽ chân dung, khám phá các gian hàng đồ cổ, thử học cách gấp lá dừa hay làm lồng đèn - sản phẩm thủ công đặc trưng của phố Hội. Đây cũng là nơi tổ chức thường xuyên các triển lãm nghệ thuật. Ngay trong dịp khai trương tuyến phố, du khách đã được thưởng lãm bộ 50 tác phẩm ảnh mang tên “*Nhịp đập di sản*” của nhiếp ảnh gia Mai Thành Chương,...

Với việc khai trương phố đi bộ Nguyễn Phúc Chu đã góp phần mở rộng và hợp thành không gian các tuyến “*phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ*” - một trong những sản phẩm du lịch của Hội An từ năm 2004 đến nay, luôn nhận được những phản hồi tích cực từ người dân và du khách, tạo không gian thông thoáng, yên bình cho người dân và du khách khi tham quan phố cổ Hội An♥

Giải Việt dã vì Di sản văn hóa thế giới Hội An - 2016

Hồng Việt

Sáng ngày 04/12/2015, UBND thành phố Hội An đã tổ chức giải việt dã truyền thống “*Vì di sản văn hóa thế giới Hội An - 2015*”. Buổi lễ khai mạc



giải diễn ra tại khu vực Quảng trường Sông Hoài - Hội An. Tham dự lễ khai mạc có ông Hồ Tấn Cường - Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam, đại biểu lãnh đạo thành phố Hội An và lãnh đạo một số ban ngành của thành phố cùng các đoàn vận động viên. Sau lễ khai mạc, các vận động viên tham gia chạy với các cự ly 1.500m đối với nữ học sinh trung học cơ sở, 2.000m đối với nam học sinh trung học cơ sở và cơ quan - doanh nghiệp và du khách, 3.000m đối với nữ xã phường, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học và đối với nam cơ quan - doanh nghiệp và du khách, 5.000m đối với nam xã phường, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học. Giải việt dã truyền thống “*Vì di sản văn hóa thế giới Hội An - 2015*” diễn ra trong không khí sôi nổi và hấp dẫn với những pha bức rút gậy căng, ngoạn mục. Kết quả giải đấu, riêng đối với khối công nhân viên chức - lao động, giải nhất cá nhân nam là Nguyễn Kim Hưng, nữ là Nguyễn Thị Thu Hà (*Công đoàn Phòng Giáo dục - Đào tạo*), giải nhất đồng đội nữ, nam và toàn đoàn là Công đoàn công ty công trình công cộng Hội An♥

Tham dự Hội thảo quốc tế và kỷ niệm 20 năm cố đô Luang Prabang - nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được công nhận là di sản văn hoá thế giới

Tú Anh

Nhận lời mời của Tỉnh trưởng tỉnh Luang Prabang - nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, từ ngày 07 - 09/12/2015, ông Nguyễn Chí Trung - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn Hóa Hội An đã sang tỉnh Luang Prabang - nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tham dự Hội thảo quốc tế và kỷ niệm 20 năm (1995 - 2015) cố đô Luang Prabang được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá Thế giới. Việc tham dự sự kiện trên cũng là cơ hội để Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An nói riêng, thành phố Hội An nói chung chia sẻ, học hỏi và nâng cao kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hoá thế giới, đồng thời góp phần thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị giữa hai đất nước Lào và Việt Nam♥

Đoàn cán bộ, doanh nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh đoàn Đồng Tháp tham quan về mô hình du lịch công đồng và làng nghề ở Hội An

Hoàng Vinh

Vào ngày 12, 13 tháng 12 năm 2015, trong chương trình Thanh niên khởi nghiệp, lãnh đạo Tỉnh Đoàn tỉnh Đồng Tháp và Trung tâm nghiên cứu kinh doanh hỗ trợ doanh nghiệp BSA

thành phố Hồ Chí Minh đã đến tham quan tại các làng nghề gốm Thanh Hà, làng nghề trồng rau Trà Quế, làng nghề mộc Kim Bồng, làng nghề làm tranh tre dừa Cẩm Thanh. Tại các làng nghề, cán bộ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An và nhiều nghệ nhân đã chia sẻ kinh nghiệm về mô hình quản lý, sự thích ứng của người dân trong bối cảnh kinh tế du lịch cũng như sự nắm bắt tâm lý khách hàng trong phục vụ homestay. Lãnh đạo Thành đoàn, các doanh nghiệp trẻ ở Đồng Tháp cho rằng đây là những kinh nghiệm hết sức thiết thực và sẽ tham khảo, áp dụng cho mô hình phát triển du lịch cộng đồng tại các làng nghề trồng hoa, vườn quốc gia Tam Nông Đồng Tháp♥

Tiếp nhận hiện vật nhà lao Hội An

Nguyễn Cường

Nằm trong kế hoạch triển khai sưu tầm tư liệu, hiện vật liên quan đến di tích nhà lao Hội An, trong thời gian từ ngày 09/12/2015



đến ngày 14/12/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã liên hệ sưu tầm được 14 hiện vật hiện đang được những người tù yêu nước nhà lao Hội An sinh sống ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm thành phố Hội An, thành phố

Tam Kỳ, huyện Núi Thành) và thành phố Đà Nẵng lưu giữ.

Các hiện vật này chủ yếu là các loại khăn tay, bao gối thêu, áo len, khăn bàn, sổ ghi chép... được tù nhân làm tại nhà lao Hội An trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 1975. Sau hàng chục năm, các hiện vật này vẫn được nâng niu bảo quản cẩn trọng. Bên cạnh giá trị về vật chất, mỗi hiện vật còn lưu giữ những kỉ niệm đầy xúc động và không bao giờ quên của các nhân chứng về một thời bị giam cầm đầy khó khăn, thử thách lúc bấy giờ ở nhà lao Hội An. Như vậy từ đầu năm đến nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã sưu tầm được tổng cộng 35 hiện vật. Trong thời gian đến, Trung tâm sẽ tiếp tục việc sưu tầm này trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng để bổ sung, phục vụ cho công tác trưng bày, giới thiệu về di tích nhà lao Hội An trong thời gian đến♥

Tham gia lớp tập huấn về Phương pháp biên soạn lịch sử Việt Nam

Hồng Việt

Trong 2 ngày 16 và 17 tháng 12, tại thành phố Hồ Chí Minh, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã tổ chức lớp tập huấn về Phương pháp biên soạn lịch sử Việt Nam dành cho hội viên thuộc các Hội và Chi hội Khoa học Lịch sử ở địa phương từ Quảng Trị đến Cà Mau. Lớp tập huấn này do các nhà nghiên cứu đầu ngành thuộc lĩnh vực khoa học lịch sử Việt Nam như GS. NGND Phan Huy Lê,



GS.TS.NGND Nguyễn Quang Ngọc, GS.TSKH Vũ Minh Giang,... báo cáo, giảng dạy với các chuyên đề: Nguyên tắc, phương pháp biên soạn và nội dung cốt lõi của bộ Lịch sử Việt Nam; Phương pháp biên niên lịch sử; Một số phương pháp mới vận dụng trong nghiên cứu lịch sử; Một số vấn đề về thực trạng nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương hiện nay; Những phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành;... Ngoài việc triển khai công tác biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam dày 25 tập và 4 tập biên niên sự kiện lịch sử, lớp tập huấn còn trao đổi những thông tin về thành tựu nghiên cứu vùng đất Nam bộ, Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam, đồng thời cũng trang bị cho các hội viên những kiến thức cơ bản về phương pháp biên soạn lịch sử. Tham gia lớp tập huấn này, thành phố Hội An có 7 thành viên đến từ Ban Tuyên giáo, Phòng Văn hóa Thông tin và Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An♥

Thông qua Thuyết minh đề tài “Số hóa phố cổ Hội An trên nền công nghệ 3D nhằm bảo tồn và giới thiệu di sản Việt Nam ra thế giới”

Hồng Việt

Sáng ngày 22/12/2015, tại Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Nam, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh đã tổ chức xét duyệt thông qua Thuyết minh đề tài “Số hóa phố cổ Hội An trên nền công nghệ 3D nhằm bảo tồn và giới thiệu di sản Việt Nam ra thế giới”. Đề tài này do TS. Lê Như Bảo, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng làm chủ nhiệm, cơ quan chủ trì là Trường Đại học Duy Tân Đà Nẵng, thời gian thực hiện là 24 tháng kể từ ngày đề cương đề tài được phê duyệt. Mục tiêu của đề tài là xây dựng hệ thống thông tin quản lý và mô phỏng thực tại ảo các công trình, vật thể kiến trúc có giá trị tại trực đường Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Bạch Đằng (trong đó sẽ số hóa và mô phỏng thực tại ảo chi tiết 6 di tích có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và kiến trúc nghệ thuật); Gắn kết các công trình, vật thể kiến trúc đã được mô phỏng trên nền bản đồ đô thị Hội An; Xây dựng ứng dụng trên nền web để giới thiệu di sản Hội An đến du khách trên toàn thế giới.

Kết quả phiên họp, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh đã thống nhất thông qua thuyết minh đề tài, đồng thời đề nghị chủ nhiệm và cơ quan chủ trì bổ sung những ý kiến đóng

góp của hội đồng đề phê duyệt và triển khai thực hiện.

Đề tài “Số hóa phố cổ Hội An trên nền công nghệ 3D nhằm bảo tồn và giới thiệu di sản Việt Nam ra thế giới” được thực hiện hoàn thành sẽ góp phần tích cực trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An trong thời gian đến♥

Bổ sung miếu áp Cây Giá hạ vào danh mục di tích Lịch sử Văn hóa của Thành phố

Trần Phương



Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tiến hành khảo sát lập hồ sơ khoa học cho miếu áp Cây Giá hạ ở thôn Thanh Đông - xã Cẩm Thanh. Qua khảo sát cho thấy đây là di tích có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của nhân dân địa phương từ trước. Miếu thờ Thành hoàng, Thổ địa, các vị tiên, hậu hiền và các vị thần hỗ trợ đời sống, nghề nghiệp khác. Mặc dù dấu vết nguyên trạng của miếu không còn nữa nhưng hiện miếu vẫn là nơi sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng, bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể của địa phương, gắn kết cộng đồng dân cư các tổ

4, 5 thôn Thanh Đông, xã Cẩm Thanh. Sự hiện diện của ngôi miếu thể hiện tính đa dạng trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của cư dân địa phương, đồng thời góp phần làm phong phú các loại hình công trình tín ngưỡng ở Hội An. Không những vậy, đây là một trong những nơi ghi lại những dấu mốc có ý nghĩa lịch sử bởi nơi đây gắn liền với những hoạt động cách mạng của các chiến sỹ anh dũng, là nơi chở che cho các cán bộ của ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ và là chứng tích ghi dấu tội ác chiến tranh của thực dân, đế quốc.

Với những giá trị về lịch sử, văn hóa của miếu áp Cây Giá hạ; đồng thời để có điều kiện nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị này trong thời gian đến; Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã lập văn bản trình và được UBND Thành phố thống nhất chủ trương bổ sung miếu áp Cây Giá hạ vào danh mục di tích lịch sử - văn hóa của Thành phố tại văn bản số 628/TB-UBND ngày 23/12/2015♥

Bàn giao đưa vào sử dụng các giếng cổ trong Khu phố cổ Hội An

Trung Hưng

Sau thời gian tiến hành tu bổ, tôn tạo một số giếng cổ trong Khu phố cổ Hội An, vào ngày 31/12/2015 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các cơ quan, ban ngành của Thành phố và UBND phường Minh An, UBND phường Cẩm Phô, tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng 8 giếng cổ trong Khu phố cổ Hội An. Tổng mức kinh phí đầu tư được

phê duyệt đề tu bổ 8 giếng cổ này là 72.702.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố. Việc tu bổ kịp thời các giếng cổ góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An♥

Bàn giao đưa vào sử dụng di tích lăng Vy Mỹ ở khối Châu Trung, phường Cẩm Nam

Ngọc Hương

Di tích lăng Vy Mỹ ở khối Châu Trung, phường Cẩm Nam được ghi vào danh mục di tích danh thắng bảo vệ của thành phố Hội An từ năm 2008. Di tích là nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng cư dân khối Châu Trung. Trải qua thời gian sử dụng, di tích bị xuống cấp và đã được UBND thành phố Hội An thống nhất chủ trương tu bổ. Sau hơn 3 tháng thi công tu bổ, cuối tháng 12/2015, công trình tu bổ di tích lăng Vy Mỹ được hoàn thành. Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành thành phố, UBND phường Cẩm Nam tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng di tích nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng nhân dịp tết Nguyên đán Bính Thân sắp đến. Tổng mức đầu tư tu bổ di tích là 465.224.000 đồng, trong đó nguồn đóng góp xã hội hóa từ cộng đồng cư dân địa phương là 50.000.000 đồng. Việc tu bổ hoàn thành di tích góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị của di tích trên địa bàn thành phố♥

Hoạt động tham quan tại phòng Trưng bày về lịch sử văn hóa Hội An

Lê Thị Tuấn

Ngày 04 tháng 9 năm 2015, Phòng trưng bày Lịch sử - Văn hóa tại Bảo tàng Hội An thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An được mở cửa đón khách tham quan. Từ đó đến nay, có trên 200 em học sinh lớp sáu của 9 trường Trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố đến tham quan tìm hiểu về lịch sử địa phương qua hướng dẫn thuyết minh của cán bộ bảo tàng. Tại đây, các em được tham gia trò chơi “*Em yêu lịch sử*”, “*Em làm họa sỹ*”. Các hoạt động học mà chơi, chơi mà học này đã đem lại cho các em sự cảm hứng học tập, yêu mến di sản hơn. Ngoài ra, gần 600 du khách trong và ngoài nước đến tham quan phòng trưng bày này. Điều đáng mừng là người dân Hội An đã quan tâm đến bảo tàng, không chỉ ngày nghỉ cuối tuần mà trong ngày làm việc người dân cũng đến tham quan. Chia sẻ với chúng tôi, bác Trần Hơn - 84 tuổi, sống tại thôn Thanh Nam xã Cẩm Thanh nói rằng: “*Các bác đến đây, các bác vui lắm, đọc mấy chữ nho trong hiện vật này bác biết thêm về lịch sử Hội An và nhớ lại hồi nhỏ đi học chữ nho khổ mà ham lắm con ơi*”.

Năm 2016, Bảo tàng Hội An tiếp tục phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo Hội An, Thành đoàn Hội An và Câu lạc bộ Không gian đọc sách của Trường Đại học Phan Châu Trinh tổ chức nhiều hoạt động giáo dục về di sản cho thanh thiếu niên trên địa bàn Thành phố♥

Khách tham quan tại bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý - năm 2015

Lê Thị Tuấn

Năm 2015, cùng với những hoạt động truyền thông của Thành phố, các bảo tàng chuyên đề trong Khu phố cổ Hội An cũng đã từng bước được nâng cấp về nội dung hệ thống trưng bày, ánh sáng. Đặc biệt, tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch đã xây dựng không gian dừng chân để du khách nghỉ ngơi, thư giãn sau khi tham quan Khu phố cổ và bảo tàng này. Những hoạt động trải nghiệm như uơm tơ, kéo kén, thêu tay, chuốt gốm, dệt Chằm, trình diễn nhạc cụ dân tộc cũng được duy trì thường xuyên tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian. Những hoạt động này đã góp phần thu hút lượt khách đến bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trực tiếp quản lý ngày càng nhiều hơn. Trong năm 2015, các điểm bảo tàng, di tích gồm Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Gốm sứ Mậu dịch, Văn hóa Sa Huỳnh, Nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh, di tích chùa Ông và chùa Cầu đã đón được 1.148.865 lượt khách, trong đó khách quốc tế là 795.346 lượt, khách Việt Nam là 353.519 lượt. Riêng tại phòng trưng bày Lịch sử - Văn hóa Hội An mới được khai trương tại số 10 B Trần Hưng Đạo từ tháng 9/2015 cũng đã đón được 1.846 lượt khách (*trong đó, khách quốc tế: 1.600 lượt, Việt Nam: 246 lượt*).

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2015, năm 2016 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An sẽ tiếp tục đẩy mạnh những hoạt động tuyên

truyền quảng bá bằng hình thức tổ chức trải nghiệm cho du khách tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch và tiến hành trưng bày bảo tàng gắn với kỷ ức, nhất là di sản văn hóa phi vật thể và kỷ ức về lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Hội An♥

Thành phố Hội An đón chào năm mới 2016

Ngọc Hương



Tết Dương lịch là một trong những sự kiện lễ hội quan trọng trong năm của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, nhiều thành phố cũng tổ chức sự kiện này. Năm nay thành phố Hội An tổ chức chương trình đón chào năm mới 2016 với chủ đề “*Hội An chào năm mới 2016*”. Chương trình được tổ chức từ 20h45 ngày 31/12/2015 đến 1h00 ngày 01/01/2016 tại sân khấu vườn tượng An Hội, các tuyến đường trong khu phố cổ.

Tại sân khấu chính vườn tượng An Hội, diễn ra các hoạt động như “Khai hội đèn lồng Hội An 2016”; Trao giải cuộc thi Sáng tác clip “*Nét đẹp đặc trưng du lịch Hội An*”; Trao giải cuộc thi “*Ảnh cưới đẹp ở Hội An*”, Vinh danh các đơn vị lữ hành đưa khách đến tham quan

thành phố Hội An nhiều nhất trong năm 2015; Đón vị khách quốc tế thứ 1,8 triệu tham quan du lịch tỉnh Quảng Nam; Biểu diễn nghệ thuật mừng xuân - Trình diễn thời trang; Trình diễn nghệ thuật pha chế thức uống...; Phút cầu nguyện Thế giới bình yên; Đón thời khắc giao thừa; Khiêu vũ - Vũ hội hóa trang đường phố... Ngày 01/01/2015, cũng tại sân khấu này, diễn ra chương trình Chào mừng Đoàn khách đầu tiên năm 2016 tham quan Khu phố cổ Hội An; Chung khảo “Liên hoan các ban nhạc tỉnh Quảng Nam” lần thứ I.

Khi đồng hồ đếm ngược đến thời khắc giao thừa là lúc bầu trời phố Hội được thắp sáng bởi màn trình diễn pháo sáng tại sân khấu. Sau lời phát biểu chào mừng năm mới 2016 của đồng chí Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch UBND thành phố Hội An, không gian của đêm dạ hội trở nên sôi động, rộn ràng với các màn khiêu vũ, hóa trang đường phố, các điệu nhảy sôi động, những tiếng hò reo, những lời chúc tụng chào đón năm 2016 với sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương và du khách♥

Tham gia tập huấn “Bảo tàng và Ký ức”

Công Trung

Nằm trong khuôn khổ *Biên bản ghi nhớ hợp tác về bảo tàng và phát triển di sản bền vững* đã được Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép ký kết, Cục Di sản văn hóa tiếp tục phối hợp với trường Đại học Queensland, Australia tổ chức khóa



tập huấn Bảo tàng học thực địa năm 2016 tại một số bảo tàng, di tích và đơn vị quản lý di sản: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Đồng Đình, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Khóa tập huấn năm nay có chủ đề “*Bảo tàng và ký ức*” diễn ra từ ngày 04/01 đến hết ngày 15/01/2016 với sự tham gia của 20 học viên cao học đến từ trường Queensland và 10 cán bộ bảo tàng, di tích ở Việt Nam, trong đó, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An có 1 cán bộ tham gia khóa tập huấn này.

Tại khóa tập huấn này, các giáo sư - chuyên gia bảo tàng trường Queensland đã giới thiệu cho học viên những kiến thức về ký ức, phương pháp nghiên cứu, sưu tầm và sử dụng ký ức trong trưng bày bảo tàng. Những kiến thức được trang bị trong khóa tập huấn này sẽ giúp nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ bảo tàng ở Việt Nam nói chung, Hội An nói riêng♥

Tiếp đón và làm việc với đoàn cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sekoong (Lào) đến tham quan và học hỏi kinh nghiệm quản lý và bảo tồn di sản Hội An

Thanh Lương



Đoàn cán bộ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sekong (Lào) do ông Phó Giám đốc Sở làm trưởng đoàn vừa có chuyến thăm quan Hội An vào ngày 13 tháng 01 năm 2016. Mục đích chuyến công tác của đoàn lần này tại Hội An là để tham quan khu di sản văn hóa Hội An, trao đổi và học hỏi những kinh nghiệm trong công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa tại địa phương. Trong buổi làm việc, các thành viên trong đoàn cũng đã trao đổi, thảo luận về biện pháp nhằm giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản, mối quan hệ chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương liên quan đến công tác bảo tồn di sản, việc thiết lập mạng lưới cộng tác giữa các khu di sản thế giới trong nước cũng như với các tổ chức quốc tế,... Qua buổi trao đổi, đoàn đánh giá cao những kết quả đạt được của địa phương Hội An trong lĩnh vực này và xem đây là những kinh nghiệm quý giá mà đoàn cần học hỏi, nghiên cứu áp

dụng cho công tác quản lý di sản tại tỉnh Sekoong, Lào♥

Ngày hội cây quật cảnh Cẩm Hà lần thứ nhất - Hội An 2016

Hồng Việt



Nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như tôn vinh những giá trị văn hóa đặc trưng của nghề trồng hoa cây cảnh trên đất Cẩm Hà, đặc biệt là nghề trồng cây quật cảnh, ngày 16/1/2016 vừa qua, UBND xã Cẩm Hà đã tổ chức Ngày hội cây quật cảnh Cẩm Hà lần thứ nhất - Hội An 2016. Tham dự lễ khai mạc Ngày hội có đồng chí Kiều Cư, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân thành phố Hội An; đồng chí Trần Ánh, Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư thường trực Thành ủy Hội An; đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Hội An; các đồng chí lãnh đạo Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân thành phố; các đồng chí lãnh đạo Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN xã Cẩm Hà cùng đông đảo bà con nhân dân và các nghệ nhân trồng cây quật cảnh ở Cẩm Hà ... Phát biểu khai mạc Ngày hội, đồng chí Mai Kim Phương, Phó chủ tịch UBND xã

Cầm Hà, trưởng ban tổ chức đã tóm lược lịch sử trồng cây quật cảnh và nêu bật những giá trị của cây quật cảnh Cầm Hà. Tham gia thi và trưng bày cây quật cảnh trong Ngày hội cây quật cảnh Cầm Hà lần thứ nhất - Hội An 2016 có 40 hộ dân tham gia với hơn 70 cây quật cảnh tiêu biểu được trưng bày♥

Phát động “Phục dựng cây nêu ngày Tết” xuân Bính Thân - năm 2016

Lệ Xuân

Nằm trong chương trình các hoạt động của tết Nguyên đán Bính Thân - 2016, Ban Tổ chức Hội tết Nguyên đán Bính Thân thành phố Hội An tiếp tục tổ chức hoạt động “Phục dựng cây nêu ngày Tết” nhằm góp phần phục hồi và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương trong dịp tết Nguyên đán . Hoạt động này do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì . Các đơn vị, di tích tham gia hoạt động phục dựng Cây nêu ngày tết đăng ký với Trung tâm từ ngày 20/01/2016 đến hết ngày 03/02/2016 (nhằm 25/12 âm lịch) để được chấm chọn.

Thời gian dựng nêu, từ ngày 29 tháng Chạp năm Ất Mùi, duy trì đến ngày mùng 7 tháng Giêng năm Bính Thân (07/02/2016 - 14/02/2016). Những địa phương có tục dựng nêu sớm hơn có thể dựng trước ngày 29 tháng Chạp (ngày 07/02/2016). Địa điểm dựng nêu là các di tích đình, miếu, nhà thờ tộc họ...; các khu thiết chế văn hóa; tại cơ quan, đơn vị; doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

“Phục dựng cây nêu ngày Tết ” là hoạt động có ý nghĩa, ngoài góp phần phục hồi và tôn vinh những giá trị văn hóa truyền thống còn tạo thêm không khí, sắc xuân trong dịp tết đến xuân về♥

Đón vị khách thứ 8 triệu mua vé tham quan phố cổ Hội An

Ngọc Hương



Vào chiều ngày 28/01/2016, tại khu vực Chùa Cầu Hội An, thành phố Hội An tổ chức lễ đón vị khách thứ 8 triệu mua vé tham quan phố cổ Hội An tính từ năm 1995 đến nay. Đoàn du khách người Việt là những vị khách đặc biệt của ngành du lịch Hội An khi một trong số họ sẽ trở thành vị khách thứ 8 triệu. Sau khi bốc thăm, vị khách may mắn thứ 8 triệu thuộc về du khách Bùi Thị Đường, 65 tuổi, quê Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, là một Việt kiều Mỹ về quê hương ăn tết cùng gia đình và đã có chuyến tham quan phố cổ Hội An. May mắn khi trở thành vị khách đặc biệt của ngành du lịch Hội An, bà Bùi Thị Hương cho biết: “Tôi không biết nói gì hơn rất cảm ơn và vinh dự khi là vị khách thứ 8 triệu đến tham quan Hội An, cảm ơn những con người Hội An nơi đây...”

Tại buổi lễ, thay mặt UBND thành phố Hội An, ông Nguyễn Văn Sơn - phó chủ tịch UBND thành phố đã trao tặng những món quà lưu niệm dành cho đoàn du khách và du khách may mắn thứ 8 triệu.

Đạt được con số 8 triệu du khách mua vé tham quan phố cổ Hội An đã thể hiện nỗ lực lớn của các cơ quan ban ngành, đoàn thể thành phố Hội An trong suốt 21 năm qua. Hy vọng rằng trong những năm tới với những biện pháp kích cầu du lịch tích cực, Hội An sẽ đón thêm nhiều lượt khách tham quan trong nước và thế giới ♥.

Khánh thành cầu dân sinh Cẩm Kim

Hồng Việt



Sáng ngày 29/01/2016, UBND thành phố Hội An đã long trọng tổ chức khánh thành cầu dân sinh Cẩm Kim nối liền đôi bờ sông Thu, từ Cẩm Kim sang Cẩm Phô, thành phố Hội An. Tham dự lễ khánh thành có đại diện UBND tỉnh Quảng Nam, giám đốc sở Giao thông Vận tải Quảng Nam; lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, UBMTTQVN thành phố Hội An; lãnh đạo các cơ quan, ban ngành của thành phố, đơn vị thi công,

địa phương xã Cẩm Kim và đông đảo nhân dân.

Công trình cầu dân sinh Cẩm Kim có tổng chiều dài 620,7m, gồm cầu số 1 dài 272m và cầu số 2 dài 31m được nối với nhau bằng đường bê tông dài 278m. Kết cấu thiết kế cầu dàn thép bailey, khổ thiết kế 1 làn xe, khổ giới hạn thông thuyền 40 x 7m, thiết kế xe tải trọng đơn chiếc 3 tấn, mặt sàn thép, trụ betong cốt thép. Tổng kinh phí đầu tư thực hiện dự án xây dựng cầu dân sinh Cẩm Kim là 32,5 tỷ đồng.

Cầu dân sinh Cẩm Kim được khánh thành là một trong những sự kiện chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII thành công tốt đẹp, chào mừng kỷ niệm 86 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thỏa lòng mong đợi của nhân dân địa phương, góp phần đón tết, vui xuân Bính Thân - 2016 thêm vui tươi, phấn khởi ♥

Một số danh hiệu thành phố Hội An đạt được do các chuyên trang nước ngoài bầu chọn trong năm 2015

Ngọc Hương

1. Cửa Đại - Hội An vào danh sách những bãi biển hàng đầu Châu Á

Vào trung tuần tháng 2/2015, chuyên trang du lịch nổi tiếng TripAdvisor công bố top những bãi biển hàng đầu ở châu Á. Theo đó, biển Cửa Đại - Hội An xếp vị trí thứ 18 trong danh sách 25 bãi biển hàng đầu Châu Á. Tiêu chí duy nhất được đưa ra đánh giá là tỷ lệ khách đến tham quan năm qua và biển Cửa Đại đạt 74%. Nằm cách phố cổ Hội An chừng 5km theo hướng đông và Đà Nẵng khoảng 30km về phía nam, biển Cửa Đại có bãi

cát trắng mịn, làn nước trong xanh cùng mặt nước êm ái. Sự duyên dáng vẫn còn mang vẻ đẹp hoang sơ là nét quyến rũ, cuốn hút du khách đến tham quan, khám phá. Theo TripAdvisor, thời điểm tuyệt nhất để du khách ghé thăm là giai đoạn tháng 2 đến tháng 8 trong năm.

2. Hội An là điểm đến lý tưởng cho du khách ở châu Á

Vào trung tuần tháng 3/2015, Dưới tựa đề "Hội An, một Việt Nam đa văn hóa", nhật báo lớn thứ 3 của Italy La Stampa đã có bài viết dài giới thiệu về thành phố Hội An trong mục Du lịch và khẳng định rằng, đây là một điểm đến lý tưởng cho du khách Italy tại châu Á trong năm 2015.

Sau khi giới thiệu thành phố bên sông Hoài này từng là một thương cảng quan trọng vào thế kỉ 16-17, La Stampa cho rằng chính việc những nét giao thoa văn hóa giữa Á Đông và phương Tây vẫn còn được gìn giữ một cách nghiêm túc ở Hội An là điều thu hút các du khách đến đây với những ấn tượng không thể nào quên.

La Stampa viết: *"Những ngôi nhà đẹp đẽ với các chi tiết tỉ mỉ và độc đáo khiến người ta không thể không tò mò, những mái nhà lợp ngói và các hàng cột gỗ có thể nhìn thấy từ cửa ra vào, những biểu tượng để bảo vệ người dân khỏi những điều kém may mắn... Đối với những người thích văn hóa Á Đông, Hội An có tất cả: những ngôi chùa, những cây cầu, những ngôi nhà theo thiết kế Trung Hoa hoặc Việt Nam. Những người tìm kiếm các nét Phương Tây có thể gặp những kiến trúc kiểu Pháp."*

Theo bài báo, các du khách Italy có thể đến Hội An và thưởng thức những ngày lễ hội ở đây, trong đó có những đêm trăng rằm huyền ảo, khi khu phố cổ tắt hết ánh điện, chỉ còn *"lung linh trong ánh sáng đèn lồng được từng ngôi nhà, từng cửa hàng, từng con phố thấp lên."*

Tờ báo nhấn mạnh rằng, khi trở về, du khách không chỉ có một hành trang đầy ắp về văn hóa nơi này, mà còn với những trải nghiệm thú vị về ẩm thực với những món ăn truyền thống. La Stampa cũng giới thiệu một số địa chỉ các quán ăn, quán cà phê và khách sạn giá cả phải chăng ở Hội An cho các du khách Italy.

3. Hội An top 10 những trải nghiệm du lịch tại Việt Nam

Vào trung tuần tháng 5/2015, tạp chí du lịch Mỹ Huffingtonpost đã gọi ý 40 trải nghiệm khi du lịch tại Việt Nam, trong đó đạp xe dạo phố hay đặt may một bộ comple hoặc áo đầm là những điều thú vị khi đến Hội An.

4. Làng rau Trà Quế (Hội An) là một trong 10 điểm du lịch hấp dẫn

Vào trung tuần tháng 5/2015, Làng rau Trà Quế ở Hội An, Quảng Nam được tờ Nhật báo Le Figaro của Pháp đưa vào danh sách 10 điểm không thể bỏ qua nếu du lịch tới Việt Nam.

Theo giới thiệu của Le Figaro, Trà Quế là làng rau nằm cách Hội An 3km về phía Đông Bắc và được hình thành từ 300 năm về trước. Tại đây du khách quốc tế có thể dạo quanh bằng xe đạp giống như người Việt.

Le Figaro - Nhật báo uy tín và lâu đời nhất tại Pháp, được sáng lập năm 1826 dưới triều đại của vua Charles X.

Vì thế thông tin từ tờ này về làng rau Trà Quế sẽ góp thêm cơ hội cho nơi đây xây dựng thành điểm du lịch làng nghề, thu hút ngày càng nhiều khách quốc tế và mang lại thu nhập ngày càng cao cho người dân.

5. Hội An được xếp thứ 4 trong 23 điểm du lịch phải đến trong đời

Vào trung tuần tháng 6/2015, Trang báo Mỹ Buzzfeed đã đưa ra danh sách 23 địa điểm bạn nên đi ít nhất một lần trong đời do độc giả bình chọn. Hội An của Việt Nam xếp thứ 4 trong danh sách này.

Theo Buzzfeed Hội An có những bãi biển đẹp, cảnh quan thiên nhiên trên cả tuyệt vời và lịch sử thú vị mà bạn mong muốn cho 1 chuyến du lịch, nhưng thực sự Hội An còn hơn như thế. Đầu tiên, đây là nơi lý tưởng để đặt may áo quần, bạn sẽ rời đi cùng với những sản phẩm may mặc độc đáo với giá cả hợp lý.

Cũng là thiếu sót nếu không nhắc đến ẩm thực vô cùng ngon miệng tạo thành điểm nhấn nơi đây. Và cuối cùng, người dân Hội An rất thân thiện và cởi mở.

6. “6 điểm đến kỳ thú nhất thế giới” ở Việt Nam

Vào trung tuần tháng 8/2015, Trong số 500 địa danh nhất định phải đến trên thế giới do nhà xuất bản nổi tiếng chuyên về sách hướng dẫn du lịch - Lonely Planet - bình chọn, Việt Nam có 6 địa danh góp mặt.

Những địa danh du lịch nổi tiếng của Việt Nam đã xuất hiện bên cạnh những địa danh du lịch nổi tiếng thế giới, theo bình chọn của Lonely Planet. Trong khu vực Đông Nam Á, Việt

Nam có 6 địa danh xuất hiện trong danh sách, Thái Lan có 8 địa danh, Malaysia có 3 địa danh, Singapore có 2.

Nhà xuất bản sách hướng dẫn du lịch lớn nhất thế giới - Lonely Planet - đã vừa công bố một danh sách gồm 500 điểm đến kỳ thú nhất thế giới. Danh sách này đã được Lonely Planet thực hiện dựa trên đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch - khám phá. Trong danh sách 500 điểm đến lý thú nhất hành tinh - “Ultimate Travel List” - Hội An - Việt Nam xếp vị thứ 83.

7. Hội An 1 trong 29 điểm đến hấp dẫn nhất Đông Nam Á

Vào trung tuần tháng 11/2015, tạp chí trực tuyến Touropia giới thiệu danh sách 29 điểm đến hấp dẫn nhất ở Đông Nam Á du khách nên đến thăm trong đó có Hội An, Hội An là một thành phố duyên dáng nổi tiếng với bầu không khí tuyệt vời, nằm ở cửa sông Thu Bồn thuộc ven biển miền Trung của Việt Nam. Còn được biết đến với tên gọi Fai-Fo, trước đây một thương cảng của Đông Nam Á cho đến khi sông bị bồi đắp, thành phố tự hào nơi này vẫn được bảo tồn rất tốt. Các con đường hẹp, quanh co hài hòa với lối kiến trúc cổ đẹp của các căn nhà gỗ truyền thống và hàng trăm cửa hàng may đo bán tất cả mọi thứ từ quần áo đến đồ lưu niệm.

8. Đêm phố cổ Hội An 1 trong 25 trải nghiệm tuyệt vời nhất thế giới

Vào trung tuần tháng 11/2015, Rough guides (*Tạp chí du lịch Anh*), từ cuốn sách mới Best Day on Earth, đã chọn ra 25 trải nghiệm tuyệt vời nhất thế giới để lấp đầy mỗi ngày của bạn, từ lúc bình minh đến khi hoàng hôn buông xuống.

Danh sách gồm những điểm đến không thể tin được trên khắp hành tinh - từ vùng đất cực bắc của Thụy Điển đến khu rừng Guatemala, từ khám phá các đền đài đến thưởng các món ăn vỉa hè. Tập chí này miêu tả đêm phố cổ Hội An, Việt Nam vào ngày 14 âm lịch hàng tháng, lúc trời vừa tối, phố chuyển mình thành một khung cảnh lung linh huyền ảo với hàng trăm ánh đèn lồng lụa, thấp sáng từng con phố và dọc trên triền sông Thu Bồn. Tối đến, mọi người tụ tập dọc bờ sông để thả hoa đăng xuống dòng sông chảy lặng.

9. Hội An vào top 10 thị trấn đẹp nhất thế giới

Vào trung tuần tháng 12/2015, trong số các điểm đến đẹp và chỉ có dưới 65.000 người sinh sống do Business Insider lựa chọn, phố cổ Hội An ở tỉnh Quảng Nam, Việt Nam đã góp mặt trong danh sách này.

Đến tham quan các thành phố sầm uất là 1 cách du lịch, thì những thành phố nhỏ cũng có thể mang đến cho bạn 1 cảm giác thư giãn thoải mái không kém.

Trên thế giới có rất nhiều thị trấn, ở nơi đó có bầu không khí cổ xưa, những khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp và một loạt các hoạt động thú vị dành cho khách du lịch.

Chúng tôi chọn nên 1 danh sách gồm 22 thị trấn thú vị trên khắp thế giới nên đến tham quan, từ thành phố duyên hải Positano, Ý đến Bled, Slovenia, những nơi giống lấy ra từ những câu chuyện cổ tích.

Theo cách tính của Business Insider, những thành phố nhỏ là những thành phố có số dân vào khoảng 65.000 người hoặc ít hơn♥

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC LỄ HỘI

Quản lý Di tích

Ngày 22 tháng 12 năm 2015, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 15/2015/TT-BVHTTDL quy định về Tổ chức Lễ hội. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 05/2/2016. Nay, Ban biên tập trích giới thiệu nội dung Thông tư này để chúng ta cùng tham khảo.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết một số điều về tổ chức lễ hội tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ (*sau đây gọi là Quy chế hoạt động văn hóa*).

2. Việc tổ chức Giỗ tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ - CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ

đổi ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và các quy định liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động tổ chức lễ hội tại Việt Nam.

Điều 3. Các loại hình lễ hội

Các loại hình lễ hội quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế hoạt động văn hóa bao gồm:

1. Lễ hội dân gian là lễ hội được tổ chức nhằm tôn vinh người có công với nước, với cộng đồng; thờ cúng thần thánh, biểu tượng có tính truyền thống và các hoạt động tín ngưỡng dân gian khác tiêu biểu cho những giá trị tốt đẹp về truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức xã hội.

2. Lễ hội lịch sử, cách mạng là lễ hội được tổ chức nhằm tôn vinh những danh nhân, sự kiện lịch sử, cách mạng.

3. Lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch là lễ hội được tổ chức để quảng bá về văn hóa, thể thao, du lịch bao gồm: festival, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch; tuần văn hóa, thể thao, du lịch; tuần văn hóa - du lịch; tháng văn hóa - du lịch; tuần văn hóa, thể thao, du lịch; tuần văn hóa - du lịch; tháng văn hóa - du lịch; năm văn hóa - du lịch và các lễ hội văn hóa, thể thao và du lịch khác.

4. Lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài tổ chức tại Việt Nam là lễ hội do tổ chức của Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tổ chức nhằm giới thiệu

giá trị văn hóa tốt đẹp của nước ngoài với công chúng Việt Nam.

Điều 4. Yêu cầu về nội dung lễ hội

1. Nghi lễ được tiến hành trang trọng, trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, loại bỏ hoặc thay thế những tập tục không còn phù hợp.

2. Phần hội đảm bảo tươi vui, lành mạnh, đa dạng về hình thức, phù hợp với quy mô, tính chất, đặc điểm của lễ hội; khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian truyền thống.

3. Thực hiện các quy định tại Điều 3 Quy chế hoạt động văn hóa, không tổ chức các lễ hội có nội dung:

a/ Kích động bạo lực, truyền bá các hành vi tội ác bao gồm những hoạt động trong đó có thể hiện cảnh trái với truyền thống yêu hòa bình và nhân ái của dân tộc Việt Nam, cụ thể:

- Mô tả cảnh đâm chém, đâm đá, đánh đập tàn bạo.

- Mô tả cảnh rừng rợn, kinh dị.

- Mô tả cảnh thỏa mãn, khoái trá của kẻ gây tội án.

- Mô tả các hoạt động tội ác khác.

b/ Mê tín dị đoan làm mê hoặc người khác, trái với tự nhiên, gây tác động xấu về nhận thức, bao gồm:

- Cúng khấn trừ tà ma, chữa bệnh bằng phù phép.

- Lên đồng phán truyền, xem bói, xin xăm, xóc thẻ, truyền bá sấm trạng,

phù chú, cầu lợi cho mình gây hại cho người khác bằng cách yểm bùa.

- Các hình thức mê tín dị đoan khác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Cấp giấy phép tổ chức lễ hội

1. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép tổ chức lễ hội thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế hoạt động văn hóa.

2. Các lễ hội không phải xin cấp phép tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế hoạt động văn hóa.

Điều 6. Ban tổ chức lễ hội

1. Khi tổ chức lễ hội, cơ quan, tổ chức phải thành lập Ban Tổ chức, trừ trường hợp lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài do tổ chức nước ngoài thực hiện.

2. Thành phần Ban tổ chức gồm đại diện chính quyền, ngành văn hóa, thể thao và du lịch, công an, y tế, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, thông tin và truyền thông, tôn giáo, mật trận tổ quốc; đại diện ngành, đoàn thể hoặc cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức lễ hội.

Điều 7. Chế độ báo cáo tổ chức lễ hội

1. Báo cáo trước khi tổ chức lễ hội đối với các lễ hội khi tổ chức không phải xin phép quy định tại Điều 19 Quy chế hoạt động văn hóa:

a/ Trước ngày tổ chức lễ hội ít nhất 30 ngày làm việc, cơ quan tổ chức lễ hội gửi báo cáo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định sau:

- Báo cáo Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện đối với lễ hội do cấp xã trực tiếp quản lý;

- Báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Sở Văn hóa và Thể thao*) đối với lễ hội do cấp huyện trực tiếp quản lý;

- Báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với lễ hội do cấp tỉnh trực tiếp quản lý.

b/ Nội dung báo cáo ghi rõ: Thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình, kịch bản lễ hội (*nếu có*); quyết định thành lập và danh sách Ban Tổ chức lễ hội.

c/ Cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch sau khi nhận được văn bản báo cáo có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

2. Báo cáo kết quả tổ chức lễ hội:

a/ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lễ hội, Ban tổ chức lễ hội có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản kết quả công tác quản lý và tổ chức lễ hội tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b/ Nội dung báo cáo bao gồm: công tác chỉ đạo điều hành; công tác tổ chức, thực hiện; đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất.

Điều 8. Thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội

Tổ chức, cá nhân, khi tổ chức hoặc tham gia lễ hội, có trách nhiệm thực hiện các quy định về nếp sống văn minh và các quy định sau:

Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc được treo nơi trang trọng, cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo; chỉ treo cờ hội, cờ tôn giáo tại địa điểm lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội.

1. Thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban Tổ chức lễ hội; tiền công đức, tiền lễ, tiền giọt dầu đặt đúng nơi quy định của Ban Tổ chức lễ hội, Ban Quản lý di tích; không ném, thả tiền xuống giếng, ao hồ, cài tiền lên tay tượng, tay phật và thực hiện các hành vi phản cảm khác.

2. Trang phục đẹp, lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục.

3. Ứng xử có văn hóa trong hoạt động lễ hội; không nói tục, xúc phạm tâm linh gây ảnh hưởng xấu tới không khí trang nghiêm của lễ hội.

4. Bảo đảm trật tự, an ninh khi tham gia lễ hội.

5. Thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường.

6. Thắp hương, đốt vàng mã theo quy định của Ban Tổ chức lễ hội, Ban Quản lý Di tích.

7. Không đòi tiền hưởng chênh lệch giá trong khu vực di tích, lễ hội; thực hiện nghiêm Nghị định số 96/2014/NĐ - CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 9. Tổ chức hoạt động dịch vụ trong khu vực lễ hội.

Việc tổ chức các hoạt động dịch vụ trong khu vực lễ hội phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

1. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ hàng quán, nhà hàng, khách sạn, bến bãi phục vụ, người tham gia lễ hội đảm bảo không lấn chiếm khuôn viên di tích, thuận tiện, không cản trở giao thông trong khu vực lễ hội theo quy định của pháp luật.

2. Niêm yết giá, bán đúng giá, không chèo kéo khách, không ép giá; không bày bán các đồ chơi có tính bạo lực, thịt tươi sống, thịt động vật hoang dã theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở kinh doanh dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm nội quy của Ban Tổ chức lễ hội, Ban Quản lý di tích.

4. Không bán vé, thu tiền lễ hội. Trong khu vực di tích, lễ hội nếu có tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày thì được bán vé cho hoạt động dịch vụ đó theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quản lý, thu, chi tiền công đức, tài trợ

Người phụ trách (trụ trì), Ban Tổ chức lễ hội, Ban Quản lý di tích, phải có phương thức thu, nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tiền được huy động từ nguồn xã hội hóa, tài trợ để tổ chức lễ hội đảm bảo công khai, minh bạch, có sổ sách rõ ràng, chi tiêu đúng mục đích theo quy định tại Thông tư liên tịch số

04/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện nếp sống văn minh tại cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác có liên quan về tài chính.

Điều 11. Tuyên truyền trong lễ hội

1. Ban Tổ chức lễ hội có trách nhiệm tuyên truyền, giới thiệu ý nghĩa lịch sử của lễ hội, giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong lễ hội thông qua hệ thống bảng, biển hướng dẫn và các hình thức tuyên truyền khác.

2. Đối với những lễ hội có quy mô lớn, tổ chức dài ngày và thu hút đông người tham gia, Ban Tổ chức lễ hội phải tổ chức họp thông báo về kế hoạch tổ chức và cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho cơ quan báo chí theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông trong lễ hội

1. Việc đảm bảo vệ sinh môi trường trong lễ hội thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT - BVHTTDL - BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ phát huy giá trị di tích và các quy định pháp luật khác về thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng.

2. Cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội có trách nhiệm đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông trong lễ hội theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Cục Văn hóa cơ sở:

a/ Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức lễ hội và Thông tư này;

b/ Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về quản lý và tổ chức lễ hội cho các địa phương;

c/ Tổng hợp, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tình hình quản lý và tổ chức lễ hội theo thẩm quyền.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở và các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi việc chấp hành pháp luật về lễ hội và Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Sở Văn hóa và Thể thao*), Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện và hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về lễ hội và Thông tư này trên địa bàn.

2. Phân cấp quản lý hoạt động, tổ chức lễ hội trên địa bàn; quyết định quy mô, thời gian và tần suất tổ chức,

khách mời tham dự lễ hội bảo đảm tiết kiệm, tránh phô trương, lãng phí, hạn chế sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; trực tiếp chịu trách nhiệm về những hạn chế, yếu kém trong quản lý và tổ chức lễ hội tại địa phương.

3. Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương tăng cường phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) trong công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Sở Văn hóa và Thể thao*)

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy định Điều 14 Thông tư này.

2. Kiểm tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn, xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Tập huấn nghiệp vụ về quản lý và tổ chức lễ hội cho các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức lễ hội.

4. Tham mưu, đề xuất việc mời, phân công lãnh đạo tham dự lễ hội theo quy định của pháp luật.

5. Định kỳ hàng năm (*trước ngày 30 tháng 11*) gửi báo cáo về công tác quản lý và tổ chức lễ hội đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Cục Văn hóa cơ sở*) và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2016

2. Ban hành theo Thông tư này các biểu mẫu sau:

a/ Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức lễ hội: Mẫu số 01;

b/ Giấy phép tổ chức lễ hội: Mẫu số 02

3. Kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành, Quyết định số 39/2001/QĐ-BVHTT ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế tổ chức lễ hội và các quy định về tổ chức lễ hội tại Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Cục Văn hóa cơ sở*) để xem xét, điều chỉnh♥

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

MỘT SỐ PHONG TỤC ĐÓN TẾT TRUYỀN THỐNG Ở NHẬT BẢN

Thanh Lương (st)

Nhật Bản tuy là một quốc gia nằm trong khu vực Châu Á nhưng tục ăn tết của quốc gia này lại không giống như các nước Việt Nam, Thái Lan, Hàn Quốc hay Trung Quốc,... là đón Tết vào ngày 1 tháng Giêng Âm lịch. Nhật Bản lại đón Tết vào ngày 1 tháng 1 Dương lịch. Sở dĩ có sự khác biệt này là do nước Nhật đã chịu sự ảnh hưởng từ phương Tây, nên từ năm 1873 họ đã có sự thay đổi lớn về truyền thống ăn tết của mình. Trong những ngày Tết cổ truyền của mình, người Nhật đón Tết với nhiều phong tục đậm nét truyền thống của xứ Phù Tang đó là:

1. Treo mũ rơm (Shinmekazari): Việc treo mũ rơm Shinmekazari là để trang trí ở cửa ra vào khi năm mới đến và có ý nghĩa đuổi tà ma, quỷ dữ. Người ta treo những sợi dây thừng đạo Shinto để biểu thị đây là địa điểm trang nghiêm và thanh khiết để nghênh đón các vị thần. Những chiếc mũ

rơm được đính kèm những vật may mắn như cam đắng, dương xỉ, tôm hùm. Mỗi vật trang trí đều có ý nghĩa riêng. Khi năm mới kết thúc thì những vật trang trí này sẽ được đem đến đền thờ Thần Đạo.

2. Đặt Kadomatsu cạnh cửa: Kadomatsu là 3 ống tre tươi vát chéo cùng một vài cành thông. Số đoạn cành thông phải lẻ chứ không được chẵn, bởi theo quan niệm xa xưa thì hạnh phúc không thể chia được và mãi mãi được duy trì, chỉ có nỗi bất hạnh mới được chia sẻ để chấm dứt. Kadomatsu đại diện cho điều ước trường thọ và sức khỏe tốt.

3. Làm thiệp chúc mừng năm mới: Ở Nhật Bản, từ lâu đã có tục lệ gửi thiệp chúc Tết vào dịp cuối năm. Sang năm mới mỗi gia đình đều nhận được thiệp chúc Tết, họ vừa thưởng thức các món ăn ngày Tết, vừa chuyền tay nhau đọc thiệp chúc mừng Tết. Đọc những lời chúc Tết của những người thân, bạn bè, đồng nghiệp là



một trong những thú vui ngày Tết đối với hầu hết người Nhật. Thiệp mừng Nengajo có rất nhiều loại. Nhiều người tự làm bằng tay, viết những lời chúc bằng bút lông và vẽ hình chủ đề về con giáp của năm đó. Có người thì thuê in ấn và tự làm thiệp theo sở thích của mình. Ngày nay, công nghệ thông tin phát triển, nhiều người lại có sở thích vẽ thiệp bằng vi tính.

4. Cúng thần Bánh nếp Kagamimochi: Kagamimochi là một cặp bánh hình tròn, 1 to và 1 nhỏ, cỡ từ 10 đến 20 cm và được xếp chồng lên nhau. Vào dịp Tết, bánh này được bày ở hốc tường để cúng các thần vị thần của đạo Shinto và đạo Phật. Ở Nhật Bản, người ta có niềm tin lâu đời rằng những vị thần tôn kính như thần năm mới Toshikami sẽ đến nhà, vì vậy người ta làm bánh Kagamimochi để cúng dâng thần. Tuy nhiên, gần đây ít người nhận ra điều đó, mà chỉ đơn giản coi đó là vật trang trí ngày Tết mà thôi.

5. Làm món ăn Osechi (Osechi ryori): Osechi ryori có khoảng vài



chục món ăn, làm theo thực đơn ngày Tết rất cầu kỳ, được bày trong một cái hộp nhiều tầng gọi là jubako. Điểm đặc biệt là cách sắp xếp các món ăn hầu như không có sự thay đổi qua nhiều thế kỷ. Về cơ bản, thức ăn trong mỗi hộp được xếp theo quy tắc: hộp đầu tiên là các món hầm và luộc khai vị cùng cá, hộp thứ hai là các món ăn nhẹ hoặc hơi có vị chua và cuối cùng là hộp các món ăn chính, món hầm nước hoặc kho. Vị của các món Osechi khá đặc biệt vì có đủ các vị mặn ngọt và được bảo quản trong tủ lạnh để dùng trong 3 ngày Tết. Đặc biệt hơn nữa, mỗi nguyên liệu để làm nên món Osechi Ryori đều mang ý nghĩa hàm chứa những lời cầu chúc năm mới. Ví dụ như cá trap mang ý nghĩa hạnh phúc vui vẻ, “trứng cá trích” biểu thị cho “hậu duệ phồn vinh”, táo bần cuốn biểu thị cho hạnh phúc.

6. Làm súp Zoni năm mới: Zoni hiểu theo nghĩa đen là nhiều nguyên liệu được nấu chung với nhau. Mỗi gia đình có một cách chế biến riêng, tạo nên một hương vị đặc biệt không thể trộn lẫn. Nhưng tất cả đều có một nguyên liệu chung không gì thay thế được là mochi. Có thể nói, mochi chính là linh hồn của món ăn này. Zoni là món súp gồm có mocha (bánh nếp) và rau. Đây là món ăn không thể thiếu trong những ngày Tết. Ở vùng Kanto (Đông Nhật Bản), người ta thường làm món Zoni với Mochi hình vuông, trong khi ở vùng Kansai (Tây Nhật Bản), người ta lại làm Mochi hình tròn. Đặc trưng của Zoni là

người ta sử dụng các sản vật nổi tiếng của địa phương đó, khu vực đó.

7. Làm mỳ Soba (Toshikoshi soba): Phong tục ăn món này vào đêm giao thừa bắt đầu lan rộng vào thời E-do. Nguồn gốc của phong tục này là khi một người thợ kim hoàn vào thời điểm quét dọn nhà cửa để đón năm mới đã thu nhặt các hạt vàng rơi vãi xung quanh nơi ông ta làm việc với bột bánh soba, sau đó đốt cháy soba trong lò than để thu lại các vụn vàng. Tuy nhiên, bởi vì soba ngày nay dài và mảnh, người ta còn quan niệm nó có ý nghĩa trường thọ.

8. Mỡ bánh Kagamimochi (Kagamibiraki): Kagamimochi là một loại bánh truyền thống không thể thiếu vào mỗi dịp Tết tại xứ sở hoa anh đào. Người dân Nhật Bản có phong tục dâng bánh kagamimochi lên các đấng thần linh vào ngày đầu tiên của năm mới đến ngày 11 tháng giêng thì đem bánh xuống ăn. Ban đầu, sự kiện này diễn ra vào ngày 20 nhưng với cái chết của Shogun đời thứ 3 tên là Iemitsu trong chế độ Mạc phủ trùng vào ngày 20 nên người Nhật đổi sang ngày 11. Họ cùng nhau cầu nguyện một năm hạnh phúc và trang trí bánh thật đẹp.

Trong tín ngưỡng và văn hoá của người Nhật, kagamimochi được coi là vật liên kết giữa con người với các thần linh. Người ta tin rằng, chỉ cần mọi người cùng nhau chia sẻ và ăn kagamimochi, các thần linh sẽ ban phước cho họ một năm mưa thuận gió hoà và ngập tràn may mắn. Do đó, kagamimochi là những chiếc bánh dày rất quý, là vật dâng lên thần linh.

9. Giấc mơ đầu năm (Hatsuyume): Chỉ giấc mơ đầu tiên tính từ đêm giao thừa đến sáng mùng 2 tết. Nếu đó là một giấc mơ lành thì báo hiệu một năm mới nhiều may mắn. Những giấc mơ tốt lành nhất theo thứ tự: Núi Phú Sĩ, chim ưng, quả cà. Để có được một giấc mơ tốt lành vào đầu năm thì một bức tranh vẽ 7 vị phúc thần trên chiếc thuyền chở đầy châu báu được đặt dưới gối hoặc bức tranh vẽ baku (*một loài động vật tượng tượng ăn giấc mơ*) được đặt ở đó để nó ăn những giấc mơ xấu. Tuy nhiên, phong tục này bây giờ hầu như không còn duy trì nữa.

10. Lì xì (Otoshi Dama): Số tiền đưa cho trẻ em gọi là Otoshi Dama. Số tiền thông thường là từ 1 đến 2 ngàn yên để cho trẻ em chưa vào tiểu học, 3 đến 5 ngàn yên cho học sinh tiểu học, 5 ngàn yên cho học sinh cấp trung học cơ sở, 5 ngàn đến 1 vạn yên cho học sinh cấp trung học phổ thông và 1 vạn yên cho sinh viên đại học. Những trẻ em có quan hệ gần gũi và học lớp cao hơn thì được nhận số tiền lớn hơn. Số tiền cho trẻ thường phải nằm trong các con số 1, 2, 3, 5 và 10, ví dụ như 1000, 2000, 3000, 5000 và 10.000 yên. Những chiếc phong bì đặc biệt dùng để mừng tuổi được bán tại các siêu thị. Do ý nghĩa lịch sử ẩn đằng sau phong tục này nên “Otoshidama” thường là người trên ban cho người dưới. Một số người thì thường tặng cho trẻ em những món quà khác như vé vào thư viện,... và hiện nay kiểu tặng như vậy rất phổ biến♥

THIỆP TẾT NENGAJŌ NÉT ĐẸP TRONG VĂN HÓA NHẬT BẢN

Ngọc Hương (st)

Cũng giống như các quốc gia khác trên thế giới, với người Nhật, kỳ nghỉ năm mới là một thời gian để mọi người trở về với gia đình và tưởng nhớ đến tổ tiên của mình. Đúng thời khắc chuyển giao của đất - trời, khi chuông tại tất cả các đền, chùa trên toàn nước Nhật đồng loạt điểm 108 tiếng trong những lời thì thầm cầu nguyện của người dân, cũng là lúc họ háo hức chờ đợi những tấm thiệp Nengajō trong niềm hy vọng vào một năm mới may mắn và bình an.

1. Lịch sử của thiệp Nengajō

Trước thời kỳ Minh Trị (Meiji), năm mới của Nhật Bản được dựa theo lịch Âm của Trung Quốc (*giống ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam*). Tuy nhiên, vào năm 1873, 5 năm sau khi Minh Trị thực hiện công cuộc Duy tân (1868), Nhật Bản đã thông qua lịch Gregorian. Kể từ đó, ngày 1, 2 và 3 tháng 1 (*Dương lịch*) được coi là 3 ngày tết truyền thống của Nhật Bản. Người dân xứ sở mặt trời mọc gọi tết là Oshogatsu, là dịp để họ chào đón thần Năm mới Toshigamisam - vị

thần mang lại may mắn, sức khỏe và sự thịnh vượng.

Gửi thiệp chúc mừng từ lâu đã trở thành một thông lệ quốc tế và chúng thường được gửi trong các dịp nghỉ theo mùa. Việc gửi thiệp chúc mừng được phổ biến ở hầu hết những ngày lễ của các nước phương Tây. Với người dân Nhật Bản, vào các dịp lễ, đặc biệt là năm mới, họ đều mong muốn tham gia vào những hình thức biểu hiện tình cảm. Thay vì chọn các loại hình nghệ thuật, người dân Nhật Bản lại thích chia sẻ một loại hình duy nhất là tấm bưu thiệp Nengajō (*thiệp mừng năm mới*) với một tính năng rất đặc biệt. Thực tế, phong tục chuyển tới nhau lời chúc mừng năm mới ở Nhật đã xuất hiện từ rất lâu. Việc trao đổi lời chúc mừng năm mới đã được người dân Nhật Bản tiến hành hơn một nghìn năm trước. Điều này diễn ra vào thế kỷ thứ VII, khi bắt đầu lễ mừng năm mới tại một tòa án. Và, trong thời kỳ Edo (1603 - 1867), hệ thống chuyển phát nhanh tư nhân rất phát triển ở Nhật Bản



nên việc gửi thư chúc mừng đến bạn bè và người quen từ xa đã trở thành phổ biến. Nhưng đến cuối thế kỷ XIX, Nengajō mới thực sự bùng nổ trong đời sống văn hoá Nhật. Đây là điều trùng hợp ngẫu nhiên với sự thịnh vượng của thiệp năm mới ở các nước phương Tây. Khi bưu điện bắt đầu phát hành những tấm thiệp trong thời kỳ Minh Trị - Meiji (1868 - 1929), việc gửi Nengajō đã nhanh chóng lan rộng.

Sự gia tăng mạnh mẽ của Nengajō cùng với mong muốn của chủ nhân các tấm thiệp này được sở hữu một dấu bưu điện ngày đầu tiên của tháng 1, đã khiến ngành Bưu điện Nhật Bản gặp nhiều khó khăn vào các dịp cuối năm. Bắt đầu từ năm 1899, một dịch vụ đặc biệt dành cho Nengajō được mở. Theo thống kê, năm 1935, thiệp chúc mừng năm mới ở Nhật đạt hơn 700 triệu chiếc. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Trung - Nhật xảy ra năm 1937 và sau đó là việc nước Nhật tham gia cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) đã khiến số lượng các tấm bưu thiệp năm mới giảm. Trong bối cảnh này, ở một nghĩa nào đó, *“Nengajō được hiểu là một loại phong vũ biểu của hòa bình”*.

Đến năm 1948, thiệp mừng năm mới đã xuất hiện trở lại trong các ngày tết ở Nhật Bản. Trong những năm cao điểm, số lượng thiệp đã đạt đến con số hàng tỷ. Năm 1993, số lượng bưu thiệp tham gia dịch vụ năm mới là 3,7 tỷ chiếc, năm 2010 là 4 tỷ chiếc và năm 2014, Nengajō được tiêu thụ trên thị trường Nhật là khoảng 3,7 tỷ chiếc. Theo số liệu này, thì mỗi người dân

Nhật đã gửi đi 30 thiệp vào đầu năm mới.

2. Thiệp Nengajō

a. Thời gian và đối tượng để Nengajō được gửi đến

Để gửi được tấm thiệp Nengajō đến tay người nhận vào đúng ngày đầu tiên của năm, người dân Nhật Bản phải thực hiện dịch vụ bưu chính từ giữa tháng 12. Và ngày 25 tháng 12 là thời điểm cuối cùng các bưu điện ở Nhật Bản ngừng hoạt động cho dịch vụ này. Người gửi thiệp phải viết “Nengajō” bên ngoài phong bì đựng bưu thiệp để nhân viên bưu chính có thể phân biệt với thư từ thông thường. Những tấm thiệp này sẽ được giữ lại trong các ngăn xếp của bưu điện, để đến ngày đầu tiên của năm mới, chúng sẽ được giao cho người nhận. Nếu bạn lỡ thời hạn và người mà bạn đang gửi đến sống cùng một tỉnh thì bưu thiệp cũng vẫn sẽ được gửi vào ngày đầu tiên của năm. Và, những tấm thiệp này đều được bưu điện đánh dấu bằng câu Nengajō (*thiệp mừng năm mới*).

Có thể nói, từ nửa cuối tháng 12 đến đầu tháng 1 là thời gian bận rộn nhất cho các bưu điện của Nhật Bản. Ngành Bưu điện buộc phải sử dụng đến việc thuê lao động bán thời gian (*thông thường là lực lượng sinh viên*) để giúp cung cấp thiệp về đến từng hộ gia đình trong các gói quà độc đáo.

Thông thường khi bạn sử dụng Nengajō được sản xuất bởi Bưu điện Nhật Bản (JP) thì bạn không cần phải mua tem nữa. Các bưu điện sẽ dán nhãn ở mỗi tấm thiệp để đảm bảo chúng sẽ

được chuyển giao không phải trước hoặc sau mà phải chính xác vào buổi sáng của ngày 1 tháng 1. Để gửi Nengajō ra nước ngoài, Bưu điện Nhật Bản đã phát hành một con tem mệnh giá 18 yên và thiệp sẽ được gửi bằng đường hàng không. Tuy nhiên, cũng không có gì đảm bảo là các dịch vụ bưu chính ở đầu kia sẽ làm công việc này một cách hiệu quả.

Người Nhật chuẩn bị rất nhiều thiệp chúc mừng năm mới. Để phù hợp với mục đích sử dụng và đối tượng được tặng, họ đã tạo ra những chiếc thiệp dễ thương và trang trọng, với nhiều màu sắc rực rỡ hay nhã nhặn. Người dân xứ sở hoa anh đào cũng có những quy tắc về việc gửi và nhận Nengajō. Với những gia đình có người qua đời trong năm cũ, bạn không được phép gửi Nengajō bởi họ đang bước vào một năm để chịu tang. Trước đó, họ sẽ gửi đến bạn một loại bưu thiếp được gọi là Tang bưu thiếp Mochū Hagaki, chỉ có các chữ màu đen, với màu tối của tem thư như một sự tôn trọng người quá cố. Những tấm Mochū Hagaki chính là



norikoさん



えむけーさん



希さん



羽根ペンさん

thông điệp để bạn biết không phải gửi thiệp năm mới cho họ.

b. Nội dung và ý nghĩa của tấm thiệp Nengajō

Thiệp Nengajō của Nhật Bản có kích thước tiêu chuẩn là 100mm x 148mm và trang trí bởi nhiều hình ảnh minh họa đẹp, tươi sáng. Những tấm thiệp được cung cấp bởi JP thường được bày bán tại các quầy hàng tạp

hoá, quầy văn phòng phẩm. Thiệp này tương tự như một ảnh thư (etegami), khi luôn dành một khoảng trống để cho người gửi có thể viết một tin nhắn cá nhân hay viết các nội dung thông báo về cuộc sống của họ hoặc có thể vẽ những “bức tranh nghệ thuật” của

riêng mình. Nengajō được chia thành hai loại: loại in phun thông thường (mệnh giá 50 yên) và loại ảnh in phun (mệnh giá 60 yên).

Trong các tấm thiệp Nengajō đều có những dấu hiệu hoàng đạo với chu kỳ 12 năm. Mỗi năm đều hiện diện trên thiệp là một con vật (được coi là dấu hiệu hoàng đạo - eto), theo các thứ tự: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ,

Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi. Ví dụ như, năm 2008 là năm Mậu Tý, Sửu là năm 2009, năm 2010 là Hổ, năm 2011 là Thỏ/Mèo, năm 2012 là Rồng, năm 2013 là của Rắn, con Ngựa là năm 2014 và năm 2015 là hình ảnh của những chú Cừu. Đồng thời, đã có nhiều con vật yêu quý khác cũng là biểu tượng được lựa chọn cho bề mặt của thiệp. Đó là các nhân vật nổi tiếng của Disney, Snoopy, Doremon... Như, năm 2006 là hình ảnh của chú cún con nổi tiếng Snoopy và hình ảnh của các nhân vật hoạt hình khác, như Mickey và Minnie Mouse là của năm 2008... Nếu ai đó không có năng khiếu về mỹ thuật, họ có thể mua những tấm bưu thiếp in sẵn và lựa chọn bất cứ eto nào họ thích.

Người dân Nhật yêu thích nhiều hình ảnh khác nhau. Việc gửi thiệp là cơ hội để họ chia sẻ và cập nhật những hình ảnh yêu thích của mình, của bạn bè cùng những người thân. Điều này giúp các nhà sản xuất bưu thiếp ở Nhật đã làm cho Nengajō trở nên phổ biến hơn khi thực hiện in ảnh theo yêu cầu của người tham gia dịch vụ. Một số người thích để hình ảnh của bản thân, gia đình hoặc những con vật cưng của họ. Với các cặp vợ chồng trẻ, họ thường chia sẻ ảnh cưới hoặc hình ảnh những em bé đáng yêu của mình.

Thông thường, trên bề mặt Nengajō có sự kết hợp hình ảnh của eto với các họa tiết truyền thống Nhật Bản, như hình ảnh mặt trời mọc, núi Phú Sĩ hay các nhân vật nổi tiếng, như Hello Kitty, Mickey Mouse... Có thể nói, hình ảnh trên tấm bưu thiếp năm mới luôn tạo được hiệu ứng tốt cho cả

người gửi và người được nhận chúng. Sự đa dạng trong phong cách của các Nengajō đã luôn làm nên những điều bất ngờ thú vị đối với người được nhận chúng.

Người Nhật cho rằng, “*không có gì huyền bí hơn hoặc đáng sợ hơn là nhận một tấm thiệp mừng không có lời chúc*”. Bởi vậy, khi ai đó gửi đi một Nengajō, họ thường viết lên đó lời chúc mừng năm mới, một tin nhắn nào đó đối với người nhận. Chúng ta sẽ thường xuyên bắt gặp những cụm từ, như: “*Tôi hy vọng bạn sẽ luôn may mắn trong năm mới*”; “*Hạnh phúc sẽ đến với bạn khi bình minh của một năm mới xuất hiện*”. Hay những lời chúc mang tính chất thông lệ mà ta thường bắt gặp trên bất cứ tấm bưu thiếp nào của các quốc gia, như: “*Chúc mừng năm mới*” (*kinga shinnen*), “*Chào mừng xuân mới*” (*shoshun/hatsuharu*); “*Chào đón mùa xuân*” (*geishun*). Những lời chúc này dành tặng cho bất kỳ đối tượng nào, nhưng thông thường là một công ty gửi đến các cá nhân trong đơn vị họ quản lý hoặc đến các cơ quan/tổ chức là đối tác của họ.

Để gửi gắm tình cảm nhiều hơn nữa, chủ nhân của Nengajō sẽ tùy vào mối quan hệ thực tế với người nhận thiệp mà viết những dòng tri ân. Trong những tấm thiệp Nengajō của cấp dưới gửi lên cấp trên thường hay in hoặc viết những dòng chữ như: “*Tôi trân trọng kính chúc anh/chị gặp nhiều niềm vui trong năm mới*”. Với người đã từng chia sẻ những khi vui buồn, giúp đỡ họ vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, người Nhật thường bày tỏ lời

cảm ơn, như: “*Cảm ơn sự hỗ trợ tuyệt vời của anh/chị trong năm qua. Tôi hy vọng tình bạn của chúng ta luôn bền vững trong các năm tới*”.

Ngày nay, khi email trở nên phổ biến, người Nhật vẫn giữ được phong tục gửi thiệp ngày tết. Mặc dù, dịch vụ bưu thiếp do JP cung cấp rất đa dạng, phong phú và kịp thời nhưng một số người dân vẫn thích tự tạo nên các Nengajō. Bằng cách khắc gỗ hoặc dùng khoai tây, khoai lang cho việc in ấn với một bàn chải viết bằng mực sumi truyền thống, họ đã có thể cho ra đời những tấm thiệp đẹp. Nhờ có sự phổ biến của thiết bị in đặc biệt, nhờ có phần mềm của công nghệ máy tính, họ đã rất thuận lợi khi tạo ra thiết kế riêng của mình. Tuy nhiên, truyền thống viết tay (*handmade*) Nengajō vẫn tồn tại. Tác giả About Nengajō cho biết, vào các dịp cuối năm, nhiều người tụ tập xung quanh các kotatsu (*tụ điểm, nơi có lò sưởi, chăn ấm và các trang bị*) để tạo ra Nengajō handmade. Những Nengajō handmade đã được sản xuất bởi hội họa truyền thống bằng bàn chải và các kỹ thuật thư pháp cùng một chút trí tưởng tượng.

Để tạo thêm sự hứng thú trong những ngày đầu năm mới, từ năm 1949, dịch vụ JP đã đưa ra loại Nengajō có hai chức năng: vừa là bưu thiếp chúc mừng, vừa là xổ số (Lottery Postcard). Hiện nay, loại bưu thiếp này đang rất thịnh hành ở Nhật. Mỗi thẻ có một tập hợp các số xổ số ở phía dưới dấu bưu chính hoặc địa chỉ của người nhận. Post card với tính năng thú vị này được biết đến như là bưu thiếp - xổ số

năm mới (*Otoshidama Tsuki Nenga Hagaki*). Mọi người treo các Nengajō này lên cây lộc của năm mới cho đến khi truyền hình quốc gia công bố những con số may mắn vào giữa tháng Giêng. Những giải thưởng không phải là tiền bạc mà là sản phẩm. Theo thời gian, các giải thưởng của xổ số kiến thiết phản ánh điều kiện sống của người Nhật trong những khoảng thời gian tương ứng. Giữa thế kỷ XX, giải thưởng là chiếc cửa máy, thời gian sau này là máy giặt, điện thoại di động rồi các chuyến đi nghỉ ngơi và điện tử gia dụng, tivi và máy ảnh kỹ thuật số. Những giải thưởng thấp nhất là một bộ tem bưu chính. Tất cả những điều đó đều hấp dẫn và lôi cuốn đối với người dân xứ hoa anh đào và khiến họ rất vui vẻ trong những ngày tết. Có thể nói, đây là một cách thú vị để bắt đầu một năm mới!

Khi thiệp được giao, đó là một khoảng thời gian tràn đầy tiếng cười hạnh phúc của các gia đình. Với mục đích tri ân, gửi thông điệp yêu thương tới những người mình quan tâm, nên các Nengajō được nhận vào ngày “Mùng một” tết rất được người Nhật nâng niu, quý trọng. Những lời tốt đẹp từ các tấm bưu thiếp khiến họ thêm tin tưởng vào một năm mới bình an. Còn với những người phải công tác xa gia đình, Nengajō khiến họ có cảm giác ấm áp bởi tình cảm của những người thân. Thiệp giúp họ biết được tình hình quê nhà, cuộc sống của anh em, họ hàng, bạn hữu. Đồng thời, Nengajō cũng giúp họ thông báo với gia đình ở nơi xa rằng, họ vẫn sống và làm việc tốt.

Tục gửi thiệp khiến người Nhật sống gần gũi với nhau hơn. Qua nội dung những tấm thiệp, họ hiểu rằng mọi lỗi lầm mình gây ra trong năm cũ đã được người gửi Nengajō tha thứ. Nengajō giúp họ nói lời cảm ơn đến những người đã hỗ trợ họ trong các năm trước, giúp họ vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

Qua các năm, mỗi người dân Nhật đã sở hữu được số lượng Nengajō tương đối đa dạng và đồ sộ. Không chỉ dừng lại với ý nghĩa của những bộ sưu tập, việc lưu giữ các tấm thiệp cùng những lời chúc tốt đẹp, những lời tâm sự, chia sẻ về cuộc sống trên các tấm bưu thiếp đã luôn mang đến cảm giác thú vị cho chủ nhân của chúng. Có thể nói, Nengajō giống như những thước phim quay chậm, gợi cho họ nhớ về

những tháng ngày đã qua. Những lời chúc, những lời tri ân còn in đậm nét trên thiệp giúp họ nhận thức rằng, mình cần sống có trách nhiệm hơn và quý trọng cuộc sống hơn bao giờ hết.

Cuộc sống đương đại với chính sách mở cửa đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tiếp biến văn hoá. Với một cường quốc công nghiệp như Nhật Bản, lối sống hiện đại của phương Tây đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống văn hoá của họ. Tuy nhiên, người dân xứ sở hoa anh đào vẫn giữ gìn được nhiều yếu tố trong văn hoá truyền thống và thiệp tết Nengajō là một trong những nét đẹp đó♥

Tác giả: Bùi Thị Ánh Vân
Bài đăng trên website dch.gv.vn

